

RÔ-MA

Warren W. Wiersbe

1. SẴN SÀNG ĐẾN RÔ-MA (Rô 1:1-17)

Vào ngày 24 tháng 5 năm 1738, một giáo sĩ chán nản “miễn cưỡng” đến dự một hội đồng tôn giáo tại Luân-đôn. Có một phép lạ xảy ra. Ông ta viết trong nhật ký của mình, “Khoảng trước chín giờ thiếu mười lăm phút, tôi thấy lòng mình ám áp lạ kỳ. Tôi cảm nhận rằng tôi đã tin cậy vào Đấng Christ, chỉ một mình Ngài, để nhận ơn cứu rỗi và Ngài bảo đảm với tôi rằng Ngài đã cất đi mọi tội lỗi tôi, và cứu tôi thoát khỏi luật pháp của tội lỗi và sự chết”.

Vị giáo sĩ ấy là John Wesley. Sứ điệp ông nghe tối hôm đó là lời mở đầu trong sách giải nghĩa thư Rô-ma của Martin Luther. Trước đó vài tháng, Wesley viết trong nhật ký của mình: “Tôi đến Hoa Kỳ để truyền đạo cho người da đỏ nhưng than ôi! ai sẽ cứu tôi?” Đêm đó tại phố Aldersgate, câu hỏi của ông đã được giải đáp. Và kết quả là con Phấn Hưng Wesley vĩ đại đã tràn khắp Anh Quốc và thay đổi đất nước này.

Thư Phao-lô gửi cho người Rô-ma vẫn đang biến đổi đời sống nhiều người, giống như đã thay đổi lòng của Martin Luther và John Wesley vậy. Trên hết thấy các câu Kinh Thánh khác đã đem Luther ra khỏi tôn giáo thuần túy vào trong niềm vui mừng về ơn cứu rỗi do ân điển bởi đức tin đó là Rô 1:17: “Người công bình sẽ sống bởi đức tin”. Giáo hội Tin Lành Cải Chánh và Con Phấn Hưng của Wesley là kết quả của bức thư kỳ diệu do Phao-lô viết tại Cô-rinh-tô khoảng năm 56 sau Chúa. Bức thư được chuyển đến cho các tín hữu tại Rô-ma do một trong những chấp sự của Hội Thánh tại Xen-co-rê, Chị Phê-bê (Rô 16:1)

Hãy hình dung đi ! Bạn và tôi có thể đọc và nghiên cứu cùng một bức thư được Thánh Linh hà hơi mang lại sự sống và quyền năng cho Luther và Wesley ! Và cùng một Đức Thánh Linh đã dạy dỗ họ cũng có thể dạy bảo chúng ta nữa! Bạn và tôi có thể từng trải sự phấn hưng trong tâm lòng mình, trong gia đình mình và Hội Thánh nếu sứ điệp của bức thư này thu hút chúng ta như đã thu hút những người có đức tin trong nhiều thế kỷ qua.

Trong những câu mở đầu của bức thư, Phao-lô tự giới thiệu về mình cho các tín hữu tại Rô-ma. Chắc chắn một số trong họ biết rõ về vị sứ đồ, vì ông chào thăm họ trong chương cuối nhưng Phao-lô chưa hề gặp mặt nhiều người trong số ấy. Vì vậy, trong 17 câu mở đầu này, Phao-lô dùng ba cách để cố gắng tự gắn bó mình với độc giả Rô-ma của ông.

1. Ông giới thiệu những quyền hạn của ông (Rô 1:1-7)

Vào thời xưa, người viết thư luôn mở đầu bằng tên của mình. Nhưng thời đó có nhiều người mang tên Phao-lô, vì vậy tác giả phải tự bày tỏ mình và thuyết phục người đọc biết rằng ông có quyền gửi thư này. Phao Lô có những quyền hạn nào?

a. *Ông là tôi tớ của Chúa Giê-xu Christ* (Rô 1:1a) - Phao-lô dùng chữ tôi tớ có ý nghĩa đối với người Rô-ma, vì đó là chữ nô lệ. Người ta ước tính có sáu triệu nô lệ trong đế quốc Rô-ma nô lệ được người ta xem như một tài sản, chớ không phải con người. Bằng tấm lòng tận hiến cho Chúa, Phao-lô tự đặt mình làm nô lệ cho Đấng Christ, làm tôi tớ của Ngài và vâng theo ý chỉ của Ngài.

b. *Ông là một sứ đồ* (Rô 1:1b) - Chữ này có nghĩa “người được uỷ quyền làm một sứ mạng”. Trong thời đó sứ mạng ấy được áp dụng cho các đại diện của hoàng đế hoặc các sứ thần của nhà vua. Một trong những yêu cầu đòi hỏi người làm chức sứ đồ là phải có kinh nghiệm nhìn thấy Đấng Christ sống lại (ICô 9:1-2). Phao-lô nhìn thấy Đấng Christ đang trên đường đến Đa-mách (Cong 9:1-9), và lúc ấy chính Đấng Christ đã gọi ông làm sứ đồ cho dân ngoại. Phao-lô nhận lãnh sự bày tỏ thiên thượng từ Đấng Christ và ông có bổn phận phải chia sẻ lại cho các Hội Thánh.

c. *Ông là người giảng Phúc Âm* (Ro 1:1c-4) - Khi còn là ra-bi Do Thái, Phao-lô được biệt riêng ra làm người Pha-ri-si cho luật pháp và truyền thống của người Do Thái. Nhưng khi đầu phục Đấng Christ, ông được biệt riêng ra cho chức vụ rao giảng Phúc Âm. Phúc Âm có nghĩa “Tin tức tốt lành”. Đó là sứ điệp Chúa Giê-xu chịu chết thay tội lỗi chúng ta, bị chôn, và sống lại, hiện nay có quyền năng cứu chuộc tất cả mọi người để lòng tin cậy Ngài (ICo 15:1-4). Đó là “Phúc Âm của Đức Chúa Trời” (Ro 1:1) vì Phúc Âm ấy bắt nguồn từ Đức Chúa Trời chứ không phải do con người phát minh ra. Đó là “Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ” (Ro 1:16) vì Phúc Âm ấy tập trung vào Đấng Christ, Đấng Cứu Rỗi. Phao-lô cũng gọi Phúc Âm ấy là “Phúc Âm của Con Ngài” (1:9) cho thấy Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời! Trong Ro 16:25-26, Phao-lô gọi Phúc Âm là “Phúc Âm của tôi”. Ở đây ông muốn nói ông coi trọng giáo lý của Hội Thánh và địa vị của dân ngoại trong chức vụ của ông theo chương trình của Đức Chúa Trời.

Phúc Âm không phải là sứ điệp mới nhưng Phúc Âm đã được Đức Chúa Trời hứa trong Cựu Ước, bắt đầu trong Sa 3:15. Chắc chắn tiên tri Ê-sai đã rao giảng Phúc Âm trong các phân đoạn như Es 1: 18 và các chương 53:1-12 55:1-13. Sự cứu rỗi chúng ta có ngày nay đã được hứa bởi các đấng tiên tri, mặc dầu họ không hiểu hết những gì họ nói và viết (IPhi 1:10-12).

Chúa Giê-xu Christ là trung tâm của sứ điệp Phúc Âm. Phao-lô nhận biết Ngài là một con người, một người Do Thái, và là Con Đức Chúa Trời. Ngài được sanh ra bởi nữ đồng trinh (Es 7:14 Mat 1:18-25) thuộc dòng dõi Đa-vít, điều này khiến Ngài có quyền trên ngôi Đa-vít. Ngài chết thay cho tội lỗi thế gian, sau đó Ngài từ kẻ chết sống lại. Chính sự chết thay kỳ diệu và sự sống lại vinh hiển của Ngài đã làm nên Phúc Âm và đây chính là Phúc Âm Phao-lô rao giảng.

d. *Ông là nhà truyền giáo cho dân ngoại* (Ro 1:5-7) - Truyền giáo là chữ “sứ đồ viết theo tiếng La-tinh - người được sai đi”. Có thể có nhiều tập thể con cái Chúa tại Rô-ma nhưng chẳng có nhà thờ nào cả, vì trong Rô-ma chương 16 Phao-lô chào thăm một số “Hội Thánh nhóm tại nhà riêng” (Ro 16:5,10,11,14). Chúng ta không biết chắc các Hội Thánh này bắt đầu như thế nào, nhưng rất có thể các tín hữu từ Rô-ma có mặt tại lễ Ngũ Tuần đã thành lập các Hội Thánh trong chuyến họ trở về Rô-ma. (Cong 2:10). Cả người Do Thái lẫn ngoại bang cùng tham dự trong mỗi thông công này, vì trong bức thư Phao-lô gửi cho cả hai. (Cho người Do Thái Ro 2:17-29 4:1 7:1. Cho dân ngoại: 1:13 11:13-24 15:15-21). Các Hội Thánh tại Rô-ma không do Phi-e-rô hoặc bất cứ sứ đồ nào khác thành lập. Nếu các Hội Thánh ấy đã được thành lập, chắc chắn Phao-lô đã không có chương trình đến thăm Rô-ma, vì chủ trương của ông là chỉ thi hành chức vụ nơi chưa có sứ đồ nào khác đến rao giảng (Ro 15:20-21).

Hãy lưu ý sự lặp lại của chữ được gọi : Phao-lô được gọi làm sứ đồ con cái Chúa được gọi thuộc về Chúa Giê-xu Christ và họ còn được gọi làm thánh đồ. (Không phải trở nên thánh đồ vì họ đã là thánh đồ rồi! Thánh đồ là người được biệt riêng ra, người tin cậy Chúa Giê-xu Christ được biệt riêng ra và là thánh đồ). Sự cứu rỗi không phải là điều chúng ta làm cho Đức Chúa Trời nhưng chính Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta trong ân điển Ngài (II Te 2:13-14). Khi tin nhận Đấng Christ, bạn được cứu bởi hồng ân của Ngài và kinh nghiệm được sự bình an của Ngài.

Phao-lô được Đức Chúa Trời đặc biệt giao phó đem Phúc Âm đến cho dân ngoại (chữ các dân tộc có nghĩa là dân ngoại bang), và đây là lý do tại sao ông có kế hoạch đến Rô-ma, thủ đô của toàn đế quốc. Ông là người truyền rao Phúc Âm, và Phúc Âm ấy dành cho mọi dân tộc. Thực ra, Phao-lô nóng lòng đi đến Tây-ban-Nha để rao giảng về Đấng Christ tại đó (Ro 15:28).

Giới thiệu xong về các quyền hạn của mình, Phao-lô chuyển sang tạo dựng mối quan hệ thứ hai giữa bản thân ông và con cái Chúa tại Rô-ma.

2. Ông bày tỏ lòng quan tâm (Ro 1:8-15)

Chúng ta có thể hiểu rõ mối quan tâm của Phao-lô đối với các Hội Thánh ông đã thành lập, nhưng tại sao ông lại quan tâm đến các con cái Chúa tại Rô-ma? Nhiều người trong số họ không biết ông, tuy nhiên ông muốn bảo đảm với họ ông quan tâm sâu sắc về lợi ích của họ. Hãy lưu ý các bằng chứng nói về lòng quan tâm của Phao-lô.

a. *Ông biết ơn Chúa vì họ* (Ro 1:8) - “cả thế gian” - có nghĩa toàn đế quốc Rô-ma - biết về đức tin của con cái Chúa tại Rô-ma. Vào thời ấy việc đi lại tương đối phổ biến và “mọi con đường đều dẫn đến Rô-ma”. Chẳng có gì ngạc nhiên khi tiếng đồn về Hội Thánh lan truyền ra nước ngoài, lời chứng này lan nhanh làm cho chức vụ của Phao-lô càng dễ dàng hơn khi ông đi từ nơi này đến nơi khác, và có thể cho thấy lời chứng này phát ra từ trung tâm của Đế Quốc Rô-ma đi các nơi.

b. *Ông cầu thay cho họ* (1:9-10) - Họ không biết Phao-lô ủng hộ họ bằng lời cầu nguyện, nhưng Chúa biết và coi trọng điều đó. (Tôi thắc mắc không biết có bao nhiêu người trong chúng ta biết người khác đang cầu thay cho chúng ta không?) Một trong những điều Phao-lô mong mỏi trong lời cầu thay đó là Đức Chúa Trời sẽ cho phép ông viếng thăm Rô-ma và hầu việc Chúa với các Hội Thánh tại đó. Đáng lẽ ông đã thăm viếng Hội Thánh tại Rô-ma sớm hơn, nhưng công việc truyền giáo làm ông luôn bận rộn (Ro 15:15-33). Ông sắp rời Cô-rinh-tô đến Giê-ru-sa-lem để chuyên giao số tiền dâng đặc biệt ông nhận nơi các Hội Thánh ngoại bang gởi cho các thánh đồ nghèo người Do Thái. Ông hi vọng có thể từ Giê-ru-sa-lem đi thẳng đến Rô-ma, sau đó tiếp tục đi Tây Ban Nha ông mong ước có một chuyến đi thuận lợi.

Thực ra, Phao-lô đã trải qua một chuyến đi nguy hiểm ông đã đến Rô-ma vừa làm người tù vừa làm người giảng Phúc Âm. Tại Giê-ru-sa-lem ông bị bắt trong đền thờ, bị các bậc cầm quyền Do Thái vu oan và cuối cùng đày đến Rô-ma làm tù nhân trong nhà ngục của Đế quốc, bị xử án trước mặt hoàng đế Sê-sa. Khi Phao-lô viết thư này, ông không có ý nói rằng ông sẽ trải qua cảnh tù đày và thậm chí còn bị chìm tàu trước khi đến Rô-ma! Vào cuối bức thư (15:30-33), ông yêu cầu con cái Chúa tại Rô-ma cầu thay cho ông khi dự tính cho chuyến đi này và thật là tốt lành khi họ đã cầu nguyện cho ông !

c. *Ông yêu thương họ* (Ro 1:11-12) - “Tôi mong mỏi đến thăm anh em!” Đây là tấm lòng của người chăn bầy có trong Phao-lô, nhà truyền giáo vĩ đại. Phao-lô rất yêu quý một số thánh đồ tại Rô-ma như A-qui-la và Bê-rít-sin (16:3-4), những người đã liều mạng sống mình vì ông “Bết-si-đơ rất yêu dấu” (16: 12) và nhiều người khác đã làm việc và chịu khổ với Phao-lô. Nhưng ông cũng yêu thương các tín hữu ông không biết, và ông mong mỏi chia sẻ ơn phước thuộc linh với họ. Ông đang trông đợi đến dịp được thông công phước hạnh trong tình yêu của Đấng Christ.

d. *Ông mắc nợ họ* (Ro 1:13-14) - Là vị sứ đồ cho dân ngoại, Phao-lô có bổn phận hầu việc Chúa tại Rô-ma. Đáng lẽ ông đã làm trọn bổn phận ấy sớm hơn, nhưng các công việc khác đã ngăn trở ông. Thỉnh thoảng Phao-lô bị ngăn trở vì công việc của Sa-tan (ITe 2:17-20) nhưng trong trường hợp này ông bị ngăn trở vì công việc Chúa. Có nhiều việc phải làm tại Tiểu Á và Hy Lạp đến nỗi ông không thể rảnh rỗi để đi ngay đến Rô-ma được. Nhưng Phao-lô phải trả xong nợ yêu thương của mình cho nên ông làm theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời.

Người Hy Lạp xem mọi người không phải người Hy Lạp là người man rợ. Chìm ngập trong triết lý trải qua nhiều thế kỷ, người Hy Lạp tự cho mình là khôn ngoan và mọi người khác đều ngu dốt. Nhưng Phao-lô cảm thấy có trách nhiệm với tất cả mọi người, giống như

chúng ta cần phải cuu mang cả thế giới. Phao-lô không thể thoát khỏi nợ cho đến khi ông nói cho nhiều người nghe về Phúc Âm Cứu Rỗi trong Đấng Christ càng nhiều càng tốt.

e. *Ông sẵn lòng đến thăm họ* (Ro 1:15) - Trong bản Kinh Thánh King James có hai chữ khác nhau trong tiếng Hy Lạp được dịch là “sẵn sàng”. Một chữ có nghĩa là “sẵn lòng” chép trong Cong 21:13 “Tôi sẵn lòng vì danh Chúa Giê-xu Christ chịu chết tại Giê-ru-sa-lem.” Chữ còn lại, được dùng trong Ro 1:15 có nghĩa “tha thiết, mong ước”. Phao-lô không mong chết, mặc dầu ông sắp phải chết. Nhưng ông tha thiết mong ước viếng thăm Rô-ma để có thể hầu việc Chúa giữa vòng con cái Chúa tại đó. Đó không phải là nỗi mong ước gặp mặt, nhưng là nỗi mong đợi của người chinh phục linh hồn tội nhân.

Sau khi đọc năm bằng chứng về mối quan tâm của Phao-lô dành cho con cái Chúa tại Rô-ma, các thánh đồ không thể không dâng lên lời cảm tạ Đức Chúa Trời vì sứ đồ Phao-lô và mong mỏi của ông đến hầu việc Chúa giữa vòng họ. Thực ra, Phao-lô đã giải thích Phúc Âm ông rao giảng trong thư gửi cho người Rô-ma là bức thư chuẩn bị tinh thần các tín hữu cho chuyến viếng thăm của ông. Chắc chắn các giáo sư giả đã đến Rô-ma tìm cách đầu độc tín hữu chống lại Phao-lô (xem Ro 3:8). Một số cáo buộc Phao-lô đã chống lại luật pháp số khác nói rằng ông là kẻ phản bội dân tộc Do Thái. Còn số khác nữa xuyên tạc lời giảng dạy của ông về ân điển và ra sức chứng minh rằng Phao-lô đã dạy cách sống tự do. Vì vậy không lạ gì khi Phao-lô mong mỏi đến thăm Rô-ma! Ông muốn chia sẻ với họ về sự trọn vẹn của Phúc Âm Đấng Christ.

Nhưng liệu Phúc Âm của Đấng Christ có hành động trong thành phố Rô-ma rộng lớn như đã xảy ra tại các nơi khác không? Phao-lô sẽ thành công hay thất bại tại đó? Rất có thể vị sứ đồ cảm nhận những chống đối này và tự hỏi trong suy nghĩ, đó là lý do tại sao ông tạo mối liên hệ thứ ba giữa ông và độc giả của ông.

3. Ông khẳng định sự tin tưởng của mình (Ro 1:16-17)

Thật là một lời chứng: “Tôi mắc nợ! Tôi mong mỏi! Tôi không hổ thẹn!”. Tại sao ngay cả Phao-lô cũng bị cám dỗ hổ thẹn về Phúc Âm khi ông suy nghĩ về chuyến đi đến Rô-ma của mình? Trước tiên, Phúc Âm có liên quan đến một người thợ mộc Do Thái nghèo đã bị người ta đóng đinh trên thập tự giá. Người Rô-ma không mặn nồng gì đối với người Do Thái, và hình án đóng đinh là hình thức xử tử thấp hèn nhất dành cho tội phạm. Tại sao bạn đặt lòng tin vào một người Do Thái bị đóng đinh?

Rô-ma là thành phố kiêu căng, và Phúc Âm đến từ thành Giê-ru-sa-lem là thủ đô của một trong những nước nhược tiểu do Rô-ma thống trị. Con cái Chúa vào thời ấy không thuộc vào số người ưu tú trong xã hội họ là những thượng dân thậm chí còn là nô lệ. Thành phố Rô-ma đã biết đến nhiều triết gia vĩ đại và các triết lý hay tại sao lại phải lưu tâm đến một truyền thuyết về một người Do Thái đã từ kẻ chết sống lại? (ICo 1:18-25). Cơ Đốc nhân nhìn nhận nhau như anh em chị em, tất cả hiệp một trong Đấng Christ chống lại màn mông kiêu ngạo và phẩm hạnh của người Rô-ma. Suy nghĩ về một người may trại Do Thái nhỏ bé, đang trên đường đến Rô-ma để rao giảng sứ điệp hầu như là chuyện khôi hài.

Nhưng Phao-lô không xấu hổ về Phúc Âm. Ông tin tưởng về sứ điệp ông rao giảng, và ông cho chúng ta một số lý do giải thích tại sao ông không hổ thẹn.

a. *Căn nguyên của Phúc Âm: Đó là Phúc Âm của Đấng Christ* (Ro 1:16a) - Bất kỳ sứ điệp nào do Sê-sa tuyên bố cũng đều được người dân Rô-ma chú ý. Nhưng sứ điệp Phúc Âm đến từ Con Đức Chúa Trời và về chính Ngài! Trong câu mở đầu, Phao-lô gọi sứ điệp này là “Phúc Âm của Đức Chúa Trời” (Ro 1:1). Làm thế nào Phao-lô lại có thể xấu hổ về một Phúc Âm đến từ Đức Chúa Trời và tập trung vào Con Ngài là Chúa Giê-xu Christ được?

Suốt những năm trung học, tôi được bầu làm học sinh phụ trách văn phòng, các học sinh khác phụ trách hội trường ngồi tại các trạm khác nhau chung quanh trường, nhưng tôi được giao nhiệm vụ ngồi ngay cạnh cửa ra vào văn phòng nhà trường. Tôi được uỷ thác phải truyền đạt các thông tin đến cho các thầy cô giáo và đội ngũ nhân viên trong trường, có khi còn đi đến các trường khác nữa. Tôi bảo đảm với bạn rằng, thật vui mỗi khi bước vào lớp học lại còn cắt ngang giờ học nữa chứ! Chẳng có thầy cô nào rầy la tôi cả, vì tất cả họ đều biết rằng tôi mang thông báo của thầy hiệu trưởng đến. Tôi chưa hề e ngại hoặc xấu hổ, vì tôi biết xuất xứ của các thông điệp tôi đang chuyển đến nơi nhận.

b. *Hoạt động của Phúc Âm: Đó là quyền năng của Đức Chúa Trời* (1:16b) - Tại sao lại hổ thẹn về quyền phép? Quyền năng là điều người Rô-ma rất hãnh diện. Có thể người Hy Lạp có triết lý, nhưng người Rô-ma có quyền năng. Nỗi sợ hãi người Rô-ma lớn vờn trên đầu trong khắp cả đế quốc như đám mây. Họ không phải là người chiến thắng ư? Không phải các đoàn quân La Mã đồn trú khắp nơi sao? Nhưng có tất cả binh lực trong tay, Rô-ma vẫn là một đất nước yếu. Triết gia Seneca gọi thành phố Rô-ma là “hang ổ gian ác” nhà văn Juvenal gọi nó là “cồng ô ứ chảy trong đó chứa đầy những chất cặn bã của trận lụt trong toàn đế quốc”.

Phao-lô không hổ thẹn là điều chẳng gì ngạc nhiên: ông đang đem đến cho thành phố Rô-ma tội lỗi một sứ điệp có quyền năng thay đổi đời sống con người! Ông đã chứng kiến công việc của Phúc Âm làm ra tại các thành phố gian ác khác như Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô và ông tin tưởng rằng Phúc Âm sẽ hành động tại Rô-ma. Phúc Âm đã biến đổi cuộc đời riêng tư của ông, và ông biết Phúc Âm có thể biến cải cuộc đời của người khác. Còn có lý do thứ ba cho biết tại sao Phao-lô không hổ thẹn.

c. *Kết quả của Phúc Âm*: đó là quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin (Ro 1:16c) - Chữ “cứu rỗi” chứa đựng ý nghĩa lớn lao trong thời của Phao-lô. Ý nghĩa cơ bản ấy là “sự giải thoát”, giải thoát cho cá nhân và cho đất nước. Vị hoàng đế trị vì đang được xem như là vị cứu tinh, giống như bác sĩ cứu chữa bạn khỏi tật bệnh. Phúc Âm giải thoát tội nhân ra khỏi sự đoán phạt của sự chết và quyền lực của tội lỗi. “Cứu rỗi” là chủ đề chính trong bức thư này ơn cứu rỗi là nhu cầu lớn lao của con loài người. (Ro 10:1,9-10). Nếu con người được Đức Chúa Trời cứu rỗi linh hồn, chắc chắn họ phải tuyên xưng đức tin vào Chúa Giê-xu Christ như Phúc Âm rao báo.

d. *Sự hoạt động của Phúc Âm*: “mọi kẻ tin” (1:16d) - Đây không phải là sứ điệp dành riêng cho người Do Thái hay dân ngoại Phúc Âm ấy dành cho tất cả mọi người, vì mọi người đều cần phải được cứu rỗi. “Hãy đi khắp thế gian giảng Phúc Âm cho mọi người” là mạng lệnh Đấng Christ đã truyền (Mac16:15). “Trước là người Do Thái” không có ý nói là người Do Thái tốt hơn dân ngoại bang vì “chẳng có sự khác biệt nào” trong sự đoán phạt hoặc sự cứu rỗi (Ro 2:6-11 10:9-13). Phúc Âm đến “người Do Thái trước” trong chức vụ của Chúa Giê-xu Christ (Mat 10:5-7) và các sứ đồ (Cong 3:26). Thật lạ lùng khi có một sứ điệp quyền năng có thể mang đến cho tất cả mọi người!

Đức Chúa Trời không đòi hỏi con người phải cư xử tốt, nhưng phải tin. Chính đức tin nơi Đấng Christ đã cứu rỗi tội nhân. Sự sống đời đời trong Đấng Christ là quà tặng dành cho tất cả mọi người, cho dù nhu cầu của họ hoặc tình trạng của họ trong cuộc sống có là gì đi nữa.

Ro 1:17 là câu chìa khoá của bức thư. Qua câu Kinh Thánh ấy Phao-lô nêu ra chủ đề: “sự công bình của Đức Chúa Trời”. Chữ “công bình” được dùng cách này hay cách khác trên sáu mươi lần trong bức thư (công bình, xưng nghĩa, được kể là công bình). Sự công bình của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Phúc Âm vì trong sự chết của Chúa Giê-xu Christ, Đức Chúa Trời đã đoán phạt tội lỗi để bày tỏ đức công bình của Ngài và trong sự sống lại của Đấng Christ, Ngài bày tỏ sự công bình bằng cách sẵn sàng ơn cứu rỗi cho tất cả mọi tội nhân tin

Ngài. Vấn đề “Làm thế nào Đức Chúa Trời thánh khiết lại có thể tha thứ cho tội nhân mà vẫn là Đấng Thánh Khiết?” được giải đáp trong Phúc Âm. Bởi sự chết và sống lại của Đấng Christ, chúng ta thấy Đức Chúa Trời là “công bình và Đấng xưng công bình” (Ro 3:26).

Phúc Âm tỏ bày sự công bình có được bởi đức tin. Trong Cựu Ước, công bình là do việc làm, nhưng chẳng bao lâu tội nhân phát hiện ra họ không thể vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời và thoả mãn được những đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời. Ở đây Phao-lô liên hệ đến Ha 2:4: “Người công bình sống bởi đức tin”. Câu Kinh Thánh được trích dẫn ba lần trong Tân Ước: Ro 1:17 Ga 3:11 He 10:38. Thư Rô-ma giải thích “người công bình” Thư Ga-la-ti giải thích “Sẽ sống” và thư Hê-bơ-rơ giải thích “bởi đức tin”. Có trên 60 mươi lần đề cập đến đức tin hoặc sự không tin trong thư Rô-ma, vì phương cách duy nhất tội nhân có thể trở nên công bình trước mặt Đức Chúa Trời là “bởi đức tin”.

Nếu vào thời điểm này Phao-lô đưa bố cục vào trong bức thư, ắt hẳn bố cục sẽ như sau:

Chủ đề: Sự công bình của Đức Chúa Trời.

Nội dung: “Người công bình sẽ sống bởi đức tin”

Giới thiệu - Ro 1:1-17

I. TỘI LỖI - Đức Chúa Trời đòi hỏi sự công bình 1:18-3:20

1. Dân ngoại phạm tội - 1:18-32
2. Dân Do Thái phạm tội - 2:1-3:8
3. Toàn thể giới phạm tội - 3:9-20

II. SỰ CỨU RỖI - Đức Chúa Trời công bố sự công bình - 3:21-5:21

1. Sự công bình được Kinh Thánh làm chứng - 3:21-31
2. Sự công bình được minh hoạ trong Áp-ra-ham - 4:1-25
3. Sự công bình được giải thích trong A-đam - 5:1-21

III. SỰ NÊN THÁNH - Đức Chúa Trời được bảo vệ - 6:1-8:39

1. Chiến thắng - xác thịt - 6:1-23
2. Tự do - Luật pháp - 7:1-25
3. Sự đảm bảo – Thánh Linh - 8:1-39

IV. QUYỀN TẾ TRỊ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI - Sự công bình bị từ chối - 9:1-11:36

1. Sự giàu có của Y-sơ-ra-ên trong quá khứ - 9:1-33
2. Sự loại bỏ Y-sơ-ra-ên trong hiện tại - 10:1-21
3. Sự phục hồi Y-sơ-ra-ên trong tương lai - 11:1-36

V. PHỤC VỤ - Thể hiện sự công bình - 12:1-15:7

1. Trong thân thể Hội Thánh - 12:1-21
2. Trong Xã hội - 13:1-14
3. Hướng về tín hữu yếu đuối - 14:1-15:7

Lời kết luận: - 15:8-16:27

Khi nghiên cứu thư Rô-ma, bạn sẽ bước vào toà án. Trước hết, Phao-lô gọi người Do Thái và ngoại bang đến đứng trước mặt Đức Chúa Trời và cả hai nhận biết mình có tội trước mặt Ngài. Sau đó ông giải thích phương cách cứu rỗi lạ lùng của Đức Chúa Trời - xưng công bình bởi đức tin. Tại đây, ông trả lời cho những kẻ cáo buộc Ngài và bênh vực cho ơn cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Họ kêu lên “Kế hoạch này sẽ khuyến khích người ta phạm tội! Điều đó chống lại chính luật pháp Đức Chúa Trời!” Nhưng Phao-lô bác bỏ điều đó, và trong khi làm như vậy ông giải thích cách nào con cái Chúa có thể kinh nghiệm sự đắc thắng, tự do, và được bảo vệ.

Các chương 9 -11 không phải là những chương thêm vào hoặc đi sang hướng khác. Trong các Hội Thánh tại Rô-ma có nhiều tín hữu Do Thái và họ thường thắc mắc, “Thế còn dân Y-sơ-ra-ên thì sao? Sự công bình của Đức Chúa Trời liên quan với họ như thế nào trong thời đại Hội Thánh?”. Trong ba chương này, Phao-lô cung cấp cho chúng ta lịch sử đầy đủ về dân Y-sơ-ra-ên trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Sau đó ông rút ra những kết quả thực tiễn của sự công bình Đức Chúa Trời trong nếp sống người tin Chúa. Điều này bắt đầu bằng sự dâng mình cho Đức Chúa Trời (Ro 12:1-2), tiếp đến bằng sự hầu việc trong Hội Thánh (12:3-21), và sự vâng phục bậc cầm quyền (13:1-14). Ông cũng dạy người Do Thái lẫn ngoại bang, cả mạnh lẫn yếu, cách sống hoà hợp và vui vẻ với nhau. Trong phần kết thúc (15:14-16: 27), Phao-lô giải thích các chương trình của ông và ông chào thăm các bạn hữu của mình.

Khi tổng kết những gì viết trong thư, thư Rô-ma có ý muốn dạy chúng ta - “Hãy trở nên công bình!” Công bình với Đức Chúa Trời, công bình với chính mình, và với người khác ! Sự công bình của Đức Chúa Trời đến bởi đức tin có thể giúp chúng ta sống nếp sống ngay thẳng. Người Rô-ma cần sứ điệp này, ngày nay chúng ta cũng cần đến: Hãy sống công bình!

2. KHI ĐỨC CHÚA TRỜI BỎ MẶC (Ro 1:18-3:8)

“Hỡi anh em hãy nghe! Hỡi anh em hãy nghe! Phiên toà đang nhóm họp!” Có thể lúc này Phao-lô đã dùng những chữ đáng sợ ấy trong bức thư của ông, vì Ro 1:18 là cánh cửa dẫn chúng ta vào phòng xử án của Đức Chúa Trời. Chủ đề thư Rô-ma là sự công bình của Đức Chúa Trời, nhưng Phao-lô phải bắt đầu bằng sự không công bình của con người. Cho đến khi con người biết mình là tội nhân, họ mới cảm biết ơn cứu rỗi của Đức Chúa Trời ban cho trong Chúa Giê-xu Christ. Phao-lô theo kiểu mẫu căn bản trong Kinh Thánh: đầu tiên là Luật- pháp và án phạt sau đó là ân điển và cứu rỗi.

Trong phần này, Đức Chúa Trời rao ra ba lời phán dạy chứng tỏ rằng mọi người đều là tội nhân và hết thảy đều cần đến Chúa Giê-xu Christ.

1. Thế giới ngoại bang phạm tội! (Ro 1:18-32)

Ở đây Phao-lô vẽ lên bức tranh thật tội tệ. Tôi thú nhận rằng tôi không thích lái xe ngang qua một số khu vực tại Chicago, và tránh tiếp xúc nếu tôi có thể. Việc tôi lẩn tránh không làm thay đổi họ hoặc loại bỏ họ. Lời Đức Chúa Trời mô tả về tội nhân không phải là lời tốt đẹp gì, nhưng chúng ta không thể tránh né được. Phần này không dạy về sự tiến hoá (con người bắt đầu từ thấp và tiến dần lên cao), nhưng dạy về sự thoái hoá: con người bắt đầu cao trọng và vì có phạm tội đã lún sâu xuống địa vị thấp hèn hơn thú vật. Bốn giai đoạn đánh dấu sự suy đồi thảm hại của con người.

a. *Khôn ngoan* (Ro 1:18-20) - Lịch sử loài người bắt đầu bằng con người biết Đức Chúa Trời. Lịch sử nhân loại không phải là câu chuyện nói về một con vật thờ lạy thần tượng, và rồi tiến hoá thành con người thờ lạy Đức Chúa Trời. Lịch sử loài người chỉ là sự đối nghịch: con người bắt đầu biết Đức Chúa Trời, nhưng đã lia xa chân lý và chối bỏ Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời bày tỏ chính mình Ngài cho con người qua sự sáng tạo, những vật Ngài làm nên. Qua thế giới chung quanh mình, con người biết rằng có một Đức Chúa Trời khôn ngoan và quyền năng tạo dựng nên vũ trụ. Con người cũng nhận biết rằng Đấng Sáng Tạo còn đòi đòi...” Quyền năng đòi đòi và bôn tánh Ngài” (Ro 1:20), vì Đức Chúa Trời không thể được tạo nên nếu Ngài là Đấng Sáng Tạo. Trong sự sáng tạo bày tỏ rõ ràng các sự kiện nói về Đức Chúa Trời chúng “sờ sờ như mắt xem thấy” (Ro 1:20). “Các tầng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, bầu trời giải tỏ công việc tay Ngài làm” (Thi 19:1).

Chữ “bất hiệp” trong câu 18 cũng có thể dịch là “áp bức, đàn áp”. Con người biết chân lý về Đức Chúa Trời, nhưng họ không để cho những chân lý này hành động trong đời sống của họ. Họ bất hiệp chân lý để có thể sống theo ý mình và không nghe theo lời của Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, kết quả họ chối bỏ chân lý (Ro 1:21-22), và rồi đổi chân lý lấy sự dối trá (1:25). Cuối cùng, con người lia bỏ chân lý đến nỗi suy nghĩ và sống động giống như con vật.

b. *Lòng ngu dốt* (1:21-23) - Con người biết Đức Chúa Trời điều này thật rõ ràng. Nhưng con người không muốn biết Đức Chúa Trời hoặc không tôn xưng Ngài là Đức Chúa Trời. Thay vì biết ơn Ngài vì tất cả những gì Ngài ban cho, con người lại không tạ ơn Đức Chúa Trời hoặc ngợi khen danh Ngài như đáng phải làm. Con người sẵn lòng dùng ơn phước của Đức Chúa Trời, nhưng không bằng lòng thờ phượng và ngợi khen Ngài vì phước hạnh Ngài ban cho. Kết quả đem lại cho con người tâm trí trống rỗng và tấm lòng tối tăm. Con người thờ phượng trở thành con người triết lý, nhưng sự khôn ngoan trống rỗng của con người chỉ bày tỏ sự ngu dại của họ mà thôi. Phao-lô tóm tắt tất cả lịch sử Hy Lạp trong một câu nói thật ấn tượng: “các đời ngu muội..” (Cong 17:30). Vào thời điểm này thật đáng cho chúng ta đọc ICo 1:18-31.

Đã bất hiệp chân lý và từ chối không thừa nhận vinh quang của Đức Chúa Trời, con người lại thờ lạy thân tượng và bản chất con người là phải thờ lạy một điều gì đó. Nếu không thờ lạy Đức Chúa Trời chân thần, con người sẽ thờ lạy tà thần, ngay cả chính con người tạo ra tà thần ấy ! Sự kiện nói về con người như thế này giải thích cho khuynh hướng thờ lạy thân tượng của họ. Con người đã đổi sự vinh hiển của Đức Chúa Trời chân thần để lấy các thân tượng do chính họ làm nên. Họ đổi vinh hiển để lấy sự xấu hổ, đổi sự thánh khiết lấy băng hoại, đổi chân lý để lấy sự dối trá.

Hãy lưu ý đứng đầu trong danh sách các tà thần là con người. Điều này làm ứng nghiệm lời của Sa-tan khi nó nói với Ê-va, “Người sẽ giống như Đức Chúa Trời!” (Sa 3:5). Sa-tan khuyến khích con người nói, “Vinh hiển con người ở nơi cao nhất!”. Thay vì con người được làm theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời, con người lại làm nên những thân tượng theo hình ảnh của riêng mình - để rồi hạ thấp xuống đến mức thờ lạy điều thú côn trùng!

c. *Sự mê đắm* (Ro 1:24-27) - Từ chỗ thờ lạy hình tượng đến loạn luân chỉ là một bước ngắn. Nếu con người là hình tượng của riêng mình, con người có thể làm bất cứ điều gì họ ưa thích và thoả mãn các đòi hỏi mà không sợ đoán phạt. Chúng ta tiến đến cao điểm của trận chiến giữa con người với chân lý của Đức Chúa Trời khi con người hoán đổi chân lý của Đức Chúa Trời để lấy “điều dối trá” và hoàn toàn khước từ chân lý. “Điều dối trá” đó là con người là thân tượng của mình, và con người thờ lạy cung phụng cho chính mình chớ không thờ lạy và hầu việc Đấng Sáng Tạo Hoá. Chính Sa-tan đã dùng “lời dối trá” để dẫn Ê-va vào vòng tội lỗi tại vườn Ê-đen: “Người sẽ giống như Đức Chúa Trời!”. Sa-tan luôn luôn muốn có được sự thờ lạy chỉ dành riêng cho Đức Chúa Trời (Mat 4:8-10) và trong sự thờ hình tượng, nó nhận lấy cách thờ lạy ấy (ICo 10:19-21).

Kết quả việc tự sùng bái này là tự làm cho mình mê muội và ở đây Phao-lô đề cập một tội gồm giết lan tràn trong ngày ấy và đang chiếm dần ưu thế trong thời đại chúng ta: tội đồng

tính luyến ái. Tội này được Kinh Thánh lên án nhiều lần (Sa 18:20 ICo 6:9-10 Giu 1:7). Phao-lô mô tả nó là “sự đồi bại” và “trái tự nhiên” cũng như “ngịch với tánh tự nhiên”. Không chỉ có đàn ông phạm tội luyến ái với nhau mà thôi, nhưng còn có “cả phụ nữ với nhau nữa”.

Vì tội lỗi của họ “Đức Chúa Trời đã lia bỏ họ” (Ro 1: 24,26) có nghĩa Ngài cho phép họ tiếp tục trong tội lỗi mình và lãnh lấy hậu quả thảm hại. Họ nhận chịu “báo ứng xứng với điều lầm lỗi của mình” (1:27). Đây là ý nghĩa của Ro 1:18, “Con giận của Đức Chúa Trời từ trên trời tỏ ra...” (dịch theo nghĩa đen). Đức Chúa Trời tỏ bày con giận của Ngài, không chỉ sai lửa từ trời giáng xuống, nhưng Ngài còn phó loài người tội lỗi đi theo con đường xấu xa của họ. Nhưng còn có một giai đoạn khác nữa.

D. Không ăn năn (Ro 1:28-32) - Khi con người bắt đầu cảm nhận những hậu quả thảm hại của tội lỗi mình, chắc bạn nghĩ họ sẽ ăn năn và tìm kiếm Đức Chúa Trời nhưng sự thật hoàn toàn ngược lại. Vì họ bị Đức Chúa Trời lia bỏ, họ chỉ có thể trở nên tồi tệ hơn mà thôi. Loài người không muốn lưu giữ Đức Chúa Trời trong sự hiểu biết của mình! Vì vậy, “Đức Chúa Trời đã phó họ...” lần này Ngài phó họ cho “lòng hư xấu” (1:28), nghĩa là tâm trí không thể hình thành những phán đoán đúng đắn được. Bây giờ họ tự phó mặc cho tội lỗi. Phao-lô nêu lên 24 tội lỗi cụ thể, tất cả đều hiện hữu với chúng ta ngày nay. (Để có những bảng liệt kê khác, (Mac 7:20-23 Ga 5:19-21 ITi 1:9-10 IITi 3:2-5).

Nhưng điều tệ hại nhất chưa xảy đến. Con người không chỉ công khai thách thức Đức Chúa Trời khi phạm những tội này, nhưng còn lôi kéo người khác và đồng tình khi họ phạm tội nữa. Con người quả thật đã sa ngã quá xa! Họ bắt đầu ngợi khen Đức Chúa Trời nhưng cuối cùng đổi vinh hiển ấy để lấy hình tượng hư không. Ban đầu họ biết Đức Chúa Trời nhưng cuối cùng họ không còn giữ sự hiểu biết Đức Chúa Trời trong trí và tâm lòng mình. Ban đầu họ là tạo vật cao trọng nhất của Đức Chúa Trời, được làm nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời nhưng kết cuộc họ thấp hơn thú vật và côn trùng, vì họ thờ lạy chúng như thần tượng của mình. Lời tuyên án nào dành cho họ? “Họ không thể chữa mình được!” (Ro 1:20).

Phần Kinh Thánh này đưa ra bằng chứng súc tích cho thấy người ngoại bang bị hư mất. Giáo sĩ Anh Quốc Dan Crawford, nhà truyền giáo cho Châu Phi nói: “Người ngoại đạo đang phạm tội nghịch lại con lữ ánh sáng.” Đối với chúng ta nhu cầu bức thiết là phải mang Phúc Âm đến cho tất cả mọi người, vì đây là phương cách duy nhất cứu rỗi được họ.

2. Thế giới người Do Thái phạm tội! (Ro 2:1-29 3:1-8)

(Ro 2:1-29). Các học giả Kinh Thánh không đồng ý về những người Phao-lô nhắc đến trong Ro 2:1-16. Một số cho là ông đang đề cập đến những người ngoại đạo không phạm những tội nêu trong Ro 1:18-32, nhưng họ tìm kiếm nếp sống đạo đức. Nhưng theo tôi trong phần này Phao-lô đang nói tới các độc giả Do Thái của ông. Đầu tiên, ông bàn về luật pháp trong 2:12-16 chắc chắn có ý nghĩa cho người Do Thái hơn người ngoại bang. Và trong 2:17, ông công khai gởi đến cho người Do Thái. Đây là cách thừa gởi kỳ lạ nếu phần đầu của chương sách ông gởi đến cho người ngoại bang.

Tìm thấy người Do Thái phạm tội không phải là công việc dễ dàng, vì không vâng lời Đức Chúa Trời là một tội họ không muốn thừa nhận. Các đảng tiên tri trong Cựu Ước bị bắt bớ vì đã tố cáo dân Y-sơ-ra-ên phạm tội, Chúa Giê-xu bị họ đóng đinh trên thập tự giá với cùng lý do tương tự. Phao-lô tập trung bốn nhân chứng để xác nhận tội lỗi của dân tộc Do Thái.

a. *Dân ngoại bang* (Ro 2: 1-3) - Chắc chắn người Do Thái sẽ ủng hộ việc Phao-lô lên án dân ngoại bang trong Ro 1:18-32. Thực ra, sự kiêu hãnh về tôn giáo và dân tộc của người Do Thái thúc đẩy họ khinh miệt “loài chó ngoại bang” và không giao thiệp với họ. Phao-lô dùng thái độ phê phán này để chứng minh tội trạng của người Do Thái vì họ đang thực hành

chính những điều họ lên án trong vòng dân ngoại bang! Họ nghĩ rằng họ thoát khỏi cơn đoán phạt vì là tuyền dân của Đức Chúa Trời. Nhưng Phao-lô khẳng định rằng việc Đức Chúa Trời tuyền chọn người Do Thái khiến cho họ có trách nhiệm nhiều hơn.

Đức Chúa Trời đoán phạt tùy thuộc vào chân lý. Ngài không có tiêu chuẩn này dành cho người Do Thái và tiêu chuẩn khác dành cho người ngoại bang. Người đọc bảng liệt kê tội lỗi trong Ro 1:29-32 không thể thoát khỏi phạm phải một trong những tội ấy. Có “những tội lỗi về phần xác thịt và về phần thần linh” (II Co 7:1) có “nhiều con trai hoang đàng” và “những người anh không màng đến em của mình” (Lu 15:11-32). Trong khi lên án tội lỗi người ngoại bang, người Do Thái thực sự đã lên án chính mình. Như lời xưa có nói, “Khi bạn chỉ ngón trỏ vào người khác, ba ngón còn lại sẽ chỉ vào bạn.”

b. Phước hạnh của Đức Chúa Trời (Ro 2:4-11) - Thay vì đối đãi người Do Thái đặc biệt, Đức Chúa Trời ban cho họ trách nhiệm lớn lao hơn để vâng lời và làm sáng danh Ngài. Trong lòng nhân từ Ngài, Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên của cải vật chất và sự giàu có thuộc linh: đó là đất đượm sữa và mật, luật pháp công bình, đền thờ và thầy tế lễ, sự quan phòng của Đức Chúa Trời và nhiều phước hạnh khác. Đức Chúa Trời đã nhin chịu các tội lỗi và những lần dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn chống nghịch Ngài, và Ngài còn sai Con Ngài làm Đấng Mê-si-a của họ. Ngay sau khi dân Do Thái đóng đinh Đấng Christ, Đức Chúa Trời còn ban ơn và chậm trễ cơn đoán phạt của Ngài trên dân sự hơn bốn mươi năm. Không phải sự đoán phạt của Đức Chúa Trời dẫn con người đến sự ăn năn, nhưng là do lòng nhân từ của Đức Chúa Trời nhưng dân Y-sơ-ra-ên cũng không ăn năn.

Trong Ro 2:6-11, Phao-lô không dạy sự cứu rỗi là do phẩm hạnh hoặc việc thiện. Ông có ý muốn giải thích một nguyên tắc căn bản khác về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời phán xét theo việc làm, giống như Ngài phán xét theo chân lý. Ở đây Phao-lô đề cập đến những hành động không thay đổi trong nếp sống con người, toàn bộ những tác động về tính cách và hành vi của người đó. Chẳng hạn, Vua Đa-vít đã phạm một số tội kinh khiếp nhưng trọn cuộc đời của vua được nhấn mạnh là vâng lời Đức Chúa Trời. Do Thái Ích-ca-ri-ốt thú nhận tội lỗi và cung cấp tiền để mua nghĩa trang dành cho khách lạ tuy nhiên toàn bộ cuộc đời của ông được nhấn mạnh là không vâng lời và vô tín.

Đức tin cứu chuộc thật sanh bông trái vâng lời và nếp sống tin kính, mặc dù đôi khi có yếu đuối sa ngã. Khi Đức Chúa Trời đánh giá việc làm của người Do Thái, Ngài thấy những việc làm ấy gian ác như dân ngoại bang. Việc thịnh thoả người Do Thái tổ chức lễ hội hoặc thường xuyên đề cao ngày Sa-bát không làm thay đổi nếp sống cố hữu của họ cũng là một điều bất tuân mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Phước hạnh của Đức Chúa Trời không dẫn họ đến sự ăn năn.

c. Luật pháp của Đức Chúa Trời (Ro 2:12-24) - Lời nói của Phao-lô trong câu Ro 2:11, “Vì trước mặt Đức Chúa Trời chẳng vị nể ai đâu” sẽ là cú sốc cho người Do Thái vì người Do Thái tự cho mình xứng đáng nhận sự đối xử đặc biệt do được Đức Chúa Trời lựa chọn. Nhưng Phao-lô giải thích rằng luật pháp Do Thái chỉ làm cho tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên thêm nặng hơn! Đức Chúa Trời không ban luật pháp cho người ngoại bang, vì vậy họ không bị luật pháp đoán phạt. Thực ra, người ngoại bang có “việc luật pháp dạy biểu đã ghi trong lòng họ” (Ro 2:15). Bất cứ nơi nào bạn đi đến, bạn cũng tìm thấy con người có bản chất biết đúng sai bên trong và bản chất này phán xét, Kinh Thánh gọi là “luong tâm”. Bạn tìm thấy một ý thức về tội lỗi trong vòng tất cả các nền văn hoá, nỗi sợ hãi bị hình phạt, và nỗ lực chuộc lấy tội lỗi cùng xoa dịu các vị thần làm cho họ sợ hãi.

Người Do Thái tự hào về luật pháp. Họ khác với những người lân cận thờ hình tượng! Nhưng Phao-lô nói rõ rằng không phải sở hữu luật pháp là có giá trị, nhưng là thực hành luật

pháp. Người Do Thái cho rằng dân ngoại là kẻ mù, ở trong tối tăm, ngu dại, ấu trĩ, và dốt nát! Nhưng nếu Đức Chúa Trời thấy dân ngoại “thấp kém” phạm tội, thì người Do Thái”có đặc ân” lại phạm tội nhiều biết bao nhiêu! Đức Chúa Trời không những phán xét theo chân lý (2:2), và căn cứ trên việc làm của con người (2:6) nhưng Ngài còn phán xét “những điều sâu kín nhiệm trong lòng” (2:16). Ngài nhìn thấy trong lòng!

Người Do Thái có một tôn giáo theo lễ nghi bên ngoài, chứ không bằng thái độ bên trong. Có lẽ họ sống đạo đức bên ngoài, nhưng còn tâm lòng thì sao? Lời Chúa quở trách người Phari-si trong Mat 23:1-39 minh họa đầy đủ nguyên tắc này. Đức Chúa Trời không những nhìn thấy việc làm nhưng Ngài còn xem xét “tư tưởng và ý định trong lòng” (He 4:12). Đối với một người Do Thái có thể phạm tội ăn cắp, tà dâm, và thờ hình tượng (Ro 2:21-22) nếu như không có ai bắt quả tang anh ta đang phạm các tội ấy. Trong Bài Giảng Trên Núi, lời Chúa dạy chúng ta biết con người có thể phạm những tội ấy trong lòng.

Thay vì tôn vinh Đức Chúa Trời giữa vòng người ngoại bang, người Do Thái lại sỉ nhục Ngài sứ đồ Phao-lô trong Es 52:5 để chứng minh cho quan điểm của mình. Những người ngoại bang thờ hình tượng hằng ngày tiếp xúc với người Do Thái trong kinh doanh và các hoạt động khác, và lòng trung thành của người Do Thái đối với luật pháp không lừa dối họ. Chính luật pháp mà người Do Thái đòi hỏi phải vâng theo lại buộc tội họ !

d.*Phép Cắt Bì* (Ro 2:25-29) - Đây là dấu hiệu lớn lao của giao ước, giao ước này bắt đầu với Áp-ra-ham, tổ phụ dân Do Thái (Sa 17:1-27). Đối với người Do Thái, người ngoại bang là “những con chó không cắt bì”. Bì kịch đó là người Do Thái lệ thuộc vào dấu hiệu cắt bì theo phần xác thay vì căn cứ trên sự thật thiêng liêng được thể hiện qua phép cắt bì (Phu 10:16 Gie 9:26 Exe 44:9). Một người Do Thái thật là người từng trải kinh nghiệm thuộc linh trong lòng, chứ không chỉ là sự giải phẫu thân thể bên ngoài. Ngày nay người ta cũng nhầm lẫn tương tự khi đề cập đến phép Báp-têm hoặc lễ Tiệc thánh, hoặc ngay cả làm thuộc viên Hội Thánh.

Đức Chúa Trời đoán xét tùy theo “những việc kín nhiệm trong lòng” (Ro 2:16), bởi vậy Ngài không có ấn tượng nào đối với những hình thức bên ngoài. Một người ngoại vâng phục không chịu phép cắt bì còn dễ chấp nhận hơn một người Do Thái bắt phục nhưng chịu cắt bì. Thực ra, một người Do Thái không vâng lời biến phép cắt bì của mình trở thành vô nghĩa trong ánh sáng của Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng. Người Do Thái ca tụng lẫn nhau vì họ vâng theo luật pháp, nhưng điều quan trọng đó là “ngợi khen Đức Chúa Trời” chứ không khen ngợi con người (Ro 2:29). Khi bạn nhớ rằng danh xưng “Do Thái” xuất phát từ chữ “Do Thái” có nghĩa là “ngợi khen”, thì câu nói này mang ý nghĩa mới (Sa 29:35 49:8).

Tất cả bốn nhân chứng của Phao-lô đều đồng ý: Người Do Thái phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời. Trong Ro 3:1-8, Phao-lô kết luận lời giải luận và phản đối những người Do Thái cố tình tranh cãi với ông. Họ nêu lên ba câu hỏi: (1) “Làm người Do Thái có lợi gì?” Trả lời: Có mọi thứ lợi, nhất là sở hữu Lời Đức Chúa Trời. (2) “Những người Do Thái vô tín sẽ phá bỏ sự thành tín của Đức Chúa Trời sao?”. Trả lời: Hoàn toàn không phải - ngược lại còn xác lập sự thành tín của Đức Chúa Trời. (3) “Nếu tội lỗi của chúng ta ca tụng đức công chính của Đức Chúa Trời làm sao Ngài có thể đoán phạt chúng ta? Trả lời: Chúng ta không làm điều xấu, để điều tốt có thể phát sinh. Đức Chúa Trời xét đoán thế gian cách công bình.

Ro 3:1-8; Xem chung giải nghĩa Ro 2:1-29

3. TOÀN THỂ GIỚI PHẠM TỘI (Ro 3:9-20)

Lời tuyên bố này thật rõ ràng, vì Phao-lô đã chứng minh cả người Do Thái lẫn ngoại bang đều phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời. Kế đến ông khẳng định rằng tất cả mọi người đều là tội nhân, và ông trích dẫn một số câu Kinh Thánh trong Cựu Ước để chứng minh. Hãy lưu ý các từ lặp lại “không ai” và “tất cả”, tự chúng khẳng định tính phổ quát về tội lỗi con người.

Lời trích dẫn đầu tiên trong Thi 14:1-3. Thi-thiên này bắt đầu bằng, “Kẻ ngu muội nói trong lòng rằng ‘Chẳng có Đức Chúa Trời’”. Vì chữ “có” được các dịch giả thêm vào nên câu này có thể đọc là: “kẻ kiêu ngạo nói trong lòng, ‘không, Đức Chúa Trời!’” Điều này tương ứng với lời mô tả về sự suy đồi của con người chép trong Ro 1:18-32, vì tất cả bắt đầu bằng lời nói. “Không” với Đức Chúa Trời.

Những câu này cho thấy rằng toàn bộ tâm lòng con người bị tội lỗi sai khiến: tâm trí (“không ai hiểu biết”), lòng (“chẳng ai tìm kiếm Đức Chúa Trời”), và ý chí (“chẳng ai làm điều tốt”). Lấy sự công bình trọn vẹn của Đức Chúa Trời để đánh giá, chúng ta thấy chẳng có người nào là vô tội. Chẳng có tội nhân nào tìm kiếm Đức Chúa Trời. Do đó, Đức Chúa Trời phải tìm đến tội nhân (Sa 3:8-10 Lu 19:10). Loài người đã đi lạc đường, và trở nên không ích lợi gì cho chính mình và cho Đức Chúa Trời. Các thí dụ của Chúa trong Lu 15:1-32 minh họa điều này thật rõ ràng.

Trong câu Ro 3:13-18, Phao-lô cung cấp cho chúng ta sự xem xét tỏ tường về tội nhân hư mất từ đầu đến chân. Các lời trích dẫn của ông như sau: Ro 3:13a Thi 5:9,13b Thi 140:3,14 Thi 10:7 Ro 3:15-17 Es 59:7-8 Ro 3:18 Thi 36:1. Chúng ta cần đọc những câu Kinh Thánh này trong các mạch văn đầy đủ chi tiết.

Các câu Ro 3:13,14 nhấn mạnh đến hành động nói của con người - cổ họng, lưỡi, môi, và miệng. Chúng ta thấy được sự liên kết giữa các chữ và tính cách trong Mat 12:34: “Bởi sự đầy dẫy trong lòng mà miệng nói ra”. Tội nhân bị chết về mặt thuộc linh theo bản chất lầm lạc của mình (Eph 2:1-3), do đó chỉ sự chết mới có thể ra từ miệng anh ta. Miệng bị xét đoán có thể trở thành miệng được biến đổi và xưng nhận “Chúa Giê-xu Christ là Chúa” (Ro 10:9-10). “Vì bởi lời nói mà người sẽ được xưng là công bình, cũng bởi lời nói mà người sẽ bị phạt” (Mat 12:37).

Trong Ro 3:15,16, Phao-lô mô tả bàn chân của tội nhân. Giống như lời nói của tội nhân là dối trá, đường lối của họ cũng hư hoại. Bàn chân của người tin Chúa được chiếu sáng bằng Phúc Âm bình an (Eph 6:15) nhưng tội nhân hư mất mang đến chết chóc, tàn hại, và đau đớn mọi nơi nó đi đến. Các thảm kịch này không xảy ra tức thì, nhưng chắc chắn chúng sẽ xảy đến. Tội nhân hư mất đi trên đường rộng khoáng khoáng dẫn đến sự chết mất (Mat 7:13-14) họ cần phải ăn năn, tin nhận Chúa Giê-xu Christ, và đi con đường hẹp dẫn đến sự sống đời đời.

Ro 3:17 nói đến tâm trí của tội nhân: Họ không biết đường bình an của Đức Chúa Trời. Đây là nguyên nhân khiến Chúa Giê-xu khóc về thành Giê-ru-sa-lem (Lu 19:41-44). Tội nhân không muốn biết Chân lý của Đức Chúa Trời (Ro 1:21,25,28) họ thích tin vào lời dối trá của Sa-tan hơn. Đường bình an của Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ: “Vậy chúng ta đã được xưng công bình bởi đức tin, thì được hoà thuận với Đức Chúa Trời bởi Đức Chúa Giê-xu Christ chúng ta” (Ro 5:1).

Trong c.18, trích dẫn trong Thi 36:1 mô tả sự kiêu ngạo của tội nhân: “Chẳng có sự kính sợ nào ở trước mặt chúng nó”. Chúng ta nên đọc toàn bộ Thi-thiên trong một bức tranh trọn vẹn. Sự ngu dại đề cập trong Ro 3:17 là do sự kiêu ngạo trong c.18 gây nên vì chính “sự kính sợ Đức Giê-Hô-Va” là khởi đầu sự tri thức (Ch 1:7).

Những lời này được trích dẫn từ luật pháp của Đức Chúa Trời, Kinh Thánh Cựu Ước, đưa đến một kết luận: Toàn thể gian đều phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời! Có thể có nhiều

người muốn tranh cãi, nhưng mọi miệng sẽ ngậm lại. Chẳng còn có cuộc bàn luận hoặc bênh vực nào. Cả thế gian đều phạm tội, cả người Do Thái lẫn người ngoại bang. Người Do Thái chịu sự lên án bởi luật pháp mà họ hãnh diện, và người ngoại bang chịu sự kết tội trên cơ sở lương tâm.

Chữ “vì vậy” trong Ro 3:20 mang ý nghĩa “bởi vì”, và cho chúng ta biết lý do tại sao toàn thể gian phạm tội. Chẳng có loài xác thịt nào có thể vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời và được xưng công bình theo quan điểm của Ngài. “Người làm theo luật pháp được xưng công bình” là điều đúng (Ro 2:13), nhưng chẳng có ai làm được mọi điều luật pháp đòi hỏi ! Điều bất lực này là cách để con người nhận biết mình là tội nhân. Khi họ cố gắng vâng theo luật pháp, họ thất bại cách đau đớn và cần phải kêu xin lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Cả người Do Thái lẫn ngoại bang đều không thể làm trọn luật pháp Đức Chúa Trời do đó Đức Chúa Trời phải cứu tội nhân bằng phương tiện khác. Phao-lô lý giải phương cách con người nhờ đó được cứu trong phần còn lại của bức thư.

Cách tốt nhất để kết thúc phần này là nêu lên một câu hỏi đơn giản: Có bao giờ bạn phải ngậm miệng lại chưa? Bạn có đang hãnh diện về sự công bình của riêng mình và tự bênh vực mình trước mặt Đức Chúa Trời không? Nếu có như vậy, có thể bạn chẳng bao giờ được cứu bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Chỉ khi bạn yên lặng đứng trước mặt Đức Chúa Trời trong địa vị tội nhân thì Ngài mới có thể cứu chúng ta được. Hễ còn tự biện hộ cho mình và tự khen về mình, chúng ta không thể được cứu bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Cả thế gian phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời - trong đó có bạn và tôi !

4. TỔ PHỤ ÁP-RA-HAM (Ro 3:21-4:25)

Chủ đề của Phao-lô trong phần hai của thư này là Sự Cứu Rỗi - Sự Xưng Công Bình Được Công Bố. Phao-lô đã chứng minh rằng mọi người đều phạm tội kể đến ông giải thích cách nào tội nhân có thể được cứu. Thuật ngữ thần học nói đến sự cứu rỗi này là sự xưng nghĩa bởi đức tin. Xưng nghĩa là công việc Đức Chúa Trời xưng nhận tội nhân ăn năn trở nên công nghĩa trong Đấng Christ trên nền tảng công tác cứu chuộc Đấng Christ đã làm xong trên thập tự giá. Mỗi phần trong lời xác nhận này thật quan trọng, vì vậy chúng ta nên nghiên cứu cẩn thận.

Trước hết, xưng nghĩa là một hành động, chứ không phải là một quá trình. Không có mức độ cao thấp trong sự xưng nghĩa mỗi người tin Chúa đều có quyền đứng trước mặt Đức Chúa Trời như nhau. Hơn nữa, xưng nghĩa là việc Đức Chúa Trời làm chứ không phải do con người. Chẳng có tội nhân nào có thể tự xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời. Quan trọng hơn cả, xưng nghĩa không có nghĩa Đức Chúa Trời khiến chúng ta công bình, nhưng Ngài kể chúng ta là công bình. Xưng nghĩa là vấn đề thuộc luật pháp. Đức Chúa Trời đặt để sự công bình của Đấng Christ trên bản cáo trạng của chúng ta thay chỗ cho tình trạng tội lỗi của chúng ta. Và chẳng có ai có thể thay đổi được bản cáo trạng của mình.

Đừng nhầm lẫn sự xưng nghĩa với sự nên thánh. Nên thánh là quá trình bởi Đức Chúa Trời biến đổi người tin Ngài ngày càng giống Đấng Christ hơn. Nên thánh có thể thay đổi ngày này qua ngày khác. Xưng nghĩa không hề đổi thay. Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, Đức Chúa Trời xưng người là công bình, và sự xưng nhận ấy không bao giờ lập lại nữa. Đức Chúa Trời tìm kiếm chúng ta và đối xử với chúng ta như thể chúng ta chưa phạm tội gì !

Nhưng, làm thế nào Đức Chúa Trời thánh khiết lại có thể kể tội nhân là công bình được? Có phải sự xưng nghĩa chỉ là một “ý tưởng hoang đường” không có nền móng thật sự? Trong phần này của thư Rô-ma, Phao-lô trả lời những câu hỏi này bằng hai cách. Thứ nhất, ông giải

thích sự xưng nghĩa bởi đức tin (Ro 3: 21-31) sau đó ông minh họa sự xưng nghĩa bởi đức tin qua cuộc đời Áp-ra-ham (4:1-25).

1. Giải thích sự xưng nghĩa (Ro 3:21-31)

“Nhưng hiện bây giờ sự công bình của Đức Chúa Trời...đã được bày tỏ ra (Ro 3:21). Đức Chúa Trời đã bày tỏ ra sự công bình của Ngài bằng nhiều cách trước sự mạc khải trọn vẹn về Phúc Âm: luật pháp Ngài, sự đoán phạt nghịch lại tội lỗi, Ngài kêu gọi qua các đấng tiên tri, Ngài ban ơn cho người vâng lời Ngài. Nhưng trong Phúc Âm, Ngài bày tỏ sự công bình mới của Đức Chúa Trời (Ro 1:16-17) các đặc điểm của công bình này được giải thích tường tận trong phần này.

a. *Ngoài luật pháp* (3:21) - Theo luật pháp Cựu Ước, sự công bình đến bởi hành vi nhưng theo Phúc Âm, sự công bình đến bởi tin nhận. Luật pháp tự tỏ bày sự công bình của Đức Chúa Trời, vì luật pháp là “thánh, công bình và tốt lành” (Ro 7:12). Hơn nữa, luật pháp làm chứng cho sự công bình của Phúc Âm này cho dù luật pháp không thể cung ứng sự công bình. Bắt đầu trong Sa 3:15 và tiếp tục trải suốt trong toàn bộ Cựu Ước, bằng chứng cho sự cứu rỗi ấy là do đức tin nơi Đấng Christ. Của sinh tế trong Cựu Ước, các đấng tiên tri, các hình bóng, và “Chân Lý Phúc Âm” lớn lao (Es 53:1-12) tất cả đều làm chứng cho chân lý này. Luật pháp có thể làm chứng cho sự công bình của Đức Chúa Trời, nhưng luật pháp không thể cung ứng sự công bình cho loài người tội lỗi. Chỉ có Chúa Giê-xu Christ mới có thể làm điều đó. (Ga 2:21).

b. *Bởi sự tin đến Đấng Christ* (Ro 3:22a) - Đức tin chỉ tốt như đối tượng của đức tin. Tất cả mọi người đều tin một điều gì đó nhưng Cơ Đốc nhân tin vào Đấng Christ. Sự công bình của luật pháp là phần thưởng cho việc làm. Sự công bình của Phúc Âm là quà tặng bởi đức tin. Nhiều người nói, “Tôi tin Đức Chúa Trời!” Nhưng đây không phải là điều cứu rỗi chúng ta. Chính lòng tin riêng tư trong Đấng Christ đã cứu và xưng công nghĩa cho tội nhân hư mất. Ngay cả ma quỷ nơi địa ngục cũng tin có Đức Chúa Trời và run sợ, tuy nhiên điều này không cứu được chúng (Gia 2:19).

c. *Cho tất cả mọi người* (Ro 3:22b-23) - Đức Chúa Trời ban luật pháp của Ngài cho người Do Thái, chớ không ban cho dân ngoại nhưng Phúc Âm Cứu Rỗi của Chúa Giê-xu Christ được ban cho tất cả mọi người. Mọi người đều cần sự cứu rỗi. Chẳng có sự phân biệt nào giữa người Do Thái với người ngoại bang khi sự đoán phạt xảy đến. “Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Ro 3:23). Đức Chúa Trời tuyên bố mọi người đều có tội để Ngài có thể ban cho mọi người ơn cứu chuộc nhưng không.

d. *Bởi ân điển* (3:24) - Đức Chúa Trời có hai thuộc tính: tuyệt đối (những gì hiện hữu trong chính Ngài), và tương đối (cách Ngài liên hệ đến thế giới và con người). Một trong những thuộc tính tuyệt đối của Ngài là tình yêu thương: “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” (IGi 4:8). Khi Đức Chúa Trời liên hệ tình yêu ấy cho bạn và tôi, tình yêu ấy trở nên ân điển và sự thương xót. Bởi lòng thương xót Ngài, Đức Chúa Trời không ban cho chúng ta những gì chúng ta đáng nhận, và bởi ân điển Đức Chúa Trời ban cho chúng ta những gì chúng ta không đáng nhận. Chữ “nhưng không” trong tiếng Hy Lạp được dịch là “không có nguyên do” trong Gi 15:25. Chúng ta được xưng công bình không có nguyên do! Chúng ta không có nguyên nhân nào xứng đáng nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời! Tất cả bởi ân điển!

e. *Bởi sự chuộc tội trong Chúa Giê-xu Christ* (Ro 3:24b-25) - Sự cứu rỗi không đòi giá, nhưng không rẻ tiền. Ba chữ diễn tả giá Đức Chúa Trời đã trả thay cho ơn cứu rỗi của chúng ta: Tê lễ văn hời, sự cứu chuộc và huyết. Trong ngôn ngữ loài người, “tê lễ văn hời” có nghĩa là dùng một món quà làm cho ai người cơn giận. Nhưng đây không phải là điều nói đến trong

Kinh Thánh. “Tế lễ vãn hồi” có nghĩa là thoả mãn luật pháp thánh khiết của Đức Chúa Trời, thoả đáp những đòi hỏi công bình của luật pháp, để Đức Chúa Trời có thể tha thứ dòi dào cho người chạy đến với Đấng Christ. Chữ “huyết” dạy chúng ta biết giá Chúa Giê-xu phải trả khi Ngài phải chịu chết trên thập tự giá để làm trọn luật pháp và xưng công bình cho tội nhân hư mất.

Minh hoạ có ý nghĩa nhất cho chân lý này là Ngày Đại lễ Chuộc Tội của dân Do Thái mô tả trong Le 16:1-34. Hai con dê được dâng nơi bàn thờ, một trong hai con ấy được chọn làm của lễ. Con dê bị giết và huyết nó được mang vào nơi chí thánh rảy trên nắp thi ân, nắp làm bằng vàng đặt trên hòm giao ước. Huyết rưới trên nắp thi ân bao phủ hai bảng luật pháp bên trong hòm giao ước. Huyết con sinh thoả mãn sự đòi hỏi công bình của Đức Chúa Trời thánh khiết (cách tạm thời).

Sau đó thầy tế lễ đặt tay người trên đầu con dê còn lại và xưng tội lỗi của dân chúng. Rồi người thả con dê vào trong đồng vắng biểu tượng cho tội lỗi được quăng xa khỏi dân chúng. “Phương đông xa cách phương tây bao nhiêu thì Ngài cũng đem các sự vi phạm xa khỏi các người cũng bấy nhiêu” (Thi 103:12). Trong thời Cựu Ước, huyết con thú không thể cất đi tội lỗi huyết con sinh chỉ có thể che đậy tội lỗi cho đến khi Chúa Giê-xu đến chuộc mua sự cứu rỗi đã hoàn tất. Đức Chúa Trời “đã bỏ qua các tội phạm trước kia” (Ro 3:25), biết rằng Con Ngài sẽ đến làm trọn công tác cứu chuộc. Vì sự chết và sống lại của Ngài, sẽ có “sự cứu chuộc” - tội nhân được chuộc mua và buông tha cho được tự do.

Tiền sĩ G. Campbell Morgan cố tìm cách giải thích “sự cứu rỗi nhưng không” cho một người thợ mỏ, nhưng người thợ này không hiểu được ý nghĩa ấy. Người này cứ lý luận, “Tôi phải trả giá cho sự cứu rỗi”. Một tia sáng Chúa soi tỏ trong lòng, Tiền sĩ Morgan hỏi, “Sáng nay làm thế nào anh xuống được hầm mỏ?”. Người thợ mỏ đáp, “Ồ, thật đơn giản. Tôi chỉ ngò vào thang máy và đi xuống, có vậy thôi.”

Sau đó Morgan hỏi, “Việc ấy đơn giản quá vậy sao? Anh không phải trả giá gì à?”

Người thợ mỏ cười. “Ồ không, tôi không phải trả thứ gì cả nhưng công ty đã trả một khoản tiền lớn để lắp đặt chiếc thang máy ấy”. Sau đó người thợ mỏ hiểu được chân lý: “Để được cứu tôi không trả một giá nào cả, nhưng Đức Chúa Trời đã trả xong bằng chính mạng sống Con Ngài.”

f. *Trong sự công bình trọn vẹn* (3:25a-26) - Chắc chắn Đức Chúa Trời phải phù hợp với chính Ngài. Ngài không thể phá bỏ luật pháp của Ngài hoặc làm trái với bản thể của Ngài. “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” (IGi 4: 8), và “Đức Chúa Trời là sự sáng” (IGi 1:5). Đức Chúa Trời của Tình yêu muốn tha thứ cho tội nhân, nhưng Đức Chúa Trời thánh khiết phải hình phạt tội lỗi và giữ đúng Luật công bình của Ngài. Làm thế nào Đức Chúa Trời vừa là “công bình và đáng xưng công bình” được? Câu trả lời ở trong Chúa Giê-xu Christ. Khi Chúa Giê-xu gánh chịu sự thanh nộ của Đức Chúa Trời trên thập tự giá thay cho tội lỗi thế gian, Ngài làm thoả mãn trọn vẹn mọi đòi hỏi của luật pháp Đức Chúa Trời, và cũng bày tỏ trọn vẹn tình yêu của Đức Chúa Trời. Con sinh tế trong Cựu Ước không bao giờ cất đi tội lỗi nhưng khi Chúa Giê-xu chết, Ngài trở về từ A-đam và gánh lấy mọi tội lỗi ấy. Không ai (kể cả Sa-tan) có thể kiện cáo Đức Chúa Trời là không công bình hoặc bất công vì Ngài tha thứ mọi tội lỗi trong thời Cựu Ước.

g. *Thiết lập luật pháp* (Ro 3:27-31) - Vì các độc giả Do Thái, Phao-lô muốn nói nhiều hơn về mối liên hệ của Phúc Âm với luật pháp. Giáo lý xưng nghĩa bởi đức tin không nghịch lại với luật pháp, vì giáo lý ấy làm vững mạnh luật pháp. Đức Chúa Trời tuân theo luật pháp của Ngài trong việc tiến hành phương pháp cứu rỗi. Chúa Giê-xu sinh ra và chịu chết làm ứng

nghiệm trọn vẹn những đòi hỏi của luật pháp. Đức Chúa Trời không có hai phương cách cứu rỗi, một cho người Do Thái và một cho người ngoại bang vì Ngài là một Đức Chúa Trời. Ngài nhất quán với bản thể và luật pháp của Ngài. Nếu cứu rỗi đến bởi luật pháp, lúc ấy con người có thể khoe khoang nhưng nguyên tắc đức tin không thể làm cho con người khoe khoang được. Người bơi lội khi được cứu khỏi chết đuối không khoe khoang được vì anh ta tin cậy vào người cứu mạng. Anh có thể làm gì khác hơn? Khi một tội nhân ăn năn được xưng nghĩa bởi đức tin, anh ta không thể khoe mình về đức tin, nhưng có thể khoe mình về Đấng Cứu Rỗi Là Lùng.

Trong Ro 4:1-25 và 8:1-39, Phao-lô giải thích chương trình cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời đã hiệp một trọn vẹn như thế nào với Kinh Thánh Cựu Ước. Ngài bắt đầu với tổ phụ dân Do Thái là Áp-ra-ham.

2. Sự xưng nghĩa được minh họa (Ro 4:1-25)

Các Cơ Đốc nhân người Do Thái tại Rô-ma chắc chắn sẽ hỏi ngay, “Hỡi Phao-lô, Giáo lý xưng nghĩa bởi đức tin có liên quan thế nào với lịch sử của chúng tôi? Ông nói rằng giáo lý này được luật pháp và các đấng tiên tri làm chứng cho. Ô, thế còn tổ phụ Áp-ra-ham thì sao?”

Phao-lô chấp nhận sự thách thức này và giải thích Áp-ra-ham được cứu cách nào. Áp-ra-ham được gọi là “tổ phụ chúng ta”, ám chỉ đến các con cháu của Áp-ra-ham về phần xác. Nhưng trong Ro 4:11, Áp-ra-ham cũng được gọi là “tổ phụ của tất cả mọi kẻ tin” nghĩa là tất cả những người tin nhận Chúa Giê-xu Christ (Ga 3:1-18). Phao-lô nêu lên ba sự kiện quan trọng về sự cứu rỗi của Áp-ra-ham chứng tỏ rằng kinh nghiệm thuộc linh của tổ phụ giống như kinh nghiệm của tín hữu ngày nay.

a. *Người được xưng công bình bởi đức tin, chứ không phải việc làm* (Ro 4:1-8) - Phao-lô gọi hai người làm chứng cho lời nói ấy: Áp-ra-ham (Sa 15:6) và Đa-vít (Thi 32:1-2). Trong các câu 1-3, Phao-lô xem xét kinh nghiệm của Áp-ra-ham được ghi lại trong Sa 15:1-21. Áp-ra-ham đã chiến thắng các vua (Sa 14:1-24) và tự hỏi không biết họ có quay trở lại gây chiến nữa không. Đức Chúa Trời hiện ra với ông và bảo đảm với ông rằng Ngài là nơi ẩn náu của ông và “phần thưởng của ông sẽ rất lớn”. Nhưng điều Áp-ra-ham mong muốn hơn hết đó là một người con trai nối dõi. Đức Chúa Trời đã hứa ban cho ông một con trai, nhưng vào lúc ấy lời hứa chưa được ứng nghiệm.

Sau đó Đức Chúa Trời phán dạy ông nhìn lên các ngôi sao trên trời. Đức Chúa Trời hứa, “Dòng dõi ngươi sẽ đông như sao trên trời!” và Áp-ra-ham tin lời hứa của Đức Chúa Trời. Chữ tin trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa “nói A-men”. Đức Chúa Trời ban cho lời hứa, Áp-ra-ham đáp lại bằng tiếng “A-men!”. Chính đức tin này kẻ người là công bình.

Chữ kẻ trong Ro 4:3 là tiếng Hy Lạp có nghĩa “kẻ vào tài khoản của người nào”. Đó là thuật ngữ thuộc về ngân hàng. Từ này được dùng mười một lần trong chương này, dịch là “được coi là” (Ro 4:4,9-10), “được quy cho” (4:6,8,11,21-24), cũng như “được kẻ”. Khi một người làm việc, người ấy nhận lương và tiền này được gởi vào tài khoản của người ấy. Nhưng Áp-ra-ham không làm việc vì sự cứu rỗi người chỉ tin cậy vào lời Đức Chúa Trời. Chính Chúa Giê-xu Christ thực hiện công tác của Ngài trên thập tự giá và sự công bình của Ngài đã gởi vào tài khoản của Áp-ra-ham.

Ro 4:5 tạo ra một câu nói đáng ngạc nhiên: Đức Chúa Trời xưng công bình cho người không tin kính! Luật pháp dạy, “Ta sẽ không xưng công bình kẻ ác” (Exe 23:7). Sự phán xét trong thời Cựu Ước đòi hỏi “định công bình cho người công bình, và lên án kẻ có tội” (Phu 25:1). Khi Sa-lô-môn cung hiến đền thờ, ông cầu xin Đức Chúa Trời lên án kẻ ác và xưng công bình cho người công bình (IVua 8:31-32)! Nhưng Đức Chúa Trời xưng công bình cho

người không tin kính - vì đối với Ngài chẳng có người công bình để xưng công bình cho họ ! Ngài đặt tội lỗi chúng ta trên Đấng Christ để Ngài có thể đặt sự công bình Đấng Christ trên chúng ta.

Trong c.6 đến c.8, Phao-lô dùng Đa-vít làm nhân chứng, trích từ một trong các thi thiên ăn năn của Đa-vít sau khi ông phạm tội trọng với Bát-sê-ba (Thi 32:1-2). Đa-vít đưa ra hai lời nói gây kinh ngạc: (1) Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi và kể là công bình ngoại trừ công việc, (2) Đức Chúa Trời không kể tội lỗi chúng ta. Nói cách khác, một khi chúng ta được kể là công bình, lý lịch của chúng ta chứa đựng sự công bình trọn vẹn của Đấng Christ và không thể nào mang tội lỗi của chúng ta nữa. Cơ Đốc nhân phạm tội, những tội này cần phải được tha thứ nếu chúng ta thiết lập mối tương giao với Đức Chúa Trời (IGi 1:5-7) nhưng các tội này không chống lại chúng ta. Đức Chúa Trời ghi nhận các công việc làm của chúng ta để Ngài có thể ban thưởng cho chúng ta khi Chúa Giê-xu đến nhưng Ngài không giữ tội lỗi chúng ta.

b. *Người được xưng công bình bởi ân điển, chứ không phải bởi luật pháp* (Ro 4: 9-17)

- Như chúng ta đã thấy, người Do Thái hãnh diện về phép cắt bì và luật pháp. Nếu một người Do Thái phải trở nên công bình trước mặt Đức Chúa Trời, người ấy ắt phải chịu phép cắt bì và tuân giữ luật pháp. Phao-lô đã nói rõ trong Ro 2:12-19 rằng phải có sự vâng theo luật pháp trong lòng, và “chịu cắt bì trong lòng”. Chỉ có những sự tuân giữ bên ngoài thì chẳng thể nào cứu được tội nhân hư mất.

Nhưng Áp-ra-ham được xưng công bình khi ông còn trong tình trạng chưa chịu cắt bì. Theo quan điểm của người Do Thái, Áp-ra-ham là một người ngoại bang. Áp-ra-ham chịu cắt bì khi ông được 99 tuổi (Sa 17:23-27). Điều này xảy ra trên 14 năm sau các biến cố trong Sa 15:1-21. Kết luận thật rõ ràng: phép cắt bì không có liên quan gì đến sự xưng nghĩa của ông. “Vậy tại sao người nhận dấu cắt bì? Đó là dấu và ấn (Ro 4:11). Là dấu hiệu, rõ ràng ông thuộc về Đức Chúa Trời và tin vào lời hứa của Ngài. Là ấn chứng, điều đó nhắc cho ông nhớ rằng Đức Chúa Trời đã ban lời hứa và Ngài sẽ làm thành lời hứa ấy. Con cái Chúa ngày nay được Thánh Linh của Đức Chúa Trời ấn chứng (Eph 1:13-14). Họ cũng từng trải phép cắt bì thiêng liêng trong lòng (Co 2:10-12), không chỉ là cuộc tiểu phẫu bên ngoài, nhưng là từ bỏ bản chất cũ qua sự chết và sống lại của Đấng Christ. Cắt bì không thêm vào cho sự cứu rỗi của Áp-ra-ham nhưng chỉ chứng thực cho sự cứu rỗi mà thôi.

Nhưng Áp-ra-ham cũng được xưng công bình trước khi có luật pháp, và sự kiện này được Phao-lô bàn đến từ câu 13 đến 17. Chìa khóa ở đây là “lời hứa”. Áp-ra-ham được xưng công bình bởi tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời, chứ không phải do vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời vì luật pháp của Đức Chúa Trời chưa được ban xuống qua Môi se. Lời hứa ban cho Áp-ra-ham bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham không tìm kiếm hoặc xứng đáng nhận lấy lời hứa ấy. Ngày nay cũng vậy, Đức Chúa Trời xưng công bình cho người không công bình vì họ tin vào lời hứa ân điển của Đức Chúa Trời, chứ không phải vì họ vâng giữ luật pháp của Ngài. Đức Chúa Trời không ban luật pháp để cứu rỗi loài người, nhưng để bày tỏ cho loài người thấy rằng họ cần phải được cứu (Ro 4: 15).

Sự việc Áp-ra-ham được xưng công bình bởi ân điển chứ không do luật pháp chứng minh rằng sự cứu rỗi dành cho tất cả mọi người. Áp-ra-ham là cha của mọi kẻ tin, cả người Do Thái lẫn người ngoại bang (Ro 4:16 Ga 3:7,29). Thay vì người Do Thái phàn nàn vì Áp-ra-ham không được cứu bởi luật pháp, họ phải vui mừng vì ơn cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành sẵn cho tất cả mọi người, và phải hớn hờ khi Áp-ra-ham có một gia đình thiêng liêng (tất cả người tin thật) cũng như một gia đình thuộc về phần xác (dân Y-sơ-ra-ên). Phao-lô thấy điều này là sự ung nghiệm Sa 17:5: “Ta đặt người làm tổ phụ nhiều dân tộc”.

c. *Người được xưng công bình bởi quyền năng Phục Sinh, chứ không theo nỗ lực của con người* (Ro 4:18-25) - Những câu Kinh Thánh này là phần mở rộng của cụm từ trong câu 17: “là Đấng ban sự sống cho kẻ chết”. Phao-lô nhìn thấy sự trẻ lại trong thân xác của Áp-ra-ham là hình ảnh của sự sống lại từ trong kẻ chết và rồi ông liên hệ đến sự sống lại của Đấng Christ.

Một lý do tại sao Đức Chúa Trời chậm trễ ban cho Áp-ra-ham và Sa-ra một con trai là để cho tất cả sức lực của họ hao mòn và biến mất. Thật không thể nghĩ ra được một người đàn ông 99 tuổi lại có thể có con với vợ của mình đã 89 tuổi! Theo quan điểm tái sản sinh, cả hai ông bà đều đã chết.

Nhưng Áp-ra-ham không bước đi bởi mắt thấy nhưng ông bước đi bởi đức tin. Điều Đức Chúa Trời hứa, Ngài sẽ làm thành. Tất cả những gì chúng ta cần làm là tin Ngài. Đức tin ban đầu Áp-ra-ham đặt vào Đức Chúa Trời được ghi lại trong Sa 15:1-21 không phai nhoà theo năm tháng. Trong Sa 17:1-27 và 18:1-33, Áp-ra-ham “mạnh mẽ trong đức tin”. Chính đức tin này ban cho ông sức mạnh để có con trong tuổi già nua.

Sự áp dụng cho ơn cứu rỗi thật rõ ràng: Đức Chúa Trời chờ đợi cho đến khi tội nhân “chết” và không thể tự giúp mình, lúc ấy Ngài mới có thể bày tỏ quyền năng cứu rỗi của Ngài. Cho đến lúc nào tội nhân hư mất còn nghĩ rằng họ có đủ khả năng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, lúc ấy họ không thể được cứu bởi ân điển. Chính lúc Áp-ra-ham thừa nhận rằng ông đã chết thì quyền năng của Đức Chúa Trời đến hành động trong thân thể ông. Chính khi tội nhân hư mất xưng nhận rằng họ đã chết mất về phần thuộc linh và không thể tự cứu mình thì Đức Chúa Trời mới có thể cứu họ được.

Phúc Âm là “Quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin” (Ro 1:16) vì Chúa Giê-xu đã từ kẻ chết sống lại. Ro 4:24 và Ro 10:9-10 nhưng hành với nhau. Chúa Giê-xu Christ đã bị nộp vì tội lỗi chúng ta và sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta” (Ro 4:25). Điều này có nghĩa sự sống lại của Đấng Christ là bằng chứng cho thấy Đức Chúa Trời chấp nhận sự hi sinh của Con Ngài, và minh chứng rằng hiện nay tội nhân có thể được xưng công bình mà không vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời hay nghịch lại bản thể công bình của Ngài.

Dĩ nhiên, điều cơ bản là “nếu chúng ta tin” (Ro 4:24). Có trên 60 mươi lần đề cập đến đức tin hoặc lòng vô tín trong thư Rô-ma. Quyền năng cứu rỗi của Đức Chúa Trời được kinh nghiệm bởi những người đã tin vào Đấng Christ giải thích (Ro 1:16). Sự công bình của Ngài được ban cho những người tin Ngài (Ro 3:22). Chúng ta được xưng công bình bởi đức tin (Ro 5:1). Đối tượng đức tin của chúng ta là Chúa Giê-xu Christ đã chết thay cho chúng ta và đã sống lại.

Tất cả những điều này làm cho đức tin của Áp-ra-ham càng thêm kỳ diệu. Ông không có Kinh Thánh để đọc ông chỉ nhận lời hứa của Đức Chúa Trời. Hầu như ông là kẻ tin cô đơn, ở chung quanh vô số người thờ tà thần. Ông không thể nhìn ngược lại bảng tường trình về đức tin dài dòng thật ra, người giúp viết nên trang sử đức tin ấy. Tuy nhiên, Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời. Con người ngày nay có Kinh Thánh trọn bộ để đọc và nghiên cứu. Họ có mỗi thông công trong Hội Thánh, và có thể đọc lại đức tin đã tỏ bày hằng bao thế kỷ được ghi lại trong sử ký Hội Thánh và trong Kinh Thánh. Nhưng nhiều người vẫn không tin!

Tiến sĩ Harry Ironside, trải qua 18 năm làm Mục sư tại Hội Thánh Moody ở Chicago đã kể về một lần viếng thăm lớp Trường Chúa Nhật trong chuyến nghỉ hè. Vị giáo viên Trường Chúa Nhật hỏi, “Làm thế nào con người được cứu trong thời Cựu Ước?”.

Sau một lát, một người trả lời, “Bằng cách giữ luật pháp.” Vị giáo viên nói, “Vâng đúng rồi.”

Nhưng Tiến sĩ Ironside cắt ngang: “Kinh Thánh của tôi dạy rằng bởi việc làm luật pháp chẳng có người nào được xưng công bình cả.”

Vị giáo viên hơi bối rối, vì vậy ông ta nói, “À, ai có ý kiến nào khác không?”

Một học viên khác đáp lại, “Họ được cứu do dâng của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời”.

Vị giáo viên nói, “Vâng, đúng rồi!” và ông ta tìm cách tiếp tục bài học.

Nhưng Tiến sĩ Ironside ngăn lại, “Kinh Thánh của tôi dạy rằng huyết của bò đực và dê không thể cất đi tội lỗi.”

Đến lúc này vị giáo viên không chuẩn bị bài dạy biết chắc vị khách biết về Kinh Thánh rõ hơn mình, nên người nói, “Ồ, xin ông nói cho chúng tôi biết cách nào con người trong thời Cựu Ước được cứu!”

Và Tiến sĩ Ironside giải thích rằng họ được cứu bởi đức tin - giống như cách con người làm ngày nay! Bạn sẽ tìm thấy trong He 11:1-40 có hai mươi một lần lặp lại “bởi đức tin”.

Nếu bạn là người Do Thái, bạn là con cháu Áp-ra-ham về huyết thống nhưng bạn có phải là con cháu Áp-ra-ham về phần thuộc linh không? Áp-ra-ham là tổ phụ của tất cả mọi người tin vào Chúa Giê-xu Christ và được xưng công bình bởi đức tin. Nếu bạn là người ngoại bang, bạn chẳng thể nào là hậu tự của Áp-ra-ham được, nhưng bạn có thể là con cháu Áp-ra-ham trong đức tin. Áp-ra-ham “tin Đức Chúa Trời và điều đó kể người là công bình.”

5. HÃY SỐNG NHƯ MỘT VỊ VUA (Ro 5:1-21)

Vì Rô-ma là sách trình bày theo lo-gic, nên đó là quyển sách của những chữ “vì vậy”. Chúng ta có chữ “vì vậy” trong việc lên án trong Ro 3:20, xưng công bình trong 5:1, không còn án phạt trong 8:1 và dâng hiến trong 12:1. Trong việc giới thiệu trường hợp của mình, Phao-lô chứng tỏ rằng cả thế giới đều phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời, và chẳng có người nào được cứu do các việc làm tôn giáo như gìn giữ luật pháp. Ông đã giải thích rằng phương pháp cứu rỗi của Đức Chúa Trời luôn luôn là “nhờ ân điển, bởi đức tin” (Eph 2:8-9), và ông đã dùng Áp-ra-ham làm minh họa. Nếu người đọc thư này dừng lại tại đây, anh ta biết rằng mình cần phải được cứu và có thể được cứu.

Nhưng tội nhân còn phải biết về sự xưng công bình bởi đức tin nữa. Anh ta có thể chắc chắn điều đó sẽ kéo dài không? Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể cứu tội nhân qua sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá được? Chương 5 là lời giải thích của Phao-lô về hai chữ cuối trong chương 4: “sự xưng công bình của chúng ta”. Ông giải thích hai chân lý căn bản: Phước hạnh của sự xưng công bình (Ro 5:1-11), và nền tảng cho sự xưng công bình của chúng ta (5:12-21).

1. Phước hạnh của sự xưng công bình (Ro 5:1-11)

Trong bảng liệt kê các phước hạnh, Phao-lô hoàn tất hai mục đích. Thứ nhất, ông dạy chúng ta biết rằng làm Cơ Đốc nhân tuyệt diệu như thế nào. Sự xưng nghĩa không chỉ là sự bảo đảm trên thiên đàng thật kỳ diệu, nhưng còn là nguồn của các phước hạnh lạ lùng chúng ta tận hưởng hiện bây giờ.

Mục đích thứ hai nhằm bảo đảm với các độc giả của ông biết rằng sự xưng nghĩa là một việc lâu dài. Các độc giả Do Thái nói riêng sẽ hỏi, “Kinh nghiệm thuộc linh này có thể kéo dài không nếu như không đòi hỏi phải vâng giữ luật pháp?” Thế còn những thử thách và đau đớn trong cuộc sống thì sao? Còn sự phán xét sắp đến thế nào? Khi Đức Chúa Trời xưng

chúng ta là công bình trong Chúa Giê-xu Christ, Ngài ban cho chúng ta bảy phước hạnh bảo đảm rằng chúng ta không thể bị chết mất.

a. *Hoà Thuận với Đức Chúa Trời* (Ro 5:1) - Người không được cứu là “nghịch thù với Đức Chúa Trời (Ro 5:10 8:7) vì họ không thể vâng giữ luật pháp Đức Chúa Trời hoặc làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời. Hai câu Kinh Thánh trong Ê-sai làm cho vấn đề rõ ràng: “Những người ác chẳng hưởng sự bình an bao giờ, Đức Giê-hô-va phán vậy.” (Es 48:22) “Trái của sự công bình sẽ là yên lặng và an ổn mãi mãi”(32:17). Sự định án có nghĩa là Đức Chúa Trời tuyên bố chúng ta là tội nhân, là lời tuyên bố chiến tranh. Sự xưng công bình có nghĩa Đức Chúa Trời kể chúng ta là công bình, lời tuyên bố hoà bình, được thực hiện bởi sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá. “Sự thương xót và sự chân thật đã gặp nhau Sự công bình và sự bình an đã hôn nhau” (Thi 85:10). “Vì luật pháp sanh ra sự giận” (Ro 4:15). Chẳng ai bị luật pháp lên án lại có thể sống hoà thuận với Đức Chúa Trời. Nhưng khi bạn được xưng công bình bởi đức tin, bạn được kể là công bình, và luật pháp không thể nào lên án bạn hoặc gây chiến với bạn được!

b. *Có quyền đến gần Đức Chúa Trời* (5:2a) - Người Do Thái bị bức màn ngăn cách với sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong đền thờ và người ngoại bang bị bức tường trong đền thờ ngăn giữ ở bên ngoài với lời cảnh báo bất kỳ người ngoại bang nào vượt qua sẽ bị chết. Nhưng khi Chúa Giê-xu chết, Ngài xé bức màn (Lu 23:45) và phá bỏ bức tường ngăn cách ấy đi (Eph 2:14). Trong Đấng Christ, Cơ Đốc nhân là người Do Thái và ngoại bang đều có quyền đến gần Đức Chúa Trời (Eph 2:18 He 10:19-25) và họ có thể đến gần sự giàu có vô hạn của ân điển Đức Chúa Trời (Eph 1:7 2:4 3:8). Chúng ta ở “trong ân điển” chớ không phải “trong luật pháp”. Sự xưng nghĩa có liên quan đến địa vị của chúng ta sự nên thánh có liên can đến tình trạng của chúng ta. Con của nhà vua có thể bước vào trong sự hiện diện của cha mình cho dù đứa con trông như thế nào đi nữa. Chữ “quyền đến gần” ở đây có nghĩa “quyền vào với vua qua đặc ân của người khác”

c. *Trông cậy vinh hiển* (Ro 5:2b) - “Hoà thuận với Đức Chúa Trời” chịu trách nhiệm về quá khứ: Ngài sẽ không còn kể tội lỗi chúng ta nữa. “Đến gần Đức Chúa Trời” chịu trách nhiệm về hiện tại: chúng ta có thể đến với Ngài để nhận ơn cứu giúp bất cứ lúc nào chúng ta cần. “Trông cậy về vinh hiển Đức Chúa Trời” chịu trách nhiệm về tương lai: Ngày kia chúng ta sẽ dự phần trong sự vinh hiển với Ngài! Chữ “vui mừng” có thể dịch là “khoe mình” không chỉ trong câu 2 nhưng còn trong câu 3 và câu 11 (“sự vui mừng”). Khi chúng ta là tội nhân, không có gì để vui mừng cả (Ro 3:27), vì chúng ta thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (Ro 3:23). Nhưng trong Đấng Christ, chúng ta khoe mình về sự công bình và vinh hiển của Ngài ! Phao-lô nói mạnh hơn về điều này trong Ro 8:18-30.

d. *Phẩm tính của Cơ Đốc nhân* (Ro 5:3-4) - Sự xưng nghĩa không phải là trốn chạy khỏi thử thách trong cuộc sống. “Các ngươi sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian” (Gi 16:33). Nhưng đối với người tin Chúa, những thử thách ích lợi cho họ chớ không nghịch lại họ. Không có đau đớn nào có thể phân rẽ chúng ta ra khỏi Đức Chúa Trời được (Ro 8:35-39) thay vào đó, thử thách đem chúng ta đến gần với Chúa và khiến chúng ta giống Chúa hơn. Đau đớn xây nên phẩm hạnh của Cơ Đốc nhân. Chữ “rèn tập” trong câu 4 có nghĩa “phẩm hạnh đã được chứng thực”. Tiến trình đó là: hoạn nạn - nhịn nhục - phẩm hạnh được chứng minh – hy vọng. Trong tiếng Anh chữ “hoạn nạn” xuất xứ từ chữ La-tinh tribulum. Trong thời Phao-lô, tribulum là khối gỗ nặng trên ấy có những đinh nhọn, được dùng để đập ngũ cốc. Người ta kéo tribulum trên ngũ cốc và tách hạt lúa mì ra khỏi vỏ. Khi chúng ta trải qua hoạn nạn, và nhờ ân điển của Đức Chúa Trời, các cơn thử thách chỉ tinh luyện chúng ta và giúp gạt bỏ đi những bã trấu mà thôi.

e. *Có sự yêu thương của Đức Chúa Trời bên trong* (Ro 5:5-8) - “Sự hy vọng trì hoãn khiến lòng bị đau đớn” (Ch 13:12). Nhưng khi chúng ta mong đợi sự hy vọng được thành, thì tình yêu thương của Đức Chúa Trời “chảy khắp trong lòng chúng ta”. Hãy lưu ý về sự từng trải ba “bông trái Thánh Linh” đầu tiên: tình yêu thương (Ro 5:5), sự vui mừng (5:2), và bình an (5:1). Trước khi chúng ta được cứu, Đức Chúa Trời chứng tỏ lòng yêu thương Ngài bằng cách sai Đấng Christ chịu chết thế cho chúng ta. Hiện nay chúng ta là con cái của Ngài, chắc chắn Ngài sẽ yêu thương chúng ta càng hơn. Chính kinh nghiệm của lòng yêu thương này qua Thánh Linh giúp sức chúng ta khi trải qua mọi cơn hoạn nạn.

Trải qua nhiều tháng thăm viếng một thanh niên trong bệnh viện bị bỏng gần chết. Tôi không biết anh ta đã trải qua bao nhiêu lần giải phẫu và ghép da trong mấy tháng ấy, hoặc không biết bao nhiêu lần các bác sĩ chuyên khoa thăm bệnh anh ta. Nhưng điều giúp sức cho anh ta suốt những tháng ngày khổ nhọc ấy không phải là những lời giải thích của các bác sĩ nhưng là những lời họ đã hứa với anh ta rằng anh ta sẽ bình phục. Đó là sự hy vọng của anh ta. Và điều giúp sức cho sự hy vọng của họ là tình yêu của gia đình và nhiều bạn bè của anh ta khi họ đứng bên cạnh anh ta. Tình yêu thương của Đức Chúa Trời đã tuôn chảy từ họ đến anh ta. Anh ta đã bình phục và ngày nay anh ta tôn vinh Đức Chúa Trời.

Đức tin (Ro 5:1), hy vọng (5:2), và tình yêu thương (5:5) tất cả kết hợp để ban cho người tin Chúa nhận nhục trong các cơn thử thách trong cuộc đời. Và sự nhận nhục giúp cho người tin Chúa có thể lớn lên trong phẩm hạnh và trở nên con cái trưởng thành của Đức Chúa Trời (Gia 1:1-4).

f. *Sự cứu rỗi thoát khỏi thù nghịch ngày sau* (Ro 5:9-10) - Phao-lô tranh luận từ điều nhỏ đến điều lớn. Nếu Đức Chúa Trời cứu chúng ta khi chúng ta là kẻ thù nghịch, chắc chắn Ngài sẽ tiếp tục cứu chúng ta hiện nay là con cái Đức Chúa Trời. Có “sự thanh nộ ngày sau” nhưng chẳng có tín hữu thật nào trải qua điều ấy (ITe 1:9-10 5:8-10). Phao-lô biện luận thêm rằng nếu sự chết của Đấng Christ đã làm trọn cho chúng ta, Ngài sẽ làm cho chúng ta nhiều hơn trong sự sống của Ngài biết bao khi Ngài cầu thay cho chúng ta trên trời! “Được cứu qua sự sống lại của Ngài” liên quan đến Ro 4:25: “Sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta”. Vì Ngài sống, nên chúng ta được cứu đời đời (He 7:23-25).

Di chúc không có hiệu lực cho đến khi người viết di chúc qua đời. Lúc ấy người thi hành di chúc thay quyền và đoan chắc rằng di chúc được thực hiện và nhận lấy quyền thừa kế. Nhưng nếu người thi hành di chúc không thận trọng và muốn lấy của thừa kế cho bản thân thì sao? Người ấy có thể tính toán nhiều cách lén lút để lừa dối pháp luật và chiếm đoạt của thừa kế.

Chúa Giê-xu Christ ghi tên chúng ta vào trong bản di chúc của Ngài, và Ngài viết di chúc ấy bằng huyết của Ngài. “Chén này là giao ước mới trong huyết ta, vì các ngươi mà đổ ra” (Lu 22:20). Ngài chết để di chúc có hiệu lực nhưng rồi Ngài từ kẻ chết sống lại và về trời để chính Ngài có thể làm cho di chúc thành tựu và phân phát của thừa kế cho chúng ta. Cho nên, chúng ta “được cứu bởi sự sống của Ngài”.

g. *Hoà giải với Đức Chúa Trời* (Ro 5:11) - Chữ “của lễ chuộc tội” có nghĩa là “giải hoà, lập lại mối tương giao với Đức Chúa Trời”. Từ ngữ này cũng được đề cập đến trong câu 10. Trong Ro 1:18-32 Phao-lô giải thích con người đã chống nghịch với Đức Chúa Trời như thế nào và vì điều này, họ đã xứng đáng nhận lấy án phạt đời đời. Nhưng Đức Chúa Trời không thù nghịch với con người. Thay vào đó, Ngài sai Con Ngài làm Sứ Giả Hoà Bình (Eph 2:11-18) để nhờ đó con người có thể giải hoà với Đức Chúa Trời.

Ôn lại bảy phước hạnh về sự xưng công bình cho thấy sự cứu rỗi của chúng ta trong Đấng Christ là chắc chắn như thế nào. Hoàn toàn không bởi luật pháp nhưng do ân điển, chúng ta có được ơn cứu rỗi trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Đấng Christ đã chết thay chúng ta Ngài hiện sống vì chúng ta Và Ngài sắp trở lại vì chúng ta ! Halêlugia, Ngài quả thật là Đấng Cứu Rỗi!

2. Nền tảng của sự xưng công bình (Ro 5:12-21)

Làm thế nào Đức Chúa Trời có thể cứu rỗi tội nhân trong Con Người của Chúa Giê-xu Christ được? Chúng ta hiểu rằng Đấng Christ đã gánh thay chúng ta trên thập tự giá, nhưng làm thế nào có thể thay thế được?

Phao-lô trả lời vấn đề nêu ra trong phần này, và những câu này chính là cốt lõi của bức thư. Để hiểu các câu này, chúng ta cần phải hiểu một vài chân lý chung nhất về phần này. Đầu tiên, hay lưu ý chữ một được lặp lại nhiều lần. Nó được dùng đến mười một lần. Ý tưởng chủ yếu ở đây là sự đồng hoá với A-đam và với Đấng Christ. Thứ hai, hãy lưu ý sự nhắc lại của chữ cai trị được dùng năm lần. Phao-lô thấy hai người - A-đam và Đấng Christ - mỗi người cai trị trong một vương quốc. Sau hết, hãy lưu ý cụm từ là đường nào được nhắc lại năm lần. Điều này có nghĩa trong Chúa Giê-xu Christ chúng ta có được nhiều hơn chúng ta đã mất trong A-đam!

Tóm lại, phần này là sự tương phản giữa A-đam và Đấng Christ. A-đam được ban quyền quản trị trên tạo vật cũ, ông đã phạm tội và đánh mất đi vương quốc của mình. Vì tội của A-đam, mọi người đều bị định tội và chết. Đấng Christ đến làm Vua trên tạo vật mới (II Co 5:17). Bởi sự vâng phục của Ngài trên thập tự giá, Ngài đã mang đến công bình và sự xưng công bình. Đấng Christ không những xoá bỏ tất cả những tể hại do ảnh hưởng của tội lỗi A-đam gây ra, nhưng Ngài còn hoàn tất việc khiến chúng ta trở nên con cái Đức Chúa Trời. Phao-lô đã giải thích một số “đường nào” trong Ro 5:1-11.

Thỉnh thoảng những người hoài nghi thắc mắc, “Đức Chúa Trời có thật công bằng khi lên án toàn thể gian chỉ vì một điều bất tuân của con người không?” Dĩ nhiên câu trả lời không những công bằng nhưng còn là việc làm khôn ngoan và ân điển. Trước hết, nếu Đức Chúa Trời thử thách mỗi người cách riêng tư, kết quả sẽ giống nhau: đó là sự bất tuân. Nhưng còn quan trọng hơn nữa, bởi sự lên án loài người qua một người (A-đam), Đức Chúa Trời có thể cứu loài người qua Một Người (Chúa Giê-xu Christ)! Mỗi chúng ta liên hiệp hoàn toàn với A-đam vì vậy việc làm của người tác động đến chúng ta. (He 7:9-10 là ví dụ về vị trí đứng đầu này). Các thiên sứ sa ngã không thể được cứu vì họ không phải là người. Họ phạm tội và bị đoán phạt. Chẳng có ai có thể đại diện gánh lấy sự đoán phạt thay cho họ và cứu họ. Nhưng vì bạn và tôi bị hư mất trong A-đam, người làm đầu chúng ta, chúng ta có thể được cứu trong Đấng Christ, Đấng Làm Đầu của tạo vật mới. Kế hoạch của Đức Chúa Trời vừa nhân từ vừa khôn ngoan.

Câu hỏi cuối cùng chúng ta phải trả lời: Làm thế nào biết rằng chúng ta hoàn toàn liên hiệp với A-đam? Câu trả lời trong Ro 5:12-14 và lý lẽ sẽ theo chiều hướng như vậy: Chúng ta biết rằng mọi người phải chết. Nhưng sự chết là kết quả của việc không tuân giữ luật pháp. Từ A-đam cho đến Môi-se không có luật pháp, nhưng con người vẫn phải chết. Kết quả chung chung đòi hỏi một nguyên nhân chung chung. Nguyên nhân ấy là gì? Có thể đó là việc: bất tuân của A-đam. Khi A-đam phạm tội, cuối cùng người phải chết. Tất cả con cháu người phải chết (Sa 5:1-32), tuy nhiên Luật-pháp chưa được ban xuống. Kết luận là: họ chết vì tội lỗi của A-đam. “Vì mọi người đều phạm tội” (Ro 5:12) có nghĩa “tất cả mọi người đã phạm tội trong A-đam tội lỗi”. Loài người không chết vì hành động tội lỗi của họ nếu không thì các em bé

sẽ không chết (Ro 9:11). Loài người chết vì họ làm một với A-đam, và “trong A-đam mọi người đều chết” (ICo 15:22)

Chúng ta đã hiểu các chân lý tổng quát trong phân đoạn, bây giờ có lẽ chúng ta xem xét những điểm tương phản giữa A-đam và Đấng Christ, giữa tội lỗi của A-đam và hành động vâng phục của Đấng Christ trên thập tự giá.

a. *Tội lỗi của A-đam trái ngược với sự ban cho nhưng không của Đấng Christ* (Ro 5:15)

- Vì tội lỗi của A-đam, nhiều người phải chết vì sự vâng lời của Đấng Christ, ân điển dư dật của Đức Chúa Trời mang đến sự sống cho nhiều người. Chữ “hết thảy” (theo nghĩa đen là “nhiều”) có nghĩa tương tự với “mọi người” trong Ro 5:12 và 5:18. Hãy lưu ý chữ “là đường nào” vì ân điển của Đấng Christ không chỉ mang lại cho cuộc sống thể xác, nhưng còn mang lại cuộc sống thuộc linh và sự sống dư dật. Chúa Giê-xu Christ đã chiến thắng sự chết và ngày kia Ngài sẽ khiến thân thể của mọi người đã chết “trong Đấng Christ” sống lại. Nếu Ngài dừng lại ở đó, Ngài chỉ có thể đảo ngược hậu quả của tội lỗi trong A-đam nhưng Ngài còn tiếp tục làm “nhiều biết đường nào”. Ngài ban sự sống dư dật cho tất cả mọi người tin Ngài (Gi 10:10).

b. *Hậu quả của tội lỗi A-đam tương phản với kết quả của sự vâng lời của Đấng Christ* (Ro 5:16) - Tội lỗi của A-đam mang lại sự đoán xét và án phạt nhưng công tác của Đấng Christ trên thập tự giá mang lại sự xưng công bình. Khi A-đam phạm tội, ông đã bị kể là không công bình và có tội. Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy được xưng công bình - được kể là công bình trong Đấng Christ.

c. *Hai “sự cai trị” đối nghịch nhau* (Ro 5:17) - Vì sự không vâng lời của A-đam, sự chết cai trị con người. Hãy đọc “gia phả của A-đam” trong Sáng thế ký chương 5, và hãy lưu ý sự lặp lại trang trọng của cụm từ “rời qua đời”. Trong Ro 5:14, Phao-lô lý luận rằng “từ A-đam đến Môi-se” con người không chết cùng một nguyên nhân như A-đam đã chết - vi phạm luật của Đức Chúa Trời - vì lúc ấy luật pháp chưa được ban xuống. “Tiền công của tội lỗi là sự chết” (Ro 6:23a). Vì tội lỗi cai trị trong đời sống con người (5:21), cho nên sự chết cũng cai trị trong con người (5:14,17).

Nhưng trong Chúa Giê-xu Christ chúng ta bước vào một vương quốc mới: “Vì Nước Đức Chúa Trời chẳng tại sự ăn uống, nhưng tại sự công bình, và bình an, vui vẻ bởi Đức Thánh Linh vậy” (Ro 14: 17). “Do đó chúng ta được xưng công bình bởi đức tin” chúng ta được kể là công bình, chúng ta có sự hoà thuận với Đức Chúa Trời, và chúng ta mừng rỡ trong sự hy vọng về vinh hiển Đức Chúa Trời. Hãy lưu ý rằng chính chúng ta đang cai trị! “Họ sẽ nhờ một mình Chúa Giê-xu Christ mà cai trị trong sự sống là đường nào!”. Trong A-đam chúng ta mất đi quyền làm vua, nhưng trong Chúa Giê-xu Christ chúng cai trị như những vì vua. Chúng ta cai trị “càng nhiều hơn nữa”! Sự cai trị thiêng liêng của chúng ta càng lớn lao hơn quyền cai trị của A-đam trên đất, vì chúng ta dự phần “ân điển và sự ban cho của sự công bình dư dật” (Ro 5:17).

d. *Hai “người hành động” khác nhau* (5:18-19) - A-đam không phải phạm hàng loạt tội lỗi. Đức Chúa Trời đã thử nghiệm bằng một hành động, và người đã thất bại. Điều đó được gọi là “tội lỗi” và là hành vi “không vâng lời”. Chữ tội lỗi có nghĩa là “sự xâm phạm - vượt khỏi ranh giới”. Đức Chúa Trời phán với A-đam về khoảng cách ông có thể đi, và A-đam đã quyết định vượt ra ngoài giới hạn cho phép. “Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến vì một mai người ăn chắc sẽ chết” (Sa 2:16-17).

Tương phản với “tội lỗi của một người” là “sự công bình của một người”, có nghĩa là công tác cứu chuộc của Đấng Christ trên thập tự giá. Trong câu 19 Phao-lô gọi là “sự vâng phục của một người” (Phi 2:5-12). Sự hi sinh của Đấng Christ trên thập tự giá không chỉ có thể làm nên “sự xưng công bình” nhưng còn là “sự xưng công bình của sự sống” (phần in nghiêng của tôi). Xưng công bình không chỉ là một thuật ngữ pháp luật mô tả địa vị của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời (“y như thể tôi chưa hề phạm tội”) nhưng điều đó đưa đến sự sống chắc chắn. “Xưng công bình ban sự sống” trong Ro 5:18 tương ứng với “được làm ra công bình” trong 5:19. Nói cách khác, sự xưng công bình của chúng ta là kết quả của sự sống gắn liền với Đấng Christ. Và sự liên hiệp này phải kết quả một đời sống mới, nếp sống công bình vâng phục Đức Chúa Trời. Sự gắn liền với A-đam khiến chúng ta trở thành tội nhân sự kết liền với Đấng Christ giúp chúng ta có thể “cai trị trong sự sống”

e. *Luật pháp và ân điển trái ngược nhau* (Ro 5:20-21) - “Rồi thì luật pháp len lỏi vào...” (bản dịch của Charles B. Williams) hoặc, “Rồi luật pháp lan tràn đến gần...” (dịch theo nghĩa đen). Ân điển không phải là sự thêm vào chương trình của Đức Chúa Trời nhưng ân điển là một phần trong chương trình của Đức Chúa Trời từ buổi ban đầu. Đức Chúa Trời đối xử A-đam và Ê-va trong ân điển Ngài Ngài đối đãi với các tổ phụ bằng ân huệ của Ngài và Ngài dùng ân điển đối cùng dân Y-sơ-ra-ên. Ngài ban luật pháp qua Môi-se, không phải để thay thế cho ân điển, nhưng để tỏ bày nhu cầu của con người cần đến ân điển. Luật pháp là tạm thời, nhưng ân điển thì đời đời.

Nhưng khi luật pháp khiến cho tội lỗi con người gia thêm, ân điển Đức Chúa Trời lại càng dư dật. Ân điển Đức Chúa Trời có dư đầy so với tội lỗi của con người. Cho dù tội lỗi và sự chết còn cai trị trong thế gian này, nhưng ân điển Đức Chúa Trời cũng đang cầm quyền bởi sự công bình của Đấng Christ. Thân thể người theo Chúa lệ thuộc vào sự chết và bản chất cũ lỗi kéo con người phạm tội nhưng trong Chúa Giê-xu Christ, họ có thể “cai trị trong sự sống” vì họ là một bộ phận trong nước ân điển của Đấng Christ.

Một câu chuyện trong Cựu Ước giúp chúng ta hiểu được sự mâu thuẫn giữa hai “sự cai trị” này trong thế giới ngày nay. Đức Chúa Trời từ chối không cho Sau-lơ làm vua Y-sơ-ra-ên, và Ngài xúc dầu cho Đa-vít làm vua. Những ai tin cậy Vua Đa-vít kết cuộc sẽ cùng hưởng với vua trong nước bình an, vui vẻ. Những người theo Sau-lơ kết thúc trong xấu hổ và thất bại.

Giống như Đa-vít. Chúa Giê-xu Christ là Vua được Đức Chúa Trời xúc dầu. Giống như Sau-lơ, Sa-tan vẫn còn tự do hành động trong thế gian này và tìm cách thu hút sự ủng hộ của nhiều người. Tội lỗi và sự chết đang cầm quyền trên “tạo vật cũ” trong đó A-đam đứng đầu hàng, nhưng ân điển và sự công bình đang cai trị trong “tạo vật mới” trong đó Chúa Giê-xu Christ là Đấng Làm Đầu. Và khi vâng phục Ngài, chúng ta “cai trị trong sự sống”.

Trong Ro 5:14, A-đam được gọi là “hình bóng Đấng phải đến”. A-đam là hình bóng, hoặc hình ảnh của Chúa Giê-xu Christ. A-đam ra từ đất, nhưng Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời ra từ trời (ICo 15:47). A-đam được thử luyện trong khu vườn bao quanh bằng vẻ đẹp và yêu thương nhưng Chúa Giê-xu bị thử thách trong đồng vắng, và Ngài chết trên thập tự giá có những kẻ ghen ghét và gian ác bao quanh. A-đam là kẻ hái trộm và bị Đức Chúa Trời đuổi ra ngoài vườn phước hựu nhưng Chúa Giê-xu Christ quay lại với kẻ trộm và phán, “Hôm nay người sẽ ở với Ta trong nơi Ba-ra-đi” (Lu 23:43). Cựu Ước là “sách gia phả của A-đam (Sa 5:1) và kết thúc bằng lời rửa sả (Ma 4: 6). Tân Ước là “Sách Gia-phả của Chúa Giê-xu Christ” (Mat 1:1) và kết thúc bằng lời phán “không còn có sự nguyền rửa nữa” (Kh 22:3).

Bạn không thể không tồn tại “trong A-đam”, vì điều này xảy ra do sự sinh ra thứ nhất của bạn mà bạn không kiểm soát được. Nhưng bạn có thể thoát khỏi ở “trong A-đam”, vì bạn có

thể kinh nghiệm sự sinh ra thứ hai - sự tái sinh từ trên cao - sẽ đặt bạn vào “trong Đấng Christ”. Đây là lý do tại sao Chúa Giê-xu phán, “Các ngươi phải sanh lại” (Gi 3:7).

6. CHẾT ĐỂ SỐNG (Ro 6:1-23)

Trong một phiên toà, vị luật sư bào chữa thường đứng lên và nói, “Thưa Ngài, Tôi phản đối!”. Một số tín hữu Rô-ma chắc chắn cảm thấy dường như họ phản đối khi nghe đọc thư Phao-lô viết, và có lẽ Phao-lô đọc được suy nghĩ của họ. Trong Ro 6:1-8:39 Phao-lô bảo vệ cho giáo lý xưng nghĩa bởi đức tin của ông. Ông dự kiến ba sự phản kháng: (1) “Nếu ân điển của Đức Chúa Trời có dư khi chúng ta phạm tội, vậy thì chúng ta hãy cứ phạm tội để chúng ta có thể kinh nghiệm ân điển nhiều hơn” (6:1-14) (2) “Nếu chúng ta không còn ở dưới luật pháp, vậy thì chúng ta được tự do sống tùy thích” (6:15-7:6) và (3) “Anh em đã làm cho luật pháp của Đức Chúa Trời ra tội lỗi” (7:7-25).

Những đối kháng này chứng tỏ rằng các độc giả không hiểu luật pháp lẫn ân điển. Họ đang đến những thái cực: một mặt làm theo luật pháp và mặt khác lại tùy tiện. Vì vậy khi Phao-lô bình vực cho sự xưng công bình, ông cũng giải thích sự nên thánh. Người cho chúng ta biết chúng ta có thể sống nếp sống đắc thắng (chương 6), tự do (chương 7), bảo đảm (chương 8). Người giải thích mối liên hệ của chúng ta với xác thịt, luật pháp, và Thánh Linh. Trong chương 6, Phao-lô cung cấp ba lời chỉ dẫn để đạt được nếp sống đắc thắng tội lỗi.

1. Biết (Ro 6:1-10)

Chữ “biết” lặp lại trong Ro 6:1,6,9 cho thấy rằng Phao-lô muốn chúng ta hiểu một giáo lý căn bản. Sự sống Cơ Đốc tùy thuộc vào sự học biết của Cơ Đốc nhân bốn phen luôn luôn căn cứ vào giáo lý. Nếu Sa-tan có thể giữ một Cơ Đốc nhân trong sự dốt nát, nó có thể giữ người ấy trong tình trạng bất lực.

Chân lý căn bản Phao-lô muốn dạy dỗ là sự đồng chết với Đấng Christ, đồng chôn và đồng sống lại. Giống như chúng ta đã đồng nhất hoá với A-đam trong tội lỗi và sự đoán phạt, cũng vậy bây giờ chúng ta cũng đồng hoá với Đấng Christ trong sự công bình và xưng nghĩa. Trong Ro 5:12, Phao-lô chuyển tiếp từ việc bàn luận “các tội lỗi” đến việc bàn luận “tội lỗi” - từ các hành động đến nguyên tắc, từ bông trái cho đến gốc rễ. Chúa Giê-xu Christ không những chết thay cho tội lỗi chúng ta, nhưng Ngài còn chết đối với tội lỗi, và chúng ta chết với Ngài. Có lẽ biểu đồ sẽ giải thích những điểm tương phản rõ hơn.

Ro 3:21-5:21

Thay thế: Ngài đã chết thay tôi

Ngài chết vì tội lỗi tôi

Ngài trả án phạt của tội lỗi

Sự Xưng Nghĩa: Được kể là công bình

Được cứu bởi sự chết của Ngài

Ro 6:1-8:39

Đồng nhất hoá: Tôi đồng chết với Ngài

Ngài chết đối với tội lỗi

Ngài phá bỏ quyền lực của sự chết

Sự Nên Thánh: Được dự phần trong sự công bình

Được Cứu bởi sự sống của Ngài.

Nói cách khác, xung công bình bởi đức tin không chỉ là vấn đề luật pháp giữa tôi và Đức Chúa Trời nhưng đó là mối tương giao sống động. Đó là “sự xung công bình mang lại sự sống” (Ro 5:18). Tôi ở trong Đấng Christ và đồng nhất hoá với Ngài. Do đó, bất cứ điều gì xảy ra cho Đấng Christ đã xảy ra cho tôi. Khi Ngài chết, tôi đã chết. Khi Ngài sống lại, tôi sống lại trong Ngài. Hiện nay tôi được ngồi với Ngài trong các nơi trên trời! (Eph 2:1-10 Co 3:1-3). Vì sự liên hiệp sống với Đấng Christ, người tin Chúa có mối tương quan hoàn toàn mới đối với tội lỗi.

a. *Ngài đã chết đối với tội lỗi* (Ro 6:2-5) - Phao-lô dùng hình ảnh Báp-têm để minh hoạ. Chữ Báp-têm trong tiếng Hy Lạp có hai nghĩa căn bản: (1) nghĩa đen - chìm xuống hoặc nhận chìm và (2) nghĩa bóng - đồng nhất hoá. Ví dụ cho ý nghĩa thứ hai chép trong ICo 10:2: “Chịu Môi-se làm phép Báp-têm trong đám mây và dưới biển”. Dân Do Thái nhận Môi se làm nhà lãnh đạo của họ khi họ vượt qua Biển Đỏ.

Rõ ràng Phao-lô nghĩ đến cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng trong đoạn này, vì ông dùng từng trái Báp-têm bằng nước của độc giả để nhắc họ nhớ về sự giống Đấng Christ của họ bởi phép Báp-têm Thánh Linh. Chịu “phép Báp-têm trong Chúa Giê-xu Christ” (Ro 6:3) giống như “chịu Báp-têm chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân (ICo 12:13). Có sự khác biệt giữa Báp-têm bằng nước và Báp-têm bằng Thánh Linh (Gi 1:33). Khi tội nhân tin nhận Đấng Christ, tức thì được sinh ra trong gia đình của Đức Chúa Trời và nhận ơn của Đức Thánh Linh. Hình ảnh minh hoạ cho điều này là người nhà Cột-nây khi họ nghe Phi-e-rơ rao giảng (Cong 10:34-38). Khi những người này tin vào Đấng Christ, tức thì họ nhận lãnh Đức Thánh Linh. Và sau đó họ nhận làm phép Báp-têm. Lời của Phi-e-rơ “Bất kỳ ai tin Ngài sẽ nhận lãnh ân xá” cho họ lời hứa họ cần đến. Họ tin - và họ được cứu!

Các sử gia đồng ý rằng phương thức Báp-têm trong Hội Thánh Đầu Tiên là chìm mình trong nước. Người tin Chúa được “chôn” trong nước và ra khỏi nước như là bức tranh của sự chết, chôn, và sống lại. Phép Báp-têm bằng cách nhúng xuống nước (Phao-lô dùng hình ảnh minh hoạ này trong Ro 6:1-23) hình bóng về người tín đồ đồng chết, đồng chôn và đồng sống lại với Đấng Christ. Đó là biểu tượng bên ngoài nói về kinh nghiệm bên trong. Phao-lô không có ý nói rằng việc chìm xuống nước đặt họ “vào trong Đấng Christ”, vì Đức Thánh Linh hoàn thành điều đó khi họ tin nhận Chúa. Sự chìm mình trong nước là hình ảnh việc làm của Đức Thánh Linh: Đức Thánh Linh đồng nhất hoá họ với Đấng Christ trong sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài.

Điều này có nghĩa là người tin Chúa có mối liên hệ mới đối với tội lỗi. Người ấy “chết đối với tội lỗi”. “Tôi đã bị đóng đinh với Đấng Christ...” (Ga 2:20). Nếu một người say rượu chết, người ấy không còn bị rượu cám dỗ nữa vì thân thể anh ta đã chết với mọi cảm giác thèm muốn. Anh ta không thể nhìn thấy rượu, không ngửi được mùi vị của nó hoặc thèm muốn nó nữa. Trong Chúa Giê-xu Christ chúng ta đã chết đối với tội lỗi để không còn muốn “tiếp tục sống trong tội lỗi” nữa. Nhưng chúng ta không những chết đối với tội lỗi nhưng cũng sống trong Đấng Christ nữa. Chúng ta đã từ kẻ chết sống lại và hiện nay chúng ta bước đi trong quyền năng của sự sống lại của Ngài. Chúng ta bước đi trong “đời sống mới” vì chúng ta dự phần trong sự sống của Ngài. “Tôi đã bị đóng đinh với Đấng Christ, mà tôi sống” (Ga 2:20).

Chân lý thuộc linh lạ lùng này được minh hoạ qua phép lạ La-xa-rô sống lại (Gi 11:1-46). Khi Chúa Giê-xu đến làng Bê-tha-ni, La-xa-rô được chôn trong mộ bốn ngày vì vậy chẳng có ai thắc mắc gì về cái chết của ông. Bằng quyền năng của Lời phán (“Hỡi La-xa-rô, hãy bước ra!”) Chúa Giê-xu đã kêu người bạn của Ngài sống lại. Nhưng khi La-xa-rô xuất hiện tại cửa mộ, khăn liệm vẫn còn quấn chung quanh ông. Vì vậy Chúa Giê-xu truyền lệnh, “Hãy mở

cho người để người đi!”. Ông đã được sống lại để bước đi “vào sự sống mới”. Trong Gi 12:1-11, La-xa-rô được ngồi đồng bàn với Chúa Giê-xu, được tương giao với Ngài. Chết - được sống lại - được giải phóng tự do bước vào sự sống mới - được đồng ngồi với Đấng Christ: Tất cả các sự kiện này minh họa những chân lý thuộc linh về việc chúng ta giống Đấng Christ chép trong Eph 2: 1-10.

Có lắm người là “những người sống nửa vùi”: họ sống giữa tình cảnh tại Ai Cập và xứ Ca-na-an, họ được cứu nhưng chẳng bao giờ thoả lòng hoặc họ sống giữa lễ Thương Khó và Phục Sinh, họ tin vào thập tự giá nhưng không bước vào quyền năng và vinh quang của sự sống lại. Câu Ro 6:5 cho chúng ta thấy việc chúng ta hiệp làm một với Đấng Christ bảo đảm rằng sự sống lại của chúng ta trong tương lai là chắc chắn. Nhưng câu Ro 6:4 dạy rằng hôm nay chúng ta dự phần trong quyền năng sự sống lại của Ngài. “Vậy nếu anh em được sống lại với Đấng Christ, hãy để lòng hướng về các sự ở trên trời... Vì anh em đã chết, sự sống mình đã giấu với Đấng Christ trong Đức Chúa Trời” (Col 3:1,3).

Vậy thì rõ ràng người tin Chúa không thể cứ sống trong tội lỗi vì họ có mối tương quan mới đối với tội lỗi do họ hiệp làm một với Đấng Christ. Người tin Chúa đã chết đối với nếp sống cũ họ đã được sống lại để hưởng đời sống mới. Con cái Chúa không còn muốn trở lại với tội lỗi nữa cũng như La-xa-rô không muốn quay lại vào phần mộ mang lấy vải liệm trên người! Kế đến Phao-lô giới thiệu sự kiện thứ hai:

b. *Họ không nên phục dưới tội lỗi* (Ro 6:6-10) - Tội lỗi là người chủ độc ác, và người chủ ấy phát hiện một tên đầy tớ ngoan ngoãn trong thân thể con người. Thân thể không phải là tội lỗi thân thể là trung tính. Thân thể hoặc có thể thuộc về tội lỗi hoặc thuộc về Đức Chúa Trời. Nhưng bản chất sa ngã của con người không được thay đổi lúc tin nhận Chúa đã tạo điều kiện cho tội lỗi có thể tấn công và chiếm hữu thân thể. Phao-lô bày tỏ vấn đề: “Vả tôi biết điều lành chẳng ở trong tôi đâu, nghĩa là trong xác thịt tôi, bởi tôi có ý muốn làm điều lành nhưng không có quyền làm trọn” (Ro 7:18).

Một việc lạ lùng được giới thiệu ở đây: con người cũ (bản chất cũ, cái tôi) đã bị đóng đinh với Đấng Christ để thân thể không phải bị tội lỗi cai trị. Chữ “bị tiêu diệt” trong Ro 6:6 không có nghĩa là bị huỷ diệt nhưng có nghĩa là “đến tình trạng thụ động, không bị ảnh hưởng”. Trong tiếng Hy Lạp cùng chữ này dịch là “được thoát khỏi” trong Ro 7:2. Nếu người chồng chết đi, người vợ được “thoát khỏi” luật pháp đã buộc mình với chồng và người tự do lấy người khác. Có sự thay đổi trong mối quan hệ. Luật pháp vẫn còn đó, nhưng nó không có quyền trên người phụ nữ vì chồng người đã chết.

Tội lỗi muốn làm chủ chúng ta. Nó tìm thấy trong bản chất cũ một nơi trú ẩn chắc chắn, và qua bản chất cũ nó tìm cách cai trị các chi thể trong thân. Nhưng trong Chúa Giê-xu Christ, chúng ta chết đối với tội lỗi bản ngã xác thịt đã bị đóng đinh để nếp sống cũ không còn hành động. Phao-lô không có ý muốn mô tả một kinh nghiệm nhưng ông muốn nêu lên một sự kiện. Kinh nghiệm thực tế phải đến sau. Chúa Giê-xu Christ chịu chết trên thập tự giá là một sự kiện lịch sử, và người tin đồ đồng chết với Ngài cũng là một sự kiện lịch sử “vì ai đã chết thì được tự do khỏi tội lỗi” (Ro 6:7). Không phải “tự do để phạm tội” như mấy người kiện cáo Phao-lô nói sai nhưng “được tự do khỏi tội lỗi”.

Tội lỗi và sự chết không có quyền trên Đấng Christ. Chúng ta “ở trong Đấng Christ” do đó, tội lỗi và sự chết không cai trị chúng ta. Chúa Giê-xu Christ không những chết “vì tội lỗi” nhưng Ngài cũng chết “đối với tội lỗi”. Tức là, Ngài không chỉ trả án phạt của tội lỗi, Ngài còn phá bỏ quyền lực của tội lỗi. Ý tưởng về quyền thống trị dẫn chúng ta trở lại với Ro 5:12-21 nơi Phao-lô đã luận về “quyền cai trị” của tội lỗi, sự chết, và ân điển. Bởi Đấng Christ,

chúng ta “cai trị trong sự sống” (Ro 5:17) để tội lỗi không còn chiếm hữu đời sống chúng ta nữa.

Bây giờ câu hỏi trọng đại là, “Tôi tin những sự kiện trong lịch sử nhưng làm thế nào thực hiện công việc này trong kinh nghiệm sống hằng ngày?” Điều này dẫn đến lời chỉ dẫn thứ hai.

2. Kể như (Ro 6:11)

Ở một số vùng tại Hoa-Kỳ, động từ “kể như” có nghĩa “cho là” hoặc “nghĩ rằng”. “Tôi coi là” cũng đồng nghĩa với “Tôi cho rằng”. Nhưng không có ý nghĩa nào ở đây có thể dùng trong câu Kinh Thánh này. Chữ kể như dịch từ tiếng Hy Lạp được dùng 41 lần trong Tân Ước - riêng sách Rô-ma có đến 19 lần. Trong Ro 4:1-25 chữ ấy được dịch là “tính, kể, quy cho”. Có nghĩa là “vào sổ, đánh giá, ước lượng”. Chữ qui cho - “nhập vào tài khoản” - có lẽ là cách dịch hay nhất.

Kể như có nghĩa “nhập vào tài khoản của người nào”. Nó mang nghĩa đơn giản đó là phải tin rằng những gì Đức Chúa Trời phán trong Lời của Ngài là thật và thật sự sống động trong đời sống bạn.

Phao-lô không dạy người đọc phải cảm thấy như thể họ đã chết trong tội lỗi, hoặc thậm chí hiểu tội lỗi cách đầy đủ, nhưng ông dạy họ phải làm theo lời Đức Chúa Trời và để lời Chúa thâm nhập vào chính mình. “kể như” là vấn đề của đức tin kết quả bằng hành động. Nó giống như việc chứng thực một ngân phiếu: nếu chúng ta thật sự tin rằng khoản tiền nằm trong tài khoản tại ngân hàng chúng ta có thể ký tên vào và rút tiền ra. Việc coi mình không đòi hỏi một lời hứa, nhưng tác động đến một sự kiện. Đức Chúa Trời không đòi hỏi chúng ta trở nên chết đối với tội lỗi. Ngài dạy rằng chúng ta hiện chết với tội lỗi và sống đối với Đức Chúa Trời, và rồi Ngài đòi hỏi chúng ta phải có hành động phù hợp. Cho dù chúng ta không có hành động thì sự kiện vẫn là thật.

Lời chỉ dẫn đầu tiên của Phao-lô (“biết”) tập trung vào tâm trí, và lời chỉ dẫn thứ hai này (“kể như”) tập trung vào tấm lòng. Lời chỉ dẫn thứ ba nói đến ý chí.

3. Qui phục (Ro 6:12-23)

Chữ qui phục tìm thấy năm lần trong phần này (Ro 6:13,16,19), có nghĩa là “đề tuý ý sử dụng, tặng cho, hiến làm của hi sinh.” Theo Ro 12:1 thân thể người tin Chúa phải dâng cho Chúa làm “của lễ sống” vì vinh hiển của Ngài. Các của lễ trong Cựu Ước là những của lễ chết. Có thể Chúa yêu cầu một số người trong chúng ta phải chết vì có Ngài, nhưng Ngài yêu cầu hết thảy chúng ta phải sống vì Ngài.

a. *Chúng ta phải qui phục như thế nào* (Ro 6:12-13) - Đây là hành động của ý chí dựa trên nền tảng sự hiểu biết chúng ta có được về những gì Đấng Christ đã làm cho chúng ta. Đó là hành động khôn ngoan - chớ không phải là quyết định nóng vội trong phút chốc dựa trên cảm xúc nhất thời nào đó. Lưu ý đến thì của các động từ trong những câu này thật là quan trọng. Bản dịch theo nghĩa đen đó là: “Đừng bao giờ cho phép tội lỗi cai trị trong thân thể hay chết của bạn để bạn phải vâng theo lòng ham muốn của nó. Cũng đừng nộp các chi thể trong thân thể của bạn làm vũ khí (hoặc công cụ) cho việc làm không công bình của tội lỗi nhưng hãy phó chính mình cho Đức Chúa Trời một lần đủ cả.” Sự vâng phục một-lần-đủ-cả ấy được mô tả trong Ro 12:1.

Trong đời sống người tin Chúa, thân thể phải đầu phục Chúa Giê-xu Christ trọn vẹn và đầy đủ. Điều này không có nghĩa sẽ không có những bước xa hơn trong sự vâng phục, vì sẽ có những bước ấy. Chúng ta càng bước đi với Đấng Christ bao lâu, mỗi tương giao với Chúa càng thâm sâu bấy nhiêu. Nhưng không thể có những bước kế tiếp nếu không có bước đầu

tiên. Thì của động từ trong Ro 12:1 phù hợp với thì trong Ro 6:13 - vâng phục Chúa một-lần-đủ-cả. Đúng là, chúng ta vâng phục Ngài mỗi ngày nhưng ngay cả việc vâng phục ấy cũng đặt nền tảng trên sự vâng phục trọn vẹn và cuối cùng.

Tại sao Chúa cần đến thân thể chúng ta? Trước hết, thân thể tín hữu là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Ngài muốn dùng thân thể làm vinh hiển Ngài (ICo 6:19-20 Phil 1:20-21) Nhưng Phao-lô viết rằng thân thể còn là đồ dùng của Đức Chúa Trời và là vũ khí của Ngài (Ro 6:13). Đức Chúa Trời muốn các chi thể trong thân thể làm đồ dùng để xây dựng Nước Ngài và là vũ khí để chiến trận cùng kẻ thù Ngài.

Kinh Thánh dạy về những người để Đức Chúa Trời chiếm hữu và dùng thân thể của họ làm ứng nghiệm chương trình của Ngài. Đức Chúa Trời dùng cây gậy trong tay Môi-se chiến thắng dân Ai Cập. Ngài dùng cái trình ném đá trong tay Đa-vít để đánh bại dân Phi-li-tin. Ngài dùng môi miệng của các Đấng Tiên Tri. Phao-lô dâng đôi bàn chân của mình đi từ thành phố này đến thành phố kia rao báo Phúc Âm. Mắt của sứ đồ Giăng nhìn thấy các mạc khải về tương lai, lỗ tai của ông nghe sứ điệp của Đức Chúa Trời và các ngón tay ông viết ra tất cả vào trong sách để chúng ta có thể đọc được.

Nhưng bạn còn có thể đọc trong các câu chuyện Kinh Thánh kể về các chi thể trong thân thể được dùng cho mục đích tội lỗi. Mắt của Đa-vít dòm xem vợ của người hàng xóm tâm trí của ông âm mưu phạm tội bàn tay của người đã hèn hạ ký lệnh để cho người chồng của phụ nữ ấy phải chết. Khi đọc Thi 51: 1-19 bạn thấy rằng toàn bộ thân thể của ông bị tội lỗi tác động đến: đôi mắt (Ro 6:3), tâm trí (6:6), lỗ tai (6:8), tấm lòng (6:10), môi miệng (cc.14-15). Ông cầu xin Chúa rửa sạch hoàn toàn là điều chẳng có gì ngạc nhiên cả ! (6:2)

b. *Tại sao chúng ta phải vâng phục* (6:14-23) - Ba chữ tóm tắt các lý do để chúng ta phải vâng phục: ân điển (6:14-15), tự do (6:16-20), và kết quả (6:21-23).

(1) Ân điển (Ro 6:14-15). Chính do ân điển của Đức Chúa Trời chúng ta tự mình vâng phục Ngài. Phao-lô chứng minh rằng chúng ta không được cứu bởi luật pháp và chúng ta không sống dưới luật pháp. Việc chúng ta được cứu bởi ân điển không cho chúng ta lời bào chữa cho tội lỗi nhưng cho chúng ta lý do phải vâng lời. Tội Lỗi và luật pháp đi đôi với nhau. “Cái nọc sự chết là tội lỗi, sức mạnh tội lỗi là luật pháp.” (ICo 15:56). Vì chúng ta không thuộc dưới luật pháp, nhưng thuộc dưới ân điển, tội lỗi bị mất đi sức mạnh của nó.

(2) Tự do (Ro 6:16-20). Hình ảnh minh họa về người chủ và tên đầy tớ thật rõ ràng. Bất cứ điều gì bạn vâng phục sẽ trở thành chủ của bạn. Trước khi bạn được cứu, bạn là nô lệ của tội lỗi. Bây giờ bạn thuộc về Chúa Giê-xu Christ, bạn được tự do thoát khỏi tình trạng nô lệ xưa cũ và được khiến trở nên tôi tớ của Đấng Christ. Ro 6:19 cho thấy rằng Cơ Đốc nhân thành tâm vâng phục Chúa như đã từng vâng phục tội lỗi. Một người bạn có lần nói với tôi: “Tôi muốn làm một thánh nhân giống như tôi đã là tội nhân!”. Tôi biết ý anh ấy muốn nói vì trong những ngày không tin anh ấy gần như là “sếp của các tội nhân”.

Người không tin Chúa được tự do - tự do đối với sự công bình (Ro 6:20). Nhưng xiềng xích tội lỗi chỉ đưa họ dần sâu vào trong sự nô lệ để ngày càng khó làm điều ngay thẳng. Người con trai hoang đàng là một thí dụ về điều này (Lu 15:11-24). Khi còn nhà, anh ta quyết định muốn tự do, vì vậy anh ta bỏ nhà ra đi để tự mình vui chơi thoả thích. Nhưng sự ương ngạnh của anh ta chỉ đưa anh ta lún sâu vào trong sự nô lệ. Anh ta là tên nô lệ cho các ham muốn sai trái, sau đó là nô lệ cho các hành động sai lầm và cuối cùng anh ta trở nên kẻ nô lệ đúng nghĩa của nó khi anh ta chần heo. Anh ta muốn tìm thấy chính mình nhưng đã đánh mất chính mình ! Những gì anh ta nghĩ là tự do lại sinh ra cảnh nô lệ tồi tệ nhất. Chỉ khi nó trở về nhà và đầu phục cha anh ta mới tìm thấy được tự do thật.

(3) Kết quả (6:21-23). Nếu bạn phục vụ người chủ, bạn có thể mong mỗi nhận tiền lương. Tội lỗi trả tiền công cho bạn - đó là sự chết! Đức Chúa Trời cũng trả công - đó là sự thánh khiết và sự sống đời đời. Trong nếp sống cũ, chúng ta đã làm ra những việc khiến chúng ta xấu hổ. Trong nếp sống mới trong Đấng Christ, chúng ta sanh bông trái làm vinh hiển Đức Chúa Trời và đem lại niềm vui cho cuộc đời chúng ta. Chúng ta thường áp dụng Ro 6:23 đối với những người hư mất, và chắc chắn chúng ta đã làm điều đó nhưng câu Kinh Thánh ấy còn là lời cảnh cáo dành cho người được cứu. (Dấu sao lời Kinh Thánh ấy đã viết cho Con cái Chúa). “Có tội không đến nỗi chết” (IGi 5:17). “Ấy vì có đó mà trong anh em có nhiều kẻ tật nguyền và lăm kẻ ngủ” (ICo 11:30). Chẳng hạn, Sam-sôn không chịu đầu phục Đức Chúa Trời, nhưng thích chiều theo sự ham muốn của xác thịt, và kết quả là sự chết (Cac 16:1-31). Nếu người tin Chúa không chịu dâng thân thể mình cho Chúa, nhưng dùng các chi thể mình vào mục đích tội lỗi, lúc ấy họ đang ở trong nguy cơ bị Đức Chúa Cha kỷ luật và điều này có thể là sự chết. (He 12:5-11 lưu ý phần cuối của câu 9).

Đây là ba lời chỉ dẫn cần phải lưu ý mỗi ngày chúng ta sống. **HÃY BIẾT** rằng bạn đã bị đóng đinh với Đấng Christ và đã chết với tội lỗi. **HÃY KẸ NHU** sự kiện này thật sự xảy ra trong đời sống bạn. **HÃY QUI PHỤC** thân thể bạn cho Chúa sử dụng làm sáng danh Ngài.

Bây giờ bạn BIẾT các chân lý này, KẸ NHU chúng thật xảy ra trong đời sống mình, và HÃY QUI PHỤC chính mình cho Đức Chúa Trời.

7. CƠ ĐỐC NHÂN VÀ LUẬT PHÁP (Ro 7:1-25)

Trong bản chất con người có điều gì đó khiến chúng ta muốn có những hành động cực đoan, một nhược điểm làm cho con cái Chúa không hoàn toàn tự do. “Vì chúng ta được cứu bởi ân điển”, một số người lý luận, “chúng ta được tự do sống tùy thích”, đó là thái độ tùy tiện.

Số người khác lập luận, “Nhưng chúng ta không thể làm ngơ với luật pháp Đức Chúa Trời được. Chúng ta được cứu nhờ ân điển là điều chắc chắn nhưng chúng ta phải sống dưới luật pháp nếu chúng ta muốn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời”. Đây là thái độ đề cao luật pháp.

Phao-lô trả lời nhóm người đầu tiên trong chương 6, nhóm thứ hai được trả lời trong chương 7. Chũ luật pháp được dùng 23 lần trong chương này. Ở chương 6, Phao-lô dạy chúng ta cách nào thôi không làm điều xấu ở chương 7 ông dạy thế nào không làm điều lành. Ông lý luận, “Anh em không được xưng công bình bởi việc giữ luật pháp, và bạn không thể được thánh hoá do việc gìn giữ luật pháp.”

Mỗi con cái Chúa lớn lên hiểu được kinh nghiệm trong Rô-ma chương 6 và 7. Một khi chúng ta học biết cách “biết, kẻ mình như là, và qui phục”, chúng ta bắt đầu chiến thắng được các thói quen của xác thịt, và chúng ta cảm thấy rằng chúng ta đang trở nên thiêng liêng hơn. Chúng ta tự lập cho mình các tiêu chuẩn và lý tưởng cao đẹp và dường như trong khoảnh khắc chúng ta đạt được tất cả những điều đó. Rồi mọi sự đổ sập! Chúng ta bắt đầu nhìn lại lòng mình và khám phá ra rằng chúng ta không biết rằng tội lỗi vẫn còn ở đó. Luật pháp thánh khiết của Đức Chúa Trời nhận năng quyền mới, và chúng ta tự hỏi liệu chúng ta có làm điều tốt nào chẳng! Không nhận ra điều đó, chúng ta đã bước vào “sự giữ luật pháp” và học biết chân lý về tội lỗi, luật pháp, và về chính chúng ta.

“Làm theo luật pháp” thật sự là gì? Đó là lòng tin rằng tôi có thể trở nên thánh khiết và làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bởi việc vâng giữ điều răn. Đó là trình độ thuộc linh được đánh giá qua hàng loạt những việc làm và những việc không làm. Nhược điểm của việc tuân giữ luật pháp đó là thấy tội lỗi (số nhiều) nhưng không thấy tội lỗi (căn nguyên của rắc rối). Xét

đoán theo bề ngoài chứ không theo bề trong. Hơn nữa, người làm theo luật pháp không hiểu mục đích thật sự của luật pháp Đức Chúa Trời và mối quan hệ giữa luật pháp và ân điển.

Trong kinh nghiệm chức vụ mục sư, tôi đã tư vấn cho nhiều người trải qua những mất mát nặng nề về thuộc linh lẫn tình cảm vì họ cố sức sống nếp sống thánh khiết trên những tiêu chuẩn cao. Tôi đã thấy hậu quả của những nỗ lực này: hoặc người ta trở thành người già vờ, hoặc họ nếm mùi thất bại và bỏ hết những khát khao sống nếp sống tin kính. Tôi cũng thấy nhiều người tuân giữ luật pháp cực kỳ nghiêm khắc với người khác - họ chỉ trích, không yêu thương và không tha thứ. Phao-lô muốn cho các độc giả của ông tránh được kinh nghiệm nguy hiểm và khó khăn này. Trong Rô-ma chương 7, ông bàn đến ba chủ đề, nếu hiểu và áp dụng sẽ giải thoát chúng ta khỏi việc tuân giữ luật pháp.

1. Thẩm quyền của luật pháp (Ro 7:1-6)

Các câu Kinh Thánh này thực sự tiếp tục việc bàn luận Phao-lô bắt đầu trong Ro 6:15, trả lời cho câu hỏi, “Chúng ta có phạm tội vì không ở dưới luật pháp nhưng dưới ân điển không?”. Ông dùng minh họa một người chủ và tên đầy tớ để giải thích cách nào con cái Chúa vâng phục Đức Chúa Trời. Trong phân đoạn này ông dùng minh họa người chồng và người vợ để cho thấy người tin Chúa có mối quan hệ mới đối với luật pháp vì họ đã liên hiệp với Chúa Giê-xu Christ.

Minh họa này là một hình ảnh đơn giản, nhưng có bài học sâu sắc. Khi một người nam người nữ lập gia đình, họ được kết hiệp để sống với nhau. Hôn nhân là mối liên kết xác thịt (“Cả hai nên một thịt” Sa 2:24) và mối liên kết này chỉ có thể bị phá vỡ do một nguyên nhân thể chất khác. Nguyên nhân ấy là sự chết (Mat 5:31-34 19:1-12 cho thấy rằng không chung thủy cũng phá vỡ sự ràng buộc hôn nhân, nhưng Phao-lô không đưa ra điểm này. Ông không có ý bàn luận về hôn nhân và li dị nhưng ông muốn dùng hôn nhân để minh họa một quan điểm).

Họ còn sống bao lâu, người chồng người vợ còn ở dưới quyền của luật hôn nhân. Nếu người vợ bỏ chồng và cưới người đàn ông khác, nàng phạm tội ngoại tình. Nhưng nếu người chồng chết, nàng tự do tái giá vì nàng không còn là người vợ nữa. Chính sự chết đã phá vỡ mối liên hệ hôn nhân và để nàng tự do.

Bài học của Phao-lô trong câu 4 đến câu 6 giải quyết xong lập luận. Ông nêu lên hai sự kiện tuyệt diệu để giải thích cho mối quan hệ của con cái Chúa đối với luật pháp

a. *Chúng ta chết đối với luật pháp* (Ro 7:4) - Dường như Phao-lô mâu thuẫn với minh họa của ông nhưng không phải vậy. Khi chúng ta chưa được cứu (“trong xác thịt.”, Ro 7:5), chúng ta ở dưới quyền sai khiến của luật pháp Đức Chúa Trời. Chúng ta bị luật pháp ấy lên án Khi chúng ta tin nhận Đấng Christ và làm một cùng Ngài, chúng ta chết đối với luật pháp giống như chúng ta chết đối với xác thịt (Ro 6:1-10). Luật pháp không chết nhưng chúng ta chết.

Nhưng trong hình ảnh Phao-lô minh họa về hôn nhân, chính người chồng chết và người vợ lập gia đình trở lại. Nếu bạn và tôi tiêu biểu cho người vợ và luật pháp tiêu biểu cho người chồng, thế thì bài học áp dụng không theo hình ảnh minh họa. Nếu người vợ trong minh họa chết, phương cách duy nhất nàng có thể lập gia đình trở lại là sẽ phải trở về từ cõi chết. Nhưng đó lại chính xác là điều Phao-lô muốn dạy! Khi tin nhận Đấng Christ, chúng ta đã chết đối với luật pháp nhưng trong Đấng Christ, chúng ta sống lại từ cõi chết và hiện nay chúng ta hiệp làm một với Đấng Christ để sống một nếp sống mới!

Luật pháp đã không chết, vì luật pháp Đức Chúa Trời vẫn còn cai trị trên con người. Chúng ta chết đối với luật pháp, và luật pháp không còn sai khiến chúng ta nữa. Nhưng chúng ta không sống “vô luật pháp” nhưng chúng ta liên hiệp làm một với Đấng Christ, dự phần trong sự sống của Ngài, và vì vậy chúng ta bước đi “trong đời mới”. Ro 8:4 đưa lập luận đến cao điểm: “Hầu cho sự công bình mà luật pháp buộc phải làm được trọn trong chúng ta, là kẻ chẳng noi theo xác thịt, nhưng noi theo Thánh Linh.” Trong nếp sống cũ tội lỗi, chúng ta sanh ra bông trái “sự chết”, nhưng trong nếp sống mới ân điển, chúng ta “sanh bông trái trong Đức Chúa Trời”. “Chết đối với luật pháp” không có nghĩa là chúng ta sống nếp sống vô luật pháp. Điều đó chỉ mang nghĩa là sự thúc đẩy và động lực trong nếp sống chúng ta không xuất phát từ luật pháp: Nó xuất phát từ ân điển của Đức Chúa Trời qua việc hiệp làm một với Đấng Christ.

b. *Chúng ta được buông tha khỏi luật pháp* (7:6) - Đây là lời kết luận lô-gíc: Luật pháp không thể thi hành quyền cai trị trên người đã chết. Bản Kinh Thánh chính thức viết như thể luật pháp đã chết nhưng Phao-lô viết “chúng ta đã chết về luật pháp là đều bắt buộc mình...”. Chết có nghĩa là buông tha (lưu ý Ro 6:9-10). Nhưng chúng ta được buông tha để chúng ta có thể hầu việc. Nếp sống Cơ Đốc không phải là nếp sống độc lập và nổi loạn. Chúng ta đã chết đối với luật pháp để chúng ta có thể “hiệp làm một với Đấng Christ”. Chúng ta được buông tha khỏi luật pháp để chúng ta có thể phục vụ Đấng Christ. Chân lý này bác bỏ luận điệu xuyên tạc rằng Phao-lô dạy sự vô luật pháp.

Sự hầu việc Cơ Đốc tương phản với nếp sống cũ tội lỗi có gì khác biệt? Trước tiên, Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời ban năng lực cho chúng ta khi chúng ta tìm cách vâng phục và hầu việc Chúa. (Chữ Thánh Linh phải được viết hoa trong câu 6 - “cách mới của Thánh Linh”). Dưới luật pháp, chẳng có sự giúp sức nào cả. Mạng lệnh của Đức Chúa Trời được viết trên bảng đá và được đọc cho dân sự nghe. Nhưng dưới Ân điển, Lời Đức Chúa Trời được chép trong lòng chúng ta (II Co 3:1-3). Chúng ta “bước đi trong đời mới” (Ro 6:4) và hầu việc “trong cách mới của Thánh Linh”. Vậy thì người tin Chúa không còn ở dưới quyền của luật pháp nữa.

2. Công việc của luật pháp (Ro 7:7-13)

Những người phản đối Phao-lô đã sẵn sàng! “Luật pháp có ích gì khi chúng ta không cần đến nữa? Sao, một lời dạy như của bạn lại làm cho Luật Pháp thành tội lỗi à!”. Trong câu trả lời cho sự phản đối ấy, Phao-lô giải thích các công việc của luật pháp, các chức năng vẫn còn hợp với ngày nay.

a. *Luật pháp bày tỏ tội lỗi* (Ro 7:7) - “Vì luật pháp cho người ta biết tội lỗi” (Ro 3:20). “Đâu không có luật pháp, thì đó cũng không có sự phạm luật pháp” (Ro 4:15). Luật pháp là cái gương phoi bày cho chúng ta thấy con người bên trong và chỉ cho thấy chúng ta ô uế như thế nào (Gia 1:22-25). Hãy lưu ý Phao-lô không dùng tội giết người, ăn cắp hoặc ngoại tình trong bài sự thảo luận nhưng ông dùng sự tham muốn. Đây là điều cuối cùng trong Mười Điều Răn, và nó khác với chín điều còn lại nó nói đến thái độ bên trong chứ không phải hành động bên ngoài. Sự tham muốn dẫn đến sự vi phạm các điều răn khác! Đó là tội lỗi không thấy được mà hầu hết mọi người chẳng hề nhận ra trong cuộc đời của họ, nhưng luật pháp đã phoi bày điều đó.

Vị Quan Giàu Có trong Mac 10:17-27 là ví dụ hay về việc sử dụng luật pháp để bày tỏ tội lỗi và chỉ cho con người thấy họ cần đến Đấng Cứu Rỗi. Người trai trẻ có nếp sống đạo đức bên ngoài, nhưng chàng ta chẳng bao giờ đối mặt với tội lỗi bên trong. Chúa Giê-xu không dạy cho chàng ta về luật pháp vì luật pháp sẽ cứu anh ta nhưng Ngài dạy anh ta về luật pháp

vì chàng trai không nhận ra tình trạng tội lỗi của mình. Quả thật vậy, chàng trai chưa hề phạm tội ngoại tình, không cướp giựt của ai, không làm chứng dối, hoặc sỉ nhục cha mẹ mình nhưng còn tính tham lam thì sao? Khi Chúa Giê-xu dạy chàng ta phải bán của cải mình và bỏ thí cho kẻ nghèo, chàng ta buồn bã bỏ đi. Điều răn “Người chớ tham lam” đã bày tỏ cho chàng ta thấy mình thật sự là một tội nhân! Thay vì thừa nhận tội lỗi, chàng ta từ chối Đấng Christ và bỏ đi trong sự vô tín.

b. *Luật pháp phát sinh tội lỗi* (Ro 7:8-9) - Vì Phao-lô là một người Pha-ri-si sùng đạo, ra sức vâng giữ luật pháp trước khi trở lại với Chúa, cho nên chúng ta dễ dàng hiểu các câu Kinh Thánh này hơn. (Hãy đọc Phi 3:1-11 và Ga 1:1-24 để có thêm dữ kiện về tiểu sử của Phao-lô trong mối quan hệ của ông đối với luật pháp trong những ngày chưa tin Chúa). Cũng hãy nhớ rằng “sức mạnh của tội lỗi là luật pháp” (ICo 15:56). Vì chúng ta có bản chất tội lỗi, nên luật pháp chắc chắn phát sinh ra bản chất ấy giống như cách thỏi nam châm hút sắt vậy.

Trong bản chất con người có điều gì đó muốn phản đối lại bất cứ khi nào một điều luật được ban ra. Tôi đang đứng trong công viên Lincoln tại Chicago, nhìn thấy các băng ghế được sơn mới lại và tôi chú ý đến một dấu hiệu ghi trên mỗi băng ghế: “Đừng sờ vào”. Khi tôi chăm chú nhìn, tôi thấy có nhiều người cố tình đưa tay sờ vào sơn ướt! Tại sao như vậy? Vì dấu hiệu bảo họ đừng sờ vào! Hãy bảo một đứa bé không đứng lại gần nước, và đó chính là việc nó sẽ làm! Tại sao? “Vì sự chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời, bởi nó không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời, lại không thể phục được.” (Ro 8:7).

Người tin Chúa tìm cách sống theo luật lệ và khuôn phép khám phá ra rằng hệ thống luật lệ của họ chỉ phát sinh thêm tội lỗi và tạo ra thêm nhiều rắc rối. Các Hội Thánh tại Ga-la-ti rất chuộng làm theo luật pháp, và họ gánh lấy mọi rối rắm. “Nhưng nếu anh em cắn nuốt nhau, thì hãy giữ, kẻ kẻ này bị diệt mất bởi kẻ khác” (Ga 5:15). Việc vâng giữ luật pháp không làm cho họ thêm thiêng liêng hơn nhưng nó làm cho họ thêm tội lỗi! Vì sao? Bởi luật pháp sinh ra tội lỗi trong bản chất chúng ta.

c. *Luật pháp giết chết* (Ro 7:10-11) - “Vậy thì luật pháp nghịch cùng lời hứa của Đức Chúa Trời hay sao? Chẳng hề như vậy, vì nếu đã ban cho một luật pháp có thể làm cho sống, thì sự công bình chắc bởi luật pháp mà đến” (Ga 3:21). Nhưng luật pháp không thể ban sự sống: Luật pháp chỉ phơi bày cho tội nhân thấy rằng họ có tội và bị lên án. Điều này giải thích tại sao Cơ Đốc nhân và Hội Thánh không lớn lên và không sanh bông trái thuộc linh. Họ đang sống theo luật pháp, và luật pháp luôn luôn giết hại. Nhiều điều phải chết hơn là một Hội Thánh khuôn mẫu hãnh diện về “những tiêu chuẩn cao” và cố tìm cách sống theo những tiêu chuẩn ấy bằng sức riêng của mình. Thường thì các thành viên trong Hội Thánh như vậy bắt đầu xét đoán và lên án lẫn nhau, và kết cuộc là Hội Thánh tranh cạnh và rồi chia rẽ để lại sự giận dữ và cay đắng.

Khi người mới tin Chúa lớn lên, họ bước vào mối liên hệ với các triết lý khác nhau của nếp sống Cơ Đốc. Người ấy có thể đọc các sách, tham dự các buổi hội thảo, nghe các băng từ, và thu nhận nhiều thông tin. Nếu họ không cẩn thận, họ sẽ chạy theo người lãnh đạo và chấp nhận các lời dạy của người ấy như là Luật lệ. Việc thực hành này là hình thức tinh vi của việc làm theo luật pháp, và nó giết chết sự trưởng thành thuộc linh. Chẳng có thầy giáo nào có thể thay thế cho Đấng Christ được chẳng có quyển sách nào có thể thay cho Kinh Thánh được. Con người có thể cung cấp thông tin cho chúng ta, nhưng chỉ có Đức Thánh Linh mới có thể cho chúng ta sự sáng và giúp chúng ta hiểu được các chân lý thuộc linh. Đức Thánh Linh soi sáng cho chúng ta và giúp chúng ta chẳng có người hướng dẫn nào thuộc về con người có thể làm điều đó.

d. *Luật pháp chỉ ra tình trạng của tội lỗi* (Ro 7:12-13) - Người không được cứu biết rằng có một tội lỗi như vậy nhưng họ không nhận ra tình trạng của tội lỗi. Nhiều Cơ Đốc nhân không nhận biết bản chất thật của tội lỗi. Chúng ta biện hộ cho tội lỗi chúng ta phạm bằng những chữ như “lầm lỗi” hoặc “yếu đuối” nhưng Đức Chúa Trời lên án tội lỗi chúng ta và Ngài tìm cách cho chúng ta hiểu rằng chúng “cực kỳ là tội lỗi”. Cho đến khi chúng ta nhận biết tội lỗi thật sự gớm ghiếc như thế nào, chúng ta sẽ chẳng bao giờ muốn phản đối và muốn sống trong chiến thắng.

Lập luận của Phao-lô ở đây thật tuyệt vời: (1) Luật pháp không mắc tội - Luật pháp là thánh, công bình và tốt lành (2) nhưng luật pháp bày tỏ tội lỗi, làm thức tỉnh tội lỗi, rồi sau đó dùng tội lỗi để làm chết chúng ta nếu có điều nào đó tốt như luật pháp làm thành những kết quả này, thì điều ấy có chỗ nào đó sai trật sai (3) kết luận: hãy xem tình trạng của tội lỗi như thế nào khi nó dùng một điều tốt nào đó như luật pháp để tạo ra những kết quả bi thảm như vậy. Quả thật tội lỗi “cực kỳ ác”. Vấn đề không liên quan đến luật pháp nhưng vấn đề liên quan đến bản chất tội lỗi của tôi. Điều này mở đường cho chủ đề thứ ba trong chương này.

3. Sự bất năng của luật pháp (Ro 7:14-25)

Đã giải thích luật pháp cần phải làm gì, bây giờ Phao-lô giải thích những việc luật pháp không thể làm.

a. *Luật pháp không thể thay đổi bạn* (Ro 7:14) - Tính chất của luật pháp được mô tả trong bốn chữ: thánh, công bình, tốt lành và thiêng liêng. Không ai có thể phủ nhận luật pháp là thánh và công bình, vì luật pháp đến từ Đức Chúa Trời thánh khiết hoàn toàn chính trực trong mọi lời nói và việc làm của Ngài. Luật pháp là tốt. Nó bày tỏ cho chúng ta sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và giúp chúng ta hiểu chúng ta cần đến Đấng Cứu Rỗi.

Có ý gì khi nói rằng luật pháp là “thiên liêng”? Có nghĩa là luật pháp nói đến người bề trong, phần thiêng liêng của con người, cũng như các hành động bên ngoài. Trong sự ban cho ban đầu của luật pháp chép trong sách Xuất Ê-díp-tô ký, điểm nhấn mạnh nằm ở các việc làm bên ngoài. Nhưng khi Môi-se trình bày lại luật pháp trong sách Phục-truyền luật lệ ký, ông nhấn mạnh chất lượng bên trong của luật pháp khi nó liên quan đến lòng con người. Điểm nhấn mạnh thuộc linh này được nêu rõ trong Phu 10:12-13. Sự lặp lại của chữ “yêu thương” trong Phục-truyền cũng cho thấy rằng ý nghĩa sâu xa của luật pháp có liên quan đến lòng con người (Phu 4:37 6:4-6 10:12 11:1 30:6,6,20).

Bản chất của chúng ta là xác thịt nhưng bản chất của luật pháp là thiêng liêng. Điều này giải thích tại sao bản chất cũ phản ứng lại với luật pháp như nó đã làm. Người ta nói rõ, “Bản chất cũ không biết luật pháp, bản chất mới không cần đến luật pháp.” Luật pháp không thể biến đổi bản chất cũ nó chỉ có thể cho thấy bản chất tội lỗi con người như thế nào. Người tin Chúa cố tìm cách sống dưới luật pháp sẽ chỉ khơi dậy bản tánh cũ chứ không xoá nó đi.

b. *Luật pháp không thể giúp bạn làm điều thiện* (Ro 7:15-21) - Trong phân đoạn này ba lần Phao-lô nói đến tội lỗi ấy ngự trị trong chúng ta (Ro 7:14,18,20). Dĩ nhiên, ông có ý muốn nhắc đến con người cũ. Cũng thật đúng Đức Thánh Linh ngự trong chúng ta và trong Ro 8:1-39 Phao-lô giải thích thế nào Thánh Linh Đức Chúa Trời giúp chúng ta có thể sống trong đắc thắng, một việc luật pháp không thể giúp chúng ta được.

Trong phần này có nhiều đại từ cho thấy tác giả muốn liên hệ vấn đề đến cái tôi. Điều này không nói rằng Cơ Đốc nhân bị chứng tâm thần phân liệt, vì anh ta không phải như vậy. Sự cứu rỗi làm cho con người trở nên trọn vẹn. Nhưng cho thấy rằng tâm trí, ý chí, và thân thể có thể bị bản chất cũ hoặc bản chất mới cai trị, bởi xác thịt hoặc bởi Thánh Linh. Các câu này

cho thấy người tin Chúa có hai nan đề nghiêm trọng: (1) họ không thể làm điều thiện mình muốn làm, và (2) họ làm điều xấu mình không muốn làm.

Điều này có nghĩa Phao-lô không thể ngăn chính mình không vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời, có nghĩa là ông ta là kẻ nói dối, trộm cắp và giết người phải không? Dĩ nhiên là không! Phao-lô có ý muốn nói về chính mình ông rằng ông ta không thể vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời và ngay cả khi ông ta đã làm theo luật pháp, điều xấu vẫn hiện hữu với ông. Cho dù đã làm điều gì chẳng nữa, thì các việc làm của Phao-lô cũng bị tội lỗi làm cho ô uế. Ngay sau khi ông làm hết sức mình, ông đã thừa nhận rằng ông là “đầy tớ vô ích” (Lu 17:10). “Vậy tôi thấy có luật này trong tôi: khi tôi muốn làm lành, thì điều dữ dính dấp theo tôi” (Ro 7:21). Dĩ nhiên, đây là vấn đề khác với vấn đề trong Ro 6:1-23. Vấn đề ở đó là “Làm thế nào tôi có thể thôi làm điều xấu?” còn vấn đề ở đây là “Làm thế nào tôi có thể làm điều thiện được?”

Người theo luật pháp nói, “Hãy vâng giữ luật pháp, bạn sẽ làm điều thiện và sống nếp sống đạo đức”. Nhưng luật pháp chỉ bày tỏ và sanh ra tội lỗi, luật pháp chỉ cho thấy tình trạng của tội lỗi! Tôi không thể vâng giữ luật pháp vì tôi mang bản chất tội lỗi chống lại luật pháp. Cho dù tôi cho rằng tôi đã làm điều thiện, tôi cũng biết rằng điều dữ vẫn hiện diện. Luật pháp là thiện, nhưng do bản chất tôi là xấu! Vì vậy, người vâng giữ luật pháp là sai lầm: Luật pháp không thể giúp chúng ta làm điều thiện được.

c. *Luật pháp không thể cho bạn tự do* (Ro 7:21-24) - Người tin Chúa có bản chất cũ muốn giữ họ trong xiềng xích “Người tin Chúa nói với chính mình”, Tôi sẽ thoát khỏi các tội lỗi cũ này! Bây giờ tôi quyết định tôi sẽ không làm điều này nữa”. Điều gì xảy ra? Anh ta cố hết ý chí và sức lực, và anh ta thành công một thời gian nhưng rồi khi anh ta lơ là, anh ta lại sa ngã trở lại. Tại sao vậy? Vì anh ta ra sức dùng luật pháp chế ngự con người cũ của mình, nhưng luật pháp không thể nào buông tha chúng ta thoát khỏi con người cũ. Khi hành động dưới sự cai trị của luật pháp, bạn chỉ làm cho con người cũ trở nên mạnh mẽ hơn vì “sức mạnh của tội lỗi là luật pháp” (ICo 15:56). Thay vì làm máy phát điện cung cấp cho chúng ta năng lượng để chiến thắng, luật pháp lại là thời nam châm hút ra từ chúng ta mọi thứ tội lỗi và băng hoại. Con người bên trong có thể thích thú luật pháp Đức Chúa Trời (Thi 119:35), nhưng con người cũ thích phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Người tin Chúa sống dưới sự cai trị của luật pháp trở nên mệt mỏi và nản lòng là lẽ bình thường, và cuối cùng sẽ bỏ cuộc giữa đường! Họ là một tù nhân, thân phận của họ thật “khốn khổ” (Trong tiếng Hy Lạp chữ này cho thấy một người kiệt sức sau trận chiến đấu). Thật chẳng có gì khốn khổ hơn một khi tiêu hao hết sức lực để cố gắng sống nếp sống tốt lành, để rồi chỉ khám phá ra rằng điều tốt nhất bạn làm vẫn chưa tốt đủ!

Có lối thoát nào không? Dĩ nhiên là có! “Cảm tạ Đức Chúa Trời nhờ có Chúa Giê-xu Christ, là Chúa chúng ta Đấng giải cứu tôi!”. Vì người tin Chúa hiệp làm một với Đấng Christ, họ chết đối với luật pháp và chẳng còn thuộc dưới quyền cai trị của luật pháp nữa. Nhưng họ sống cho Đức Chúa Trời và có thể nhận được quyền năng Đức Thánh Linh. Lời giải thích chiến thắng này được chép trong Ro 8:1-39.

Câu cuối trong chương không dạy rằng người tin Chúa sống nếp sống hai mặt: sống trong xác thịt tội lỗi nhưng hầu việc Đức Chúa Trời bằng tâm trí. Điều này có nghĩa thân thể của họ được sử dụng hai cách khác nhau cùng một lúc, điều này không thể được. Người tin Chúa nhận ra rằng có sự giằng co xảy ra bên trong anh ta giữa xác thịt và Thánh Linh (Ga 5:16-18), nhưng họ biết rằng hoặc xác thịt hoặc Thánh Linh sẽ làm chủ.

Dùng chữ “trong trí” Phao-lô muốn nói đến “người bên trong” (Ro 7:22) trái với “xác thịt” (Ro 7:18). Ông nói rõ ý nghĩ này trong Ro 8: 5-8. Người cũ không thể làm điều thiện nào cả.

Mọi điều Kinh Thánh dạy về con người cũ đều tiêu cực: “chẳng có điều gì tốt” (Ro 7:18) “không để lòng tin cậy trong xác thịt” (Phi 3:3). Nếu chúng ta nhờ cậy vào năng lực của xác thịt, chúng ta không thể hầu việc Đức Chúa Trời, làm đẹp lòng Ngài, hoặc làm bất cứ điều gì tốt cả. Nhưng nếu chúng ta vâng phục Đức Thánh Linh, chúng ta nhận được năng lực cần có để vâng theo ý muốn Ngài. Xác thịt chẳng bao giờ phục vụ luật pháp Đức Chúa Trời vì xác thịt nghịch thù với Đức Chúa Trời. Nhưng Thánh Linh chỉ có thể vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời! Do đó, bí quyết của việc làm điều lành là phải vâng phục Đức Thánh Linh.

Phao-lô đưa ra điều này trong những câu đầu tiên của chương này khi ông viết “...hầu cho chúng ta được kết quả cho Đức Chúa Trời” (Ro 7:4). Giống như khi chúng ta chết đối với người cũ, chúng ta cũng chết với luật pháp. Nhưng chúng ta hiệp làm một với Đấng Christ và sống trong Đấng Christ, và vì vậy chúng ta có thể kết quả cho Đức Chúa Trời. Chính việc hiệp một với Đấng Christ giúp chúng ta có thể hầu việc Đức Chúa Trời cách vui lòng. “Vì ấy chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài.” (Phil 2:13). Điều đó giải quyết nan đề của Phao-lô trong Ro 7:18: ”Bởi tôi có ý muốn làm điều lành, nhưng không có quyền làm trọn.”

Con người cũ không biết điều luật nào và bản chất mới không cần đến luật pháp. Làm theo luật pháp khiến người tin Chúa bị khốn khổ vì nó gây cho con người mới đau buồn và làm cho bản chất cũ thêm tội tệ! Người tuân giữ luật pháp trở thành người theo phái Biệt Lập có hành động bên ngoài được mọi người chấp nhận, nhưng những thái độ trong lòng bị người đời khinh khi. Chẳng có gì lạ khi Chúa Giê-xu gọi họ là “mỏ mã tô trắng bề ngoài cho đẹp, mà bên trong thì đầy xương người chết và mọi thứ dơ dáy” (Mat 23:27). Quả thật bạn có thể chịu khốn khổ là dường nào!

Điều tốt nhất chưa xảy đến! Chương kế tiếp giải thích công việc của Đức Thánh Linh chiến thắng điều ác và sinh ra điều thiện.

8. TỰ DO VÀ LÀM TRỌN (Ro 8:1-39)

Vào ngày 6 tháng 1 năm 1941, Tổng thống Franklin Delano Roosevelt phát biểu trước Quốc Hội về tình trạng chiến tranh ở Châu Âu. Người ta đã quên đi nhiều điều ông phát biểu ngày hôm ấy. Nhưng đến cuối bài diễn văn, ông nói rằng ông mong mọi “một thế giới kiến tạo trên bốn tự do căn bản của con người.” Ông nêu tên bốn tự do ấy là: tự do ngôn luận, tự do thờ phượng, tự do thoát khỏi thiếu thốn, tự do không sợ hãi. Người ta vẫn còn nhớ những lời này, mặc dầu những điều lý tưởng này chưa thấy xảy ra bất cứ nơi nào trên thế giới.

Ro 8:1-39 là “Bản Tuyên Ngôn Tự Do” của Cơ Đốc nhân, vì trong chương ấy Phao-lô công bố chúng ta hưởng được bốn tự do thuộc linh do chúng ta liên hiệp với Chúa Giê-xu Christ. Một công trình nghiên cứu chương sách này cho thấy điểm nhấn mạnh nhằm vào Đức Thánh Linh, được nhắc đến mười chín lần. “Nơi nào có Đức Thánh Linh, nơi đó có tự do” (II Co 3:17).

1. Tự do không bị đoán xét - Không có án phạt nào (Ro 8:1-4)

Ro 3:20 cho thấy “cho nên” có sự đoán phạt nhưng Ro 8:1 cho biết “cho nên” không còn sự đoán phạt - một chân lý lạ lùng và là lời kết luận cho lập luận tuyệt vời. (Các chữ “người không bước đi...v.v...” không thích hợp ở đây theo các bản thảo tốt nhất. Đối với chúng ta không có một điều kiện nào cần hoàn tất). Nền tảng cho sự bảo đảm kỳ diệu này là cụm từ “trong Chúa Giê-xu Christ”. Trong A-đam, chúng ta bị án phạt. Trong Đấng Christ, chẳng có sự đoán phạt nào!

Câu Kinh Thánh không nói rằng “chẳng có làm lỗi nào” hoặc “chẳng có thất bại nào”, hoặc ngay cả “chẳng có tội lỗi nào”. Cơ Đốc nhân thật sự có thất bại và làm lỡ, và vì vậy họ phạm tội. Áp-ra-ham nói dối về vợ của mình Đa-vít phạm tội ngoại tình Phi-e-rơ tìm cách giết người bằng lưỡi gươm. Chắc chắn, họ đau đớn về những hậu quả vì tội lỗi của mình gây ra, nhưng họ không chịu đau đớn bởi cơn đoán phạt.

Luật pháp lên án nhưng người tin Chúa có mối quan hệ mới đối với luật pháp, và vì vậy họ không thể bị lên án. Phao-lô đưa ra ba lời tuyên bố về người tin Chúa và luật pháp, và những lời ấy kết hợp với nhau cho thấy: chẳng còn có sự lên án nào.

a. *Luật pháp không thể đòi hỏi bạn* (Ro 8:2) - Bạn đã được khiến nên tự do thoát khỏi luật pháp của tội lỗi và sự chết. Bây giờ bạn có sự sống trong Thánh Linh. Bạn đã bước vào trong phạm vi hoàn toàn mới của sự sống trong Đấng Christ. “Luật pháp của sự tội và sự chết” được Phao-lô mô tả trong Ro 7:7-25. “Luật của Thánh Linh sự sống” mô tả trong Rô-ma chương 8. Luật pháp không còn có tính chất pháp lý trên bạn nữa: bạn đã chết đối với luật pháp (Ro 7:4) và được buông tha khỏi luật pháp (Ro 8:2).

b. *Luật pháp không thể lên án bạn* (8:3) - Tại sao vậy? Vì Đấng Christ đã gánh chịu án phạt ấy thay cho bạn trên thập tự giá. Luật pháp không thể cứu được ai nhưng chỉ có thể lên án mà thôi. Nhưng Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến cứu chúng ta và làm xong những gì luật pháp không làm được. Chúa Giê-xu không đến trong hình hài thiên sứ nhưng Ngài đến như một con người. Ngài không đến “trong xác thịt tội lỗi”, vì điều đó sẽ khiến Ngài trở nên tội nhân. Ngài đến trong hình hài giống như xác thịt tội lỗi, làm một con người. Ngài mang lấy tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ.

“Luật về nguy hiểm đời” cho biết rằng con người không thể bị xét xử hai lần cùng một tội ác. Vì Chúa Giê-xu Christ đã trả xong nợ tội cho bạn, và vì bạn “ở trong Đấng Christ”, Đức Chúa Trời sẽ không kết án bạn.

c. *Luật pháp không thể cai trị bạn* (8:4) - Người tin Chúa sống nếp sống công bình, không phải bằng sức mạnh luật pháp nhưng bằng quyền phép Đức Thánh Linh. Luật pháp không có quyền làm ra sự thánh khiết nó chỉ có khả năng phơi bày và lên án tội lỗi. Nhưng Đức Thánh Linh ngự bên trong có thể giúp bạn bước đi trong sự vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời. Sự công bình Đức Chúa Trời có trong luật pháp được ứng nghiệm trong bạn bởi quyền năng Đức Thánh Linh. Trong Đức Thánh Linh, bạn có sự sống và tự do (Ro 8:2) và “theo đuổi hạnh phúc” (Ro 8:4).

Người tuân giữ luật pháp cố gắng vâng lời Đức Chúa Trời theo sức riêng và không đạt được tiêu chuẩn công bình Đức Chúa Trời đòi hỏi. Con cái Chúa khi vâng phục Chúa được Thánh Linh hướng dẫn kinh nghiệm được sự nên thánh bởi Thánh Linh hành động trong đời sống họ. “Vì ấy chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài” (Phil 2:13). Chính sự kiện này dẫn đến tự do thứ hai chúng ta có được trong nếp sống Cơ Đốc.

2. Tự do thoát khỏi thất bại - Không có sự ép buộc nào (Ro 8:5-17)

“Vây, hỡi anh em, chúng ta chẳng mắc nợ xác thịt đâu, đừng sống theo xác thịt” (Ro 8:12). Chẳng còn có sự ràng buộc nào đối với con người cũ. Người tin Chúa có thể sống đắc thắng. Trong phần này, Phao-lô mô tả sự sống theo ba mức độ khác nhau và ông khích lệ độc giả sống theo mức độ cao nhất.

a. *Bạn không có Thánh Linh*” (8:5-8) - Phao-lô không có ý mô tả hai loại Cơ Đốc nhân, một loại sống theo xác thịt và một loại theo Thánh Linh. Ông có ý đối chiếu người được cứu và kẻ chưa được cứu. Có bốn điểm khác biệt.

1/ **Theo xác thịt - Theo Thánh Linh** (8:5). Người chưa được cứu không có Thánh Linh Đức Chúa Trời (Rô 8: 9) và sống theo xác thịt và vì xác thịt. Tâm trí người ấy hướng về những việc thỏa mãn xác thịt. Nhưng Cơ Đốc nhân có Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự bên trong, họ sống trong môi trường khác và hoàn toàn mới. Tâm trí người chăm về những việc thuộc về Thánh Linh. Điều này không có nghĩa người chưa được cứu chẳng bao giờ làm điều thiện, hoặc người tin Chúa chẳng hề làm điều xấu. Điều đó có nghĩa xu hướng cuộc sống của họ khác nhau. Một người sống cho xác thịt, người kia sống cho Thánh Linh.

2/ **Chết - Sống** (Rô 8: 6). Người chưa được cứu sống về phần xác, nhưng chết về phần hồn. Con người bên trong chết đối với Đức Chúa Trời và không hưởng ứng những việc của Thánh Linh. Họ cần đến “Thánh Linh sự sống trong Chúa Giê-xu Christ...” (Rô 8:2).

3/ **Nghịch thù với Đức Chúa Trời - hoà thuận với Đức Chúa Trời** (8:6-7). - Trong bài nghiên cứu Rô 7: 1-25, chúng ta đã thấy con người cũ chống lại Đức Chúa Trời và không phục luật pháp Đức Chúa Trời. Những người tin nhận Đấng Christ có được “hoà thuận với Đức Chúa Trời” (Rô 5:1), trong khi người chưa được cứu nghịch thù Đức Chúa Trời “Những người ác chẳng hưởng sự bình an bao giờ, Đức Giê-Hô-Va vạn quân phán vậy” (Ês 48:22).

4/ **Làm đẹp lòng chính mình - Làm đẹp lòng Đức Chúa Trời** (8:8). “Ở trong xác thịt” có nghĩa bị hư mất, ở ngoài Đấng Christ. Người chưa được cứu sống làm đẹp lòng chính mình và hiếm khi nghĩ đến việc làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Cội rễ của tội lỗi là tự kỷ - “Ta sẽ” chớ không nói “Ngài sẽ”.

Không được cứu và không có Thánh Linh là mức sống thấp kém nhất. Nhưng con người không cần phải ở mức sống ấy. Bởi đức tin nơi Đấng Christ con người có thể đạt đến mức sống thứ hai.

b. *“Bạn có Thánh Linh”* (8:9-11) - “Về phần anh em, nếu thật quả Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong mình thì không sống theo xác thịt đâu, nhưng theo Thánh Linh.” (Rô 8:9). Bằng chứng của sự tin đạo là sự hiện diện của Đức Thánh Linh bên trong người ấy, làm chứng rằng bạn là con cái Đức Chúa Trời (Rô 8:16). Thân thể của bạn trở nên đền thờ của Đức Thánh Linh (ICô 6:19-20). Cho dù thân thể bị định phải chết vì tội lỗi (dĩ nhiên là như vậy trừ phi Chúa trở lại), ngày nay Thánh Linh ban sự sống cho thân thể ấy để chúng ta hầu việc Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta chết, ngày kia thân thể chúng ta sẽ từ kẻ chết sống lại, vì Đức Thánh Linh đã ấn chứng cho mỗi người tin Ngài (Êph 1:13-14).

Khi Thánh Linh ngự bên trong bạn, Ngài sẽ có tác động đến thân thể của bạn. Bạn kinh nghiệm nếp sống mới, ngay cả mọi khía cạnh thuộc thân xác của bạn cũng bắt đầu có chiều kích mới trong kinh nghiệm. Khi nhà truyền đạo D.L.Moody mô tả kinh nghiệm trở lại với Chúa của ông, ông nói: “Tôi ở trong một thế giới mới. Buổi sáng kế tiếp mặt trời sáng hơn và chim hót nghe ngọt ngào hơn...những cây sồi già rung cành vui vẻ, và mọi vật đều thanh bình”. Sự sống trong Đấng Christ là sự sống dư dật.

Nhưng có kinh nghiệm sống thứ ba dẫn đến từ hai mức sống kia.

c. *Thánh Linh sở hữu bạn!* (Rô 8:2-17) - Chúng ta có Thánh Linh chưa đủ nhưng Thánh Linh phải chiếm hữu chúng ta nữa! Đến lúc ấy Ngài mới có thể chia sẻ cho chúng ta sự sống đặc thẳng và dư dật chúng ta có được trong Đấng Christ. Chúng ta không còn có ràng buộc nào với xác thịt nữa, vì xác thịt chỉ mang đến bất hạnh cho cuộc đời chúng ta. Chúng ta có mỗi dây ràng buộc với Đức Thánh Linh, vì chính Thánh Linh thuyết phục chúng ta, bày tỏ

Đấng Christ cho chúng ta, và ban sự sống đời đời cho chúng ta khi chúng ta tin nhận Đấng Christ. Vì Ngài là “Thánh Linh sự sống”, nên Ngài có thể ban năng lực cho chúng ta vâng phục Đấng Christ, và Ngài có thể giúp chúng ta có thể càng giống Đấng Christ hơn.

Nhưng Ngài còn là Thánh Linh làm cho chết. Ngài có thể giúp chúng ta “làm cho chết” (loại bỏ) những việc làm tội lỗi của thân thể. Khi chúng ta qui phục các chi thể chúng ta cho Đấng Christ (Ro 6:12-17), Ngài đặt đề sự chết và sự sống lại của Đấng Christ trong chúng ta. Ngài làm cho chết các việc thuộc về thân thể và Ngài tái tạo những việc làm của Thánh Linh trong chúng ta.

Đức Thánh Linh còn là “Thánh Linh của sự làm con nuôi” (8:14-17). Chữ sự làm con nuôi trong Tân Ước có nghĩa là “được liệt vào con trưởng thành”. Chúng ta sanh ra trong gia đình Đức Chúa Trời. Nhưng ngay lúc chúng ta được sanh ra, Đức Chúa Trời nhận chúng ta và ban cho chúng ta địa vị làm con trưởng thành. Một em bé không thể bước đi, nói năng, quyết định, hoặc sử dụng của cải trong gia đình. Nhưng người theo Chúa có thể làm tất cả những điều này ngay khi được sanh lại.

Người có thể bước đi và “được Thánh Linh dắt dẫn” (8:14). Động từ ở đây có nghĩa “sẵn lòng dẫn dắt”. Chúng ta vâng phục Đức Thánh Linh, và Ngài dùng Lời Ngài hướng dẫn chúng ta mỗi ngày. Chúng ta không ở dưới xiềng xích của luật pháp và không sợ hành động. Chúng ta có tự do của Đức Thánh Linh và tự do theo Đấng Christ. Người tin Chúa còn có thể nói: “Chúng ta kêu lên rằng, A-ba, Cha” (8:15). Thật là một ngạc nhiên lớn nếu một trẻ mới sinh nhìn lên và chào cha nó? Trước hết, Thánh Linh kêu rằng “A-ba, Cha” cho chúng ta (Ga 4:6), và sau đó chúng ta nói điều đó cho Đức Chúa Trời (“A-ba” nghĩa là “cha” - một ngôn từ biểu lộ lòng triu mến).

Một em bé không thể ký vào các tấm chi phiếu được, nhưng con cái Đức Chúa Trời bởi đức tin có thể sử dụng của cải thiêng liêng của mình vì người là kẻ kế tự của Đức Chúa Trời và kẻ đồng kế tự với Đấng Christ (Ro 8:17). Thánh Linh dạy chúng ta qua Lời Kinh Thánh, và rồi chúng ta nhận tài sản của Đức Chúa Trời bởi đức tin, Thật là một điều sung sướng khi có “Thánh Linh của sự làm con nuôi hành động trong đời sống chúng ta.

Cơ Đốc nhân không cần phải chịu thất bại. Người có thể qui phục thân thể mình cho Thánh Linh và bởi đức tin khắc phục bản tính cũ. Thánh Linh của sự sống sẽ ban quyền năng cho người. Thánh Linh của sự chết giúp người thắng hơn xác thịt và Thánh Linh của sự làm con nuôi làm sung mãn người và dẫn người vào trong ý chỉ của Đức Chúa Trời.

3. Tự do khỏi sự chán nản - không thất bại (Ro 8:18-30)

Trong phần này Phao-lô đối diện với chính vấn đề sầu khổ và đau đớn. Có lẽ phương cách tốt nhất để hiểu phần Kinh Thánh là ghi nhận ba sự thử than đã được đề cập đến.

a. *Tạo vật thử than* (8:18-22). Khi Đức Chúa Trời thực hiện xong công cuộc tạo dựng, đó là một tạo vật tốt (Sa 1:31) nhưng ngày nay đó là tạo vật than thở. Sự sầu khổ và đau đớn xuất hiện, sự chết bước vào, dĩ nhiên mọi điều này đều là kết quả phát sinh từ tội của A-đam. Nó không phải là lỗi của tạo vật. Lưu ý những từ Phao-lô đã dùng để mô tả tình trạng đau thương của tạo vật: đau đớn (Ro 8:18), hư không (8:20), nô lệ (8:21), hư nát (8:21) và đau đớn (8:22). Tuy nhiên sự thời hạn này không phải là không hữu ích. Phao-lô đã ví sánh nó với sự đau đớn của người phụ nữ sắp sanh. Có đau đớn thật, nhưng sự đau đớn sẽ chấm dứt khi đứa con ra đời. Một ngày đến khi tạo vật được giải phóng thì tạo vật thử than sẽ trở thành tạo vật vinh hiển. Cơ Đốc nhân không tập chú vào sự đau khổ hiện tại, người nhìn về phía trước cho sự vinh hiển ngày mai.

b. *Cơ Đốc nhân chúng ta than thở* (8:23-25). Lý do chúng ta than thở về chúng ta đã kinh nghiệm “những trái đầu mùa Thánh Linh, sự nếm trước về vinh hiển hầu đến. Như dân tộc Y-sơ-ra-ên nếm trước những trái đầu mùa của xứ Ca-na-an do các thám tử đem về (Dan 13:23-27), cũng vậy Cơ Đốc nhân chúng ta cũng đã nếm trước những phước hạnh của thiên đàng qua công vụ của Thánh Linh. Điều này khiến chúng ta muốn gặp Chúa, nhận thân thể mới, sống với Ngài và phục vụ Ngài mãi mãi. Chúng ta đang chờ đợi sự nhận làm con nuôi “sự cứu chuộc của thân thể khi Đấng Christ trở lại (Phi 3:20-21). Đây là cao điểm đầy vui vẻ của sự làm con nuôi, điều chúng ta nhận được ngay lúc trở lại cùng Chúa khi Thánh Linh của sự làm con nuôi ban cho chúng ta một địa vị người trưởng thành trong gia đình Đức Chúa Trời. Khi Đấng Christ trở lại, chúng ta sẽ bước vào gia sản đầy trọn của mình.

Trong lúc chờ đợi, chúng ta đợi chờ và hy vọng, “vì chúng ta được bởi hy vọng đó (Ro 8:24 theo nghĩa đen). Hy vọng gì? “Hy vọng phước hạnh của chúng ta, và sự hiện ra của sự vinh hiển Đức Chúa Trời lớn và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu Christ” (Tit 2:13). Điều tốt nhất chưa đến! Cơ Đốc nhân không nên chán nản khi thấy và kinh nghiệm buồn khổ, đau đớn trong thế giới này. Người biết rằng sự buồn khổ tạm thời một ngày kia sẽ nhường chỗ cho vinh hiển vĩnh cửu.

c. *Thánh Linh thở than* (Ro 8:25-30). Đức Chúa Trời rất quan tâm đến những thử thách của dân Ngài. Trong chức vụ trên đất, Chúa Giê-xu đã than thở khi nhìn thấy những gì tội lỗi gây ra cho nhân loại (Mac 7:34 Gi 11:33,38). Ngày nay Thánh Linh cũng than thở với chúng ta và cảm thông những gánh nặng của sự yếu đuối và buồn đau của chúng ta. Nhưng Thánh Linh còn làm hơn là chỉ than thở. Ngài cầu nguyện cho chúng ta bằng sự than thở để chúng ta có thể được dẫn vào trong ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng ta không phải luôn luôn biết phải cầu nguyện thế nào, nhưng Thánh Linh cầu thay cho chúng ta để chúng ta có thể sống theo ý muốn Đức Chúa Trời bất chấp buồn khổ. Thánh Linh “chia sẻ gánh nặng”.

Người tin Chúa chẳng bao giờ đuối sức trong giờ đau đớn thử thách vì người biết rằng Đức Chúa Trời đang tể trị trong thế gian này (Ro 8:28), và Ngài có kế hoạch trọn vẹn (8:29). Đức Chúa Trời có hai mục đích trong kế hoạch ấy: làm điều tốt cho chúng ta và cho sự vinh hiển của Ngài. Cuối cùng, Ngài sẽ khiến chúng ta nên giống như Chúa Giê-xu Christ! Hơn nữa, chương trình của Đức Chúa Trời sắp sửa hoàn tất! Chương trình ấy bắt đầu trong quá khứ khi Ngài chọn chúng ta trong Đấng Christ (Eph 1:4-5). Ngài đã định trước ngày kia chúng ta sẽ nên giống như Con Ngài. Sự định trước chỉ áp dụng cho người được cứu. Chẳng có nơi nào dạy chúng ta rằng Đức Chúa Trời định trước cho con người phải bị án phạt đời đời. Nếu họ bị án phạt, đó là vì họ từ chối không chịu tin nhận Chúa Giê-xu Christ (Gi 3:18-21). Những người Ngài đã chọn, thì Ngài đã gọi (II Te 2:13-14) khi họ đáp lại tiếng gọi của Ngài, Ngài xưng công bình cho họ, và Ngài cũng làm cho họ vinh hiển. Điều này có nghĩa người tin Chúa đã được vinh hiển trong Đấng Christ (Gi 17:22) sự mạc khải về vinh hiển này phải chờ đợi sự tái lâm của Chúa (Ro 8:21-23).

Làm thế nào Cơ Đốc nhân chúng ta có thể bị sa sút và lui đi khi chúng ta đã dự phần trong sự vinh hiển của Đức Chúa Trời? Sự đau đớn chúng ta chịu ngày nay chỉ bảo đảm rằng chúng ta càng được vinh hiển khi Chúa Giê-xu Christ trở lại!

4. Tự do không còn sợ hãi - Không còn có sự phân rẽ (Ro 8:31-39)

Không còn có sự đoán phạt vì chúng ta có phần trong sự công bình của Đức Chúa Trời và Luật Pháp không thể lên án chúng ta. Không còn có sự ràng buộc nữa vì chúng ta có Thánh Linh Đức Chúa Trời giúp chúng ta có thể chiến thắng xác thịt và có thể sống cho Đức Chúa Trời. Chẳng còn có sự thất vọng nữa vì chúng ta cùng dự phần trong vinh hiển Đức Chúa

Trời, trông đợi sự trở lại của Đấng Christ. Không còn có sự phân rẽ nữa vì chúng ta kinh nghiệm tình yêu của Đức Chúa Trời: “Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương của Chúa Giê-xu Christ?” (Ro 8:35).

Điềm nhấn mạnh trong phần cuối này nhằm vào sự an ninh của người tin Chúa. Chúng ta không cần phải sợ hãi quá khứ, hiện tại và tương lai vì chúng ta được bảo toàn trong tình yêu của Đấng Christ. Sứ đồ Phao-lô đưa ra năm lý lẽ để chứng minh rằng không thể có sự phân rẽ nào giữa người tin Chúa và Đức Chúa Trời.

a. *Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta* (Ro 8:31) - Đức Chúa Cha vừa giúp chúng ta và Ngài ban Con Ngài để chứng minh điều đó (8:32). Đức Chúa Con vừa giúp chúng ta (8:34) và Đức Thánh Linh cũng vậy (8:28). Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta trong Nhân Tính của Ngài và sự quan phòng của Ngài. Thỉnh thoảng, chúng ta than thở như Gia-côb, “Các nông nổi này đều đổ lại cho tôi hết!” (Sa 42:36), trong khi thực ra mọi sự điều đang tiến hành vì chúng ta. Lời kết luận thật rõ ràng: “Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?”

Con cái Chúa cần phải bước vào sự mới mẻ mỗi ngày bằng sự nhận biết Đức Chúa Trời đang vừa giúp mình. Không còn cần phải sợ hãi nữa, vì Đức Chúa Cha yêu thương chỉ ao ước điều tốt cho con cái Ngài, cho dù họ phải trải qua những thử thách để nhận lãnh điều tốt nhất của Ngài. “Vì Ta biết ý tưởng ta nghĩ đối cùng các ngươi, là ý tưởng bình an, không phải tai họa, để cho các ngươi được sự trông cậy trong lúc cuối cùng của mình.” (Gie 29:11).

b. *Đấng Christ chịu chết vì chúng ta* (Ro 8:32) - Lý lẽ ở đây từ nhẹ nhàng đến mạnh mẽ. Nếu lúc chúng ta còn là tội nhân, Đức Chúa Trời đã cho chúng ta điều tốt nhất của Ngài, vậy bây giờ chúng ta là con cái của Ngài rồi, Ngài lại không cho chúng ta tất cả điều chúng ta cần sao? Chúa Giê-xu dùng lập luận tương tự khi Ngài thuyết phục dân chúng biết rằng lo lắng và sợ hãi thật ngu dại. Đức Chúa Trời chăm sóc chim chóc và súc vật, thậm chí Ngài lo lắng đến những hoa huệ chắc chắn Ngài sẽ chăm sóc bạn! Đức Chúa Trời đang giải quyết theo cách của Ngài trên nền tảng của ân điển thập tự giá, chớ không trên nền tảng luật pháp. Đức Chúa Trời ban cho con cái Ngài tất cả mọi điều cách rộng rãi !

c. *Đức Chúa Trời xưng công bình chúng ta* (8:33) - Điều này có nghĩa Ngài kể chúng ta là công bình trong Đấng Christ. Sa-tan muốn kiện cáo chúng ta (Kh 12:10 Xa 3:1-7), nhưng chúng ta vẫn được xưng công bình trong Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta là những người được lựa chọn trong Đấng Christ và được Đấng Christ thừa nhận. Chắc chắn Đức Chúa Trời không kết tội chúng ta vì chính Ngài đã xưng công bình chúng ta. Đối với Ngài kết tội chúng ta có nghĩa là sự cứu rỗi của Ngài bị thất bại và chúng ta vẫn còn ở trong tội lỗi mình.

Hiểu được ý nghĩa của sự xưng công bình sẽ mang lại sự bình an cho tâm hồn chúng ta. Khi Đức Chúa Trời kể tội nhân tin nhận Ngài là công bình trong Đấng Christ, việc làm ấy không bao giờ thay đổi. Kinh nghiệm thuộc linh của chúng ta cứ thay đổi từng ngày, nhưng sự xưng công bình không bao giờ đổi thay. Có thể chúng ta tự cáo về mình, và con người có thể kiện cáo chúng ta nhưng Đức Chúa Trời chẳng bao giờ đưa chúng ta ra trước toà để kết tội chúng ta. Chúa Giê-xu đã trả xong nợ tội và chúng ta được an ninh trong Ngài.

d. *Đấng Christ cầu thay cho chúng ta* (Ro 8:34) - Sự cầu thay giữ cho người tin Chúa an ninh trong Đấng Christ: Đức Thánh Linh cầu thay (8:26-27) và Con Đức Chúa Trời cầu thay (8:34). Cùng một Đấng Cứu Rỗi đã chết thay chúng ta hiện đang cầu thay cho chúng ta trên trời. Là Thầy Tế lễ Thượng Phẩm, Ngài có thể ban ân điển chúng ta cần có để chiến thắng cám dỗ và đánh bại kẻ thù (He 4:14-16). Là Đấng trung bảo, Ngài có thể tha thứ tội lỗi chúng ta và phục hoà mối tương giao của chúng ta với Đức Chúa Trời (IGi 1:9-2:2). Cầu thay có

nghĩa Chúa Giê-xu Christ trình diện chúng ta trước ngai Đức Chúa Trời và chúng ta không cần phải tự mình đại diện nữa.

Sứ đồ Phao-lô gợi ý về chức vụ cầu thay trong Ro 5:9-10. Chúng ta không những được cứu bởi sự chết của Ngài, nhưng chúng ta còn được cứu bởi sự sống lại của Ngài. “Bởi đó Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những kẻ ấy” (He 7:25). Phi-e-rơ phạm tội nghịch lại Chúa, nhưng ông đã được tha thứ và được phục hoà mỗi tương giao vì Chúa Giê-xu Christ. “Hỡi Si-môn, Si-môn, này, qui Sa-tan đã đòi sàng sảy ngươi như lúa mì. Nhưng ta đã cầu nguyện cho ngươi, hầu cho đức tin ngươi không thiếu thốn. Vậy đến khi ngươi đã hối cải, hãy làm cho vững chí anh em mình” (Lu 22:31-32). Ngài đang cầu thay cho mỗi chúng ta, Ngài đang thi hành chức vụ bảo đảm cho chúng ta được an ninh.

e. *Đấng Christ yêu thương chúng ta* (Ro 8:35-39) - Trong các câu 8:31-34 Phao-lô đã chứng minh rằng Đức Chúa Trời không thể làm chúng ta thất bại, nhưng có khả năng chúng ta làm cho Ngài thất bại được không? Giả sử có sự thử thách hoặc cám dỗ lớn nào đó xảy đến, và chúng ta thất bại? Sau đó rồi thế nào? Sứ đồ Phao-lô đề cập vấn đề ấy trong phần cuối cùng này và giải thích rằng không gì có thể phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương của Chúa Giê-xu Christ.

Trước tiên, Đức Chúa Trời không che giấu chúng ta khỏi những khó khăn trong cuộc đời vì chúng ta cần đến những khó khăn ấy để đời sống chúng ta được lớn lên (Ro 5:3-5). Trong Ro 8:28 Đức Chúa Trời bảo đảm cho chúng ta rằng những khó khăn trong cuộc sống đang làm ích lợi vì chúng ta chớ không chống lại chúng ta. Đức Chúa Trời cho phép thử thách xảy đến để chúng ta có thể dùng chúng làm ích lợi chúng ta và làm vinh hiển Ngài. Chúng ta chịu đựng thử thách vì có danh Ngài (8:36), và từ khi chúng ta làm như vậy, bạn có nghĩ rằng Ngài sẽ bỏ rơi chúng ta không? Dĩ nhiên là không! Thay vào đó Ngài đang ở gần chúng ta khi chúng ta trải qua những khó khăn trong cuộc đời.

Hơn nữa, Ngài ban cho chúng ta quyền năng để đắc thắng (Ro 8:37). Chúng ta “là những người chiến thắng”, theo nghĩa đen “chúng ta là những người chiến thắng siêu hạng” trong Chúa Giê-xu Christ! Ngài ban cho chúng ta chiến thắng và càng chiến thắng hơn nữa! Chúng ta không cần phải sợ hãi cuộc sống hoặc sự chết, những việc trong hiện tại, hoặc những việc sẽ đến trong tương lai, vì Chúa Giê-xu Christ yêu thương chúng ta và Ngài ban cho chúng ta sự đắc thắng. Đây không phải là lời hứa kèm theo điều kiện: “Nếu ngươi làm điều này, Đức Chúa Trời sẽ làm điều kia”. Sự an ninh trong Đấng Christ ở đây là một sự kiện đã được xác lập, chúng ta có quyền đòi hỏi cho chúng ta vì chúng ta ở trong Đấng Christ. Chẳng có gì có thể phân rẽ chúng ta khỏi Tình yêu của Ngài ! Hãy tin điều đó - và vui thoả !

Ôn lại chương sách tuyệt diệu này để thấy rằng Cơ Đốc nhân hoàn toàn chiến thắng. Chúng ta thoát khỏi con đoán phạt vì Đấng Christ đã chết thay chúng ta và chúng ta có sự công bình của Ngài. Chúng ta thoát khỏi sự thất bại vì Đấng Christ sống trong chúng ta bởi Thánh Linh Ngài và chúng ta dự phần trong sự sống Ngài. Chúng ta thoát khỏi sự thất vọng vì Đấng Christ sắp trở lại vì chúng ta và chúng ta sẽ được vinh hiển với Ngài. Chúng ta thoát khỏi sợ hãi vì Đấng Christ cầu thay cho chúng ta và chúng ta không thể bị phân rẽ khỏi tình yêu Ngài.

Không còn có sự đoán phạt nào ! Không còn có sự ràng buộc nào ! Không còn có sự thất vọng nào ! Không còn có sự phân rẽ nào !

Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, ai có thể chống chúng ta được !

9. ĐỨC CHÚA TRỜI CÓ LẦM LỖI KHÔNG? (Ro 9:1-33)

Đường như có vẻ kỳ lạ khi Phao-lô cắt ngang việc bàn luận về sự cứu rỗi và dành cả ba chương để bàn về dân Y-sơ-ra-ên. Tại sao ông không chuyển từ lời dạy về giáo lý trong chương 8 đến những bốn phần thực tế chép trong chương 12-15? Nghiên cứu kỹ lưỡng chương 9-11 cho thấy phần này không cắt ngang chút nào nhưng đó là phần cần thiết trong lý lẽ của Phao-lô bàn về sự xưng nghĩa bởi đức tin.

Trước hết, Phao-lô được xem như là kẻ phản bội đối với dân Do Thái. Người thi hành chức vụ cho người ngoại bang và dạy về sự tự do không bị luật pháp Môi-se ràng buộc. Người rao giảng trong nhiều nhà hội và gây rắc rối, và có thể nhiều tín hữu Do Thái tại Rô-ma đã nghe tiếng đồn đáng ngờ của Phao-lô. Trong các chương này, Phao-lô bày tỏ lòng thương yêu của người dành cho người Y-sơ-ra-ên và ao ước họ được lợi ích. Đây là lý do thuộc về cá nhân dành cho cuộc bàn luận này.

Nhưng có lý do thuộc về giáo lý. Phao-lô đã lập luận trong chương rằng người theo Chúa được bảo đảm trong Chúa Giê-xu Christ và Đức Chúa Trời giữ nguyên sự lựa chọn (Ro 8:28-30). Nhưng một vài người có thể thắc mắc, “Thế còn người Do Thái thì sao? Họ đã được Đức Chúa Trời lựa chọn, nhưng bây giờ ông nói rằng họ bị để qua một bên và Đức Chúa Trời xây dựng Hội Thánh Ngài. Đức Chúa Trời không còn giữ lời hứa của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên sao? Nói cách khác, chính phẩm cách của Đức Chúa Trời đang bị đe dọa. Nếu Đức Chúa Trời không thành tín với dân Do Thái, làm thế nào chúng ta biết Ngài thành tín với Hội Thánh?”

Điều nhấn mạnh trong chương 9 nhằm vào sự tuyển chọn dân Y-sơ-ra-ên trong quá khứ, trong chương 10 nói đến sự chối bỏ dân Y-sơ-ra-ên trong hiện tại và chương 11 nói đến sự phục hồi địa vị của dân Y-sơ-ra-ên trong tương lai. Y-sơ-ra-ên là dân tộc duy nhất trên thế giới có lịch sử đầy đủ - quá khứ, hiện tại và tương lai. Trong chương 9, Phao-lô bình vực phẩm tánh của Đức Chúa Trời qua việc chỉ ra rằng lịch sử Y-sơ-ra-ên trong quá khứ thực sự đã tôn cao các thuộc tính của Đức Chúa Trời: Sự thành tín (Ro 9:1-13), công bình (9:14-18), chính trực (9:19-29), và ân điển của Ngài (9:30-33). Bạn sẽ thấy những phần này phù hợp với ba câu hỏi của Phao-lô: “Có sự không công bình trong Đức Chúa Trời sao?” (9:14) “Sao Ngài còn quá trách?” (9:19) và “Vậy chúng ta sẽ nói làm sao?” (9:30).

1. Sự thành tín của Đức Chúa Trời (Ro 9:1-13)

Thật đáng khác thường thế nào Phao-lô đã chuyển từ niềm vui mừng trong chương 8 thành nỗi buồn rầu và gánh nặng trong chương 9. Khi người nhìn xem Đấng Christ, người vui mừng nhưng khi nhìn vào dân Y-sơ-ra-ên hư mất, người khóc than. Giống như Môi-se (Xu 32:30-35), người sẵn lòng chịu rửa sả và lìa khỏi Đấng Christ nếu như làm cho dân Y-sơ-ra-ên được cứu. Phao-lô quả thật đầy tình người! Người sẵn lòng bị dứt bỏ vì lợi ích cho những người được cứu (Ro 9:3), và sẵn lòng đi địa ngục để những người hư mất được cứu.

Chủ đề của ông là Đức Chúa Trời lựa chọn dân Y-sơ-ra-ên và điều đầu tiên ông đề cập đó là phước hạnh của việc họ được lựa chọn (Ro 9:4-5). Dân Y-sơ-ra-ên được Đức Chúa Trời nhận làm dân thuộc riêng về Ngài (Xu 4:22-23). Ngài ban sự vinh hiển Ngài nơi đền tạm và đền thờ cho họ (Xu 40:34-38 IVua 8:10-11). Vinh hiển Môi-se nhìn thấy trên núi Si-nai đến ngự giữa dân Y-sơ-ra-ên (Xu 24:16-17). Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên giao ước của Ngài, đầu tiên dành cho Áp-ra-ham, sau đó có thêm các giao ước dành cho Môi-se đến Đa-vít. Ngài còn ban cho họ luật pháp của Ngài để điều hướng cuộc sống chính trị, xã hội và tôn giáo, và để bảo đảm phước hạnh của Ngài nếu họ vâng lời Ngài. Ngài cho họ “hầu việc Đức Chúa Trời”, nói đến chức vụ trong đền tạm và đền thờ. Ngài ban cho họ các lời hứa và các tổ phụ (Ro 9:5). Mục tiêu của tất cả phước hạnh này là Chúa Cứu Thế Giê-xu, thông qua dân Y-sơ-ra-ên, sẽ đến thế gian. (Hãy lưu ý câu 5 khẳng định rằng Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa

Trời). Tất cả các phước hạnh đều ban cho dân Y-sơ-ra-ên cách nhưng không và không dành cho một dân tộc nào khác.

Nhưng dù có các phước hạnh này, dân Y-sơ-ra-ên vẫn thất bại. Khi Đấng Mê-si-a hiện ra, dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ và đóng đinh Ngài. Không ai biết điều này hơn Phao-lô, vì ông đã bắt bớ Hội Thánh trong những ngày đầu tiên của mình. Có phải dân Y-sơ-ra-ên thất bại nghĩa là Lời Đức Chúa Trời thất bại không? (Tiếng Hy Lạp dịch chữ này là “không mang lại cho ai kết quả gì” nêu lên bức tranh một chiếc thuyền mất phương hướng). Câu trả lời là, “Không! Đức Chúa Trời là thành tín cho dù con người có làm gì với Lời Ngài như thế nào chăng nữa”. Ở đây Phao-lô giải thích nền tảng tuyển chọn dân Y-sơ-ra-ên.

a. *Đó không phải là con cháu thuộc về xác thịt* (Ro 9:6-10) - Như chúng ta thấy trong Ro 2:25-29 có điểm khác biệt giữa dòng dõi Áp-ra-ham về xác thịt với con cái Áp-ra-ham về phần thuộc linh. Thực ra Áp-ra-ham có hai người con, Ích-ma-ên (do A-ga sanh) và Y-sác (do Sa-ra sanh). Vì Ích-ma-ên là con đầu lòng, nên người phải được chọn, nhưng Đức Chúa Trời đã chọn Y-sác. Y-sác và Rê-bê-ca có hai con trai nhưng sinh, Ê-sau và Gia-cốp. Là người sanh ra trước, nên đáng lẽ Ê-sau được chọn, nhưng Đức Chúa Trời đã chọn Gia-cốp. Và Ê-sau, Gia-cốp có cùng cha mẹ, khác với Ích-ma-ên và Y-sác có cùng cha khác mẹ. Đức Chúa Trời không lựa chọn trên nền tảng xác thịt. Do đó, nếu dân Y-sơ-ra-ên - con cháu Áp-ra-ham về phần xác - từ chối Lời của Đức Chúa Trời, điều này không làm cho chương trình tuyển chọn của Đức Chúa Trời ra vô ích chút nào.

b. *Đó không phải công trạng của con người* (Ro 9:11-13) - Đức Chúa Trời chọn Gia-cốp trước khi hai đứa trẻ sanh ra. Hai bé trai chưa biết làm điều tốt hoặc xấu, vì vậy Đức Chúa Trời lựa chọn không dựa trên cá tính hay hành vi của chúng. C.9:13 đề cập đến Ma 1:2-3 và ám chỉ đến các dân tộc (Y-sơ-ra-ên và Ê-đôm) và không đề cập đến các tội nhân theo tính cách cá nhân. Đức Chúa Trời không ghét bỏ tội nhân. Gi 3: 16 cho biết rõ Ngài yêu tội nhân. Câu Kinh Thánh ở đây nói đến sự tuyển chọn dân tộc, chớ không nói đến cá nhân. Vì Đức Chúa Trời tuyển chọn dân Y-sơ-ra-ên không tùy thuộc vào công đức con người, cho nên sự không nghe lời của họ không thể làm vô hiệu chương trình lựa chọn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời luôn thành tín mặc dầu dân sự của Ngài không thành tín.

2. Sự công bình của Đức Chúa Trời (Ro 9:14-18)

Việc Đức Chúa Trời chọn người này nhưng không chọn người khác dường như cho thấy Ngài không công bình. Phao-lô hỏi, “Có sự không công bình trong Đức Chúa Trời sao?” và rồi người trả lời, “Chẳng có chuyện đó đâu!” Không thể nghĩ rằng Đức Chúa Trời thánh khiết đã từng hành động không công bình. Sự chọn lựa hoàn toàn là vấn đề của ân điển. Nếu Đức Chúa Trời hành động chỉ dựa trên nền tảng công bình, chẳng ai được cứu cả. Phao-lô trích dẫn Xu 33:19 để cho thấy rằng lòng nhân từ thương xót của Đức Chúa Trời rộng mở tùy theo ý muốn của Ngài và không theo ý muốn con người. Tất cả chúng ta xứng đáng nhận án phạt - chớ không nhận sự thương xót. Xuất Ê-díp-tô ký đề cập đến việc dân Y-sơ-ra-ên thờ hình tượng trong khi Môi-se lên núi nhận lãnh luật pháp. Toàn dân sự đáng phải bị huỷ diệt, tuy nhiên Đức Chúa Trời chỉ giết 3.000 người - không vì những người khác gian ác hơn hoặc ít kính sợ Chúa hơn, nhưng hoàn toàn do ân điển và sự thương xót của Ngài.

Tiếp đến Phao-lô trích trong Xu 9:16 ông dùng Pha-ra-ôn làm hình ảnh minh họa. Môi-se là người Do Thái, Pha-ra-ôn là dân ngoại bang tuy nhiên cả hai đều là tội nhân. Thực ra, cả hai người đều là kẻ giết người! Cả hai đều thấy dấu lạ của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên Môi-se được cứu nhưng Pha-ra-ôn bị hư mất. Đức Chúa Trời lập lên Pha-ra-ôn để Ngài có thể bày tỏ vinh quang và quyền năng của Ngài và Ngài bày tỏ lòng thương xót trên Môi-se để Ngài có

thể dùng ông giải phóng dân Y-sơ-ra-ên. Pha-ra-ôn là nhà cai trị, và Môi-se là nô lệ tuy nhiên chính Môi-se kinh nghiệm được sự nhân từ và thương của xót của Đức Chúa Trời - vì Đức Chúa Trời đã có ý định làm theo phương cách ấy. Đức Chúa Trời có quyền trong công việc của Ngài và hành động theo ý muốn cùng chương trình của Ngài. Vì vậy đó không phải là vấn đề công bình nhưng thuộc về ý chỉ đời đời của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời là Đấng thánh khiết và Ngài phải đoán phạt tội lỗi nhưng Đức Chúa Trời còn yêu thương và mong muốn cứu tội nhân. Nếu mọi người được cứu, điều đó không phủ nhận đức thánh khiết của Ngài nhưng nếu mọi người đều hư mất, điều đó không nghịch lại với đức yêu thương của Ngài. Giải pháp cho vấn đề đó là sự lựa chọn cao cả của Đức Chúa Trời.

Một giáo sư thần học có lần nói với tôi, “Gắng sức giải thích sự lựa chọn, bạn sẽ mất trí nhưng thanh minh nó bạn sẽ mất linh hồn!”

Đức Chúa Trời chọn dân Y-sơ-ra-ên và lên án dân Ai Cập, vì đây là chương trình tối thượng của Ngài. Không ai có thể lên án Đức Chúa Trời vì cách Ngài mở rộng lòng thương xót của Ngài, vì Đức Chúa Trời là công bình.

Trước khi bước qua phần này, chúng ta cần phải bàn luận “sự cứng lòng” của Pha-ra-ôn (Ro 9:18). Quá trình cứng lòng này được nhắc đến ít nhất 15 lần trong Xu 7:1-14:31. Thỉnh thoảng Kinh Thánh cho chúng ta biết Pha-ra-ôn làm cứng lòng mình (Xu 8:15,19,32), và những lần khác Kinh Thánh dạy rằng Đức Chúa Trời đã làm cứng lòng Pha-ra-ôn (Xu 9:12 10:1,20,27). Bằng lời phán của Ngài và bày tỏ quyền năng của Ngài, Đức Chúa Trời ban cho Pha-ra-ôn cơ hội ăn năn nhưng thay vào đó, Pha-ra-ôn chống lại Đức Chúa Trời và làm cứng lòng mình. Lỗi không phải ở nơi Đức Chúa Trời nhưng ở nơi Pha-ra-ôn. Cùng một ánh nắng có thể làm băng tan chảy ra cũng có thể làm đất sét khô cứng. Đức Chúa Trời không phải không công bình trong việc đối xử với Pha-ra-ôn vì Ngài cho vua có nhiều cơ hội ăn năn và tin nhận Ngài.

3. Đức công chính của Đức Chúa Trời (Ro 9:19-29)

Nhưng quyền tể trị của Đức Chúa Trời dường như chỉ tạo ra nan đề mới. “Nếu Đức Chúa Trời tể trị, vậy ai có thể chống lại Ngài được? Và nếu có ai chống lại Ngài, Ngài phải phán xét theo lẽ công bình nào?” Đó là câu hỏi về sự chính trực của Đức Chúa Trời từ xa xưa khi Ngài hành động trong lịch sử loài người.

Tôi nhớ đã chia sẻ trong một cuộc họp ngoài trời tại Chicago và phân phát những tờ truyền đạo đơn tại góc đường Madison và Kedzie. Hầu hết mọi người đều tử tế nhận các truyền đạo đơn, nhưng có một người cầm lấy tờ truyền đạo đơn và vò nát nó rồi ném xuống rãnh nước. Tên của truyền đạo đơn ấy là “Bốn Điều Đức Chúa Trời Muốn Bạn Biết”.

Người đàn ông ấy nói, “Tôi muốn Đức Chúa Trời chẳng cần biết điều gì cả! Tại sao có quá nhiều sâu khô và thảm kịch xảy ra trên thế giới này? Tại sao người vô tội chịu đau khổ trong khi kẻ giàu cứ được hạnh phúc? Chà ! Đừng nói với tôi có một Đức Chúa Trời! Nếu có Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời là tội nhân lớn nhất từng sống trên đời!”. Và anh ta chế nhạo bỏ đi và mất hút trong đám đông.

Chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn chính trực theo bản thể. “Đấng xét đoán toàn thế gian há không làm điều công bình sao?” (Sa 18:25). Thật không thể nghĩ ra được Đức Chúa Trời sẽ dự định một mục đích bất công hay thực hiện một hành động bất công. Nhưng nhiều lúc xem dường như Ngài làm đúng như vậy. Ngài bày tỏ sự thương xót đối với Môi-se nhưng lại đoán phạt Pha-ra-ôn. Điều đó có công bình không? Ngài lựa chọn dân Y-sơ-ra-ên

nhưng lại loại bỏ các dân tộc khác. Điều đó có công bình không? Phao-lô đã nêu lên 3 câu trả lời cho sự tố cáo này.

a. *Chúng ta là ai mà dám tranh luận với Đức Chúa Trời?* (Ro 9:19-21). Đây là một lập luận hợp lý. Đức Chúa Trời là người thợ và chúng ta thật ngu dại khi chất vấn ý chỉ của Ngài hoặc đề kháng lại (tham khảo Es 45:9). Chắc chắn đất sét không có sự sống và thụ động trong tay người thợ gốm. Chúng ta có xúc cảm, sự hiểu biết và sức mạnh ý chí và chúng ta có thể chống lại Ngài nếu chúng ta muốn (Gie 19:1-23 nơi ý này được khai triển). Nhưng chính Đức Chúa Trời là Đấng quyết định một ai đó sẽ là Môi-se hay Pha-ra-ôn. Môi-se hay Pha-ra-ôn hay bất cứ ai khác đều không có thể chọn cha mẹ cho chính mình, không thể chọn hình dáng, thời gian hay nơi ra đời. Chúng ta phải tin rằng những vấn đề này hoàn toàn nằm trong tay Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên điều này không phải là cơ để chúng ta thoái thác trách nhiệm. Pha-ra-ôn có vô số dịp tiện tốt để học biết về Đức Chúa Trời chân thật và tin cậy Ngài, dầu vậy ông đã phản loạn. Phao-lô không khai triển khía cạnh này của chân lý vì đề tài của ông là sự tể trị thiên thượng, không phải là trách nhiệm của con người. Điều này không loại bỏ điều kia, dầu rằng tâm trí hữu hạn của chúng ta không thể hoàn toàn nắm bắt được cả hai.

b. *Đức Chúa Trời có những mục đích của Ngài* (Ro 9:22-24). Chúng ta đừng bao giờ nghĩ rằng Đức Chúa Trời thích nhìn một người bạo chúa như Pha-ra-ôn. Ngài đã chịu đựng Đức Chúa Trời phán với Môi-se: “Ta đã thấy rõ sự cực khổ của dân ta.. có nghe tiếng kêu rêu... ta biết nỗi đau đớn của chúng” (Xu 3:7). Sự kiện Đức Chúa Trời nhین nhục cho thấy Ngài đã cho Pha-ra-ôn những dịp tiện để được cứu (IIPhi 3:9). Chữ “sẵn cho” trong Ro 9:22 không có ý nói rằng Đức Chúa Trời khiến Pha-ra-ôn trở thành “cái bình của sự thanh nộ”. Theo văn phạm Hy-lạp thì động từ này có tính chất phản thân. Như vậy chúng ta có thể đọc là: “sẵn sàng chính mình cho sự huỷ diệt” Đức Chúa Trời chuẩn bị con người cho sự xét đoán. Trong Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên Đức Chúa Trời bày tỏ sự dư dật của sự thương xót Ngài, trong Pha-ra-ôn và dân Ai Cập. Ngài bày tỏ quyền năng và sự thương xót thì Đức Chúa Trời cũng không thể bị gán cho là không công bình.

Dĩ nhiên, về cơ bản, Đức Chúa Trời đã chọn cả người Do Thái và dân ngoại để thành lập Hội Thánh Ngài (Ro 9:24). Bởi ân điển của Đức Chúa Trời Cơ Đốc nhân ngày nay là “những bình của sự thương xót mà Ngài đã chuẩn bị cho sự vinh hiển, một chân lý nhắc chúng ta nhớ đến Ro 8:29-30.

c. *Tất cả điều này đã được nói tiên tri* (9:25-29). Trước hết Phao-lô trích dẫn Os 2:23 một câu nói công bố rằng Đức Chúa Trời đã quay khỏi dân Do Thái và kêu gọi dân ngoại. Kế đó ông trưng dẫn Os 1:10 để minh chứng rằng dân tộc mới được gọi này sẽ là dân của Đức Chúa Trời và “con cái của Đức Chúa Trời hằng sống”. Sau đó ông trưng dẫn Es 10:22-23 để tỏ cho thấy chỉ có một phần sót lại của dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu, trong lúc phần lớn dân tộc phải chịu sự xét đoán. Câu 28 có thể đề cập đến công việc xét đoán của Đức Chúa Trời trong thời kỳ đại nạn, khi dân tộc Y-sơ-ra-ên sẽ bị bắt bớ và đoán xét, và chỉ có một phần nhỏ sót lại được bước vào vương quốc khi Chúa Giê-xu Christ trở lại trần gian. Nhưng sự ứng dụng cho ngày nay thật rất rõ: chỉ có một phần nhỏ dân tộc Do Thái tin nhận Chúa và họ cùng với dân ngoại là “những người được gọi của Đức Chúa Trời” (Ro 9:24) Trích dẫn cuối cùng là ở Es 1:9 nhấn mạnh đến ân điển của Đức Chúa Trời trong việc chữa lại số nhỏ người tin. Bây giờ, tất cả những điều này chứng tỏ điều gì? Có phải Đức Chúa Trời bất công khi cứu một số người và đoán phạt một số khác, bởi vì Ngài chỉ làm ứng nghiệm những lời tiên tri trong Cựu Ước được công bố hàng bao thế kỷ trước. Ngài sẽ là bất công nếu không giữ các lời hứa của Ngài. Nhưng còn hơn thế nữa, những lời tiên tri này cho thấy rằng sự lựa chọn

của Đức Chúa Trời đã khiến sự cứu chuộc có thể thành hiện thực đối với dân ngoại. Đây là ân điển của Đức Chúa Trời. Vào thời Xuất Ai Cập, Đức Chúa Trời từ chối dân ngoại và tuyển chọn dân Do Thái, để có thể qua dân Do Thái, Ngài có thể cứu dân ngoại. Dân tộc Y-sơ-ra-ên từ chối ý chỉ Ngài, nhưng điều này không làm thất bại mục đích của Ngài. Một phần nhỏ dân Do Thái đã tin và Lời Đức Chúa Trời đã được ứng nghiệm.

Cho đến bây giờ, Phao-lô đã bảo vệ bản tính của Đức Chúa Trời bằng cách bày tỏ sự thành tín, công bình và công lý của Ngài. Sự chối từ của dân Y-sơ-ra-ên không loại bỏ sự tuyển chọn của Đức Chúa Trời, điều này chỉ cho thấy Đức Chúa Trời là chân thật đối với bản tính và mục đích của Ngài.

4. Ân điển của Đức Chúa Trời (Ro 9:30-33)

Phao-lô chuyển từ quyền tự trị của Đức Chúa Trời sang sự tự nhiệm của con người. Hãy lưu ý Phao-lô không nói “chọn” hay “không chọn” nhưng đúng hơn ông nhấn mạnh về đức tin. Đây là một nghịch lý: Người Do Thái tìm kiếm sự công bình nhưng không tìm được trong lúc dân ngoại không tìm lại gặp được. Lý do tại sao? Người Y-sơ-ra-ên cố gắng tìm sự cứu rỗi bởi việc làm chứ không bởi đức tin. Họ chối bỏ “sự công nghĩa ân điển” và tìm cách làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng “sự công nghĩa luật pháp”. Người Do Thái nghĩ rằng dân ngoại phải tiến lên bình diện ngang hàng với người Do Thái để được cứu. “Chẳng có sự phân biệt gì hết. Vì mọi người đều đã phạm tội thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (Ro 3:22,23). Thay vì để cho những đặc quyền tôn giáo của họ (Ro 9:1-5) dẫn họ đến với Đấng Christ, họ lại dùng những đặc quyền này để thế chỗ cho Đấng Christ.

Nhưng hãy xem ân điển của Đức Chúa Trời: Sự loại bỏ của dân Y-sơ-ra-ên có nghĩa là sự cứu chuộc của dân ngoại. Lời trích cập đến Đấng Christ, Vàng đá cứu rỗi của Đức Chúa Trời (Thi 118:22) Đức Chúa Trời đã ban Đấng Christ như đá nền nhà cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng họ đã chối từ Ngài và Ngài đã trở nên một hòn đá vấp chân. Thay vì được cất cao lên từ đá này, dân Y-sơ-ra-ên đã ngã xuống (Ro 11:11), nhưng như chúng ta sẽ thấy, sự ngã xuống của họ đã giúp cho sự cứu rỗi dành cho dân ngoại bởi ân điển của Đức Chúa Trời được thực hiện.

Chúng ta phải quyết định xem loại công nghĩa nào chúng ta đang tìm kiếm, hoặc chúng ta đang nhờ vào những việc công đức và bản tánh hay đang tin cậy chỉ một mình Đấng Christ để được sự cứu rỗi. Đức Chúa Trời không cứu con người trên căn bản huyết thống hay hành vi, Ngài cứu họ “nhờ ân điển bởi đức tin” (Eph 2:8,9). Vấn đề không phải là chúng ta có ở trong vòng những người được lựa chọn hay không – Đây là một huyền nhiệm chỉ có Đức Chúa Trời biết. Ngài đã công hiến cho chúng ta sự cứu chuộc bởi đức tin. Sự công hiến của Ngài dành cho “bất cứ ai muốn” (Kh 22:17). Sau khi đã tin cậy Đấng Christ chúng ta có lời chứng và bằng cứ rõ ràng rằng chúng ta đang ở trong vòng những người được chọn (Eph 1:4-14 ITe 1:1-10). Nhưng trước hết, chúng ta phải tin cậy Ngài và bởi đức tin nhận sự công nghĩa của Ngài điều duy nhất có thể đảm bảo thiên đàng cho chúng ta.

Tất cả mọi người đều thừa nhận rằng có vô số điều huyền nhiệm liên hệ với vấn đề quyền tể trị của Đức Chúa Trời và quyền tự nhiệm của con người. Không có chỗ nào Đức Chúa Trờiyêu cầu chúng ta chọn một trong hai chân lý này, vì cả hai đều đến từ Đức Chúa Trời và là một phần của kế hoạch của Đức Chúa Trời. Chúng không trọn vẹn nhưng chúng kết hợp với nhau. Sự kiện chúng ta không thể hiểu cách đầy đủ về cách chúng phối hợp với nhau không chối bỏ sự kiện chúng có kết hợp với nhau. Khi có người hỏi Charles Spurgeon về cách thế nào có thể hoà giải được giữa quyền tể trị của Đức Chúa Trời và quyền tự nhiệm của con người, Spurgeon đáp: “Tôi chưa bao giờ thử hoà giải cả, các bạn!

Nhưng sự nhấn mạnh của chương này đã rõ: Sự chối bỏ Đấng Christ của dân Y-sơ-ra-ên không chối từ sự thành tín của Đức Chúa Trời. Ro 9:1-33 không phủ nhận Ro 8:1-39 Đức Chúa Trời vẫn thành tín, công nghĩa, công minh, đầy ân điển, Ngài chắc chắn sẽ hoàn thành những mục đích của Ngài và giữ những lời Ngài hứa.

10. SỰ CÔNG BÌNH SAI (Ro 10:1-21)

Chủ đề của chương này là trong hiện tại dân Y-sơ-ra-ên bị từ bỏ. Phao-lô đi từ chủ đề tế trị đời đời của Đức Chúa Trời (chương 9) đến trách nhiệm của con người. Ông tiếp tục bàn về chủ đề công bình được giới thiệu ở cuối chương trước (Ro 9:30-33) và giải thích ba khía cạnh về việc dân Y-sơ-ra-ên từ chối Chúa.

1. Những lý do họ chối bỏ Chúa (Ro 10:1-13)

Bạn nghĩ rằng là một dân tộc, dân Y-sơ-ra-ên chắc chắn sẽ mong đợi sự đến của Đấng Mê-si-a và được chuẩn bị để đón nhận Ngài. Trải qua nhiều thế kỷ họ đã biết các lời tiên tri trong Cựu Ước và đã gìn giữ luật pháp, là “giáo sư” dẫn dắt họ đến với Đấng Christ (Ga 3:24). Đức Chúa Trời đã tìm cách chuẩn bị một dân tộc, nhưng khi Chúa Giê-xu Christ đến, họ lại khước từ Ngài. “Ngài đến trong xứ mình nhưng dân mình chẳng hề nhận lấy” (Gi 1:11). Chắc chắn, còn một số người sót lại trong dân sự tìm kiếm sự đến của Ngài, như cụ Si-mê-ôn và cụ bà An-ne (Lu 2:25-28) nhưng đại đa số dân chúng không sẵn sàng lúc Ngài đến.

Chúng ta giải thích bi kịch này như thế nào? Phao-lô đưa ra một vài lý do tại sao dân Y-sơ-ra-ên từ chối Đấng Mê-si-a của họ.

a. *Họ không thấy cần được cứu rỗi* (Ro 10:1) - Có lần Phao-lô đã đồng ý với dân sự của ông, vì chính người đã chống lại Phúc Âm và coi Chúa Giê-xu Christ là kẻ mạo danh. Dân Y-sơ-ra-ên cho rằng người ngoại bang cần đến sự cứu rỗi, chớ chắc chắn không phải người Do Thái. Trong một số thí dụ của Ngài, Chúa Giê-xu chỉ ra thái độ sai lầm này: Người Anh Cả trong câu chuyện Người Con Trai Hoang Đàng (Lu 15:11-32) và người Pha-ri-si (Lu 18:9-14) là hai thí dụ. Chắc chắn dân Y-sơ-ra-ên sẽ vui mừng vì được thoát khỏi ách nô lệ của chính quyền Rô-ma, nhưng họ không thấy rằng họ cần cứu thoát khỏi tội lỗi về phương diện thiêng liêng

b. *Họ có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời* (Ro 10:2) - Kể từ khi dân Y-sơ-ra-ên từ chốn phu tù Ba-by-lôn trở về xứ của họ, dân sự đã được chữa khỏi sự thờ lạy hình tượng. Trong đền thờ và trong nhà hội địa phương, họ chỉ thờ phượng và hầu việc Đức Chúa Trời chân thật, và chỉ dạy dỗ luật pháp chân thật mà thôi. Những người Do Thái sốt sắng đến nỗi họ chỉ “thực hiện luật pháp” và thêm vào các truyền thống của họ, làm cho chúng ra ngang bằng với luật pháp. Chính Phao-lô đã từng sốt sắng về luật pháp và các truyền thống (Cong 26:1-11 Ga 1:13-14).

Nhưng sự sốt sắng của họ không dựa trên sự hiểu biết đó là sức nóng mà không có ánh sáng. Buồn thay, ngày nay nhiều người theo tôn giáo ngày nay cũng sai lầm như vậy. Họ cho rằng làm việc thiện và giữ các lễ nghi tôn giáo sẽ cứu được họ, nhưng trong khi thực hành những việc này lại thực sự ngăn trở họ không được cứu. Chắc chắn có nhiều người trong số họ có lòng chân thành và sùng đạo, nhưng sự chân thành và tận hiến sẽ chẳng bao giờ cứu được linh hồn họ. “Vì chẳng có người nào bởi việc làm theo luật pháp mà được xưng công bình trước mặt Ngài” (Ro 3:20).

c. *Họ kiêu ngạo và tự cho mình là công bình* (10:3) - Dân Y-sơ-ra-ên không biết về sự công bình của Đức Chúa Trời, không phải do không có ai rao giảng cho họ biết, nhưng vì họ không chịu học biết. Có sự đốt nát do thiếu cơ hội, nhưng dân Y-sơ-ra-ên có nhiều cơ hội để

được cứu. Trong trường hợp của họ, đó là sự dốt nát xuất phát từ việc họ cố tình ương bướng chống lại chân lý. Họ không đầu phục Đức Chúa Trời. Họ tự hào về những việc làm tốt đẹp của họ và hãnh diện về công bình tự tạo của mình, họ không thừa nhận tội lỗi và tin cậy Đấng Cứu Rỗi. Phao-lô đã phạm cùng sai lầm này trước khi ông gặp Chúa (Phi 3:1-11).

Nhà truyền đạo đầy ơn của Hội Thánh Trưởng Lão, ông Robert Murray McCheyne, ngày kia đang đứng phát các truyền đạo đơn và ông ta trao một truyền đạo đơn cho một phụ nữ ăn mặc lịch sự. Bà ta nhìn ông một cách kiêu kỳ và nói, “Thưa ông, ông không biết tôi là ai u!”

McCheyne đáp lại nhã nhặn, “Thưa bà, sẽ có ngày đoán xét xảy ra, và vào ngày ấy bà là ai chẳng có gì là quan trọng!”

d. *Họ hiểu sai luật pháp của họ* (Ro 10:4-13) - Mọi điều dạy về Do thái giáo đều chỉ cho thấy Đấng Mê-si-a sẽ đến - đó là của lễ hi sinh, chức thầy tế lễ, sự hầu việc trong đền thờ, những kỳ lễ, và các lời giao ước. Luật pháp cho họ biết họ là tội nhân cần đến Đấng Cứu Rỗi. Nhưng thay vì để luật pháp mang họ đến với Đấng Christ (Ga 3:24), họ lại thờ lạy luật pháp và chối bỏ ơn cứu rỗi. Luật pháp là bảng chỉ đường cho biết hướng đi. Nhưng nó không thể đưa họ đến nơi cần đến. Luật pháp không thể cho sự công bình nó chỉ đưa tội nhân đến với Đấng Cứu Rỗi Đấng có thể ban cho sự công bình.

Đấng Christ là “cuối cùng của luật pháp” trong ý nghĩa thông qua sự chết và sống lại của Ngài, Ngài hoàn tất công việc của luật pháp đối với những người đặt lòng tin vào Ngài. Về phần các Cơ Đốc nhân luật pháp đã được chấm dứt. Sự công bình của luật pháp đang được trọn vẹn trong đời sống của người tin Chúa qua quyền phép của Thánh Linh (Ro 8:4) nhưng sự cai trị của luật pháp chưa chấm dứt. (Eph 2:15 Co 2:14). “Bởi anh em chẳng thuộc dưới luật pháp mà thuộc dưới ân điển” (Ro 6:14).

Phao-lô trích dẫn từ Cựu Ước để chứng tỏ cho người đọc thấy họ không hiểu luật pháp của họ. Ông bắt đầu với Le 18:5 cho biết mục đích của luật pháp: nếu các người vâng giữ nó, các người sẽ sống.

Họ sẽ lý lẽ, “Nhưng chúng tôi đã vâng giữ luật pháp!”

Phao-lô đáp lại, “Có thể anh em đã vâng giữ luật pháp bề ngoài, nhưng trong lòng anh em không tin luật pháp”. Rồi ông trích dẫn Phu 30:12-14 và nêu ra cho phân đoạn này một ý nghĩa thuộc linh sâu sắc. Chủ đề của sứ điệp Môi-se là “bảng điều răn” (Phu 30:11), nói đến Lời Đức Chúa Trời. Môi se lập luận rằng người Do Thái không có lý do nào không vâng theo Lời Đức Chúa Trời vì Lời Ngài đã giảng dạy rõ ràng cho họ và Lời ấy không ở xa họ. Thật ra, Môi-se kêu gọi họ nhận lấy Lời Đức Chúa Trời vào lòng mình. (Phu 5:29 6:5-12 13:3 30:6). Điểm nhấn mạnh trong sách Phục-truyền nhằm vào tấm lòng, tình trạng thuộc linh bên trong chứ không chỉ là những hành động vâng giữ bên ngoài.

Phao-lô cung cấp cho chúng ta sự hiểu biết thiêng liêng về lời khuyên dạy này. Ông thấy “điều răn” hoặc “Lời Kinh Thánh” có nghĩa như là “Đấng Christ, Lời của Đức Chúa Trời”. Do vậy, ông thay thế “Đấng Christ” cho “điều răn”. Ông cho chúng ta biết phương cách cứu rỗi của Đức Chúa Trời không phải khó khăn và phức tạp. Chúng ta không phải lên trời tìm Đấng Christ, hoặc đi vào thế giới người chết. Ngài ở gần chúng ta. Nói cách khác, Phúc Âm Đấng Christ - Lời của đức tin - có sẵn và có thể sử dụng được. Tội nhân không cần phải có những việc làm khó khăn để được cứu. Tất cả những gì người ấy phải làm là tin nhận Đấng Christ. Chính Lời ở trên môi miệng những người Do Thái theo đạo là Lời của đức tin. Chính luật pháp họ đọc và thuộc nằm lòng chỉ cho họ thấy Đấng Christ.

Lúc này Phao-lô trích dẫn Es 28:16 để chỉ cho họ thấy rằng sự cứu rỗi là bởi đức tin: “Kẻ nào tin Ngài sẽ chẳng bị hổ thẹn”. Ông đã trích dẫn câu này trước đây trong Ro 9:33. Trong Ro

10:9-10 ông nói rõ rằng sự cứu rỗi là bởi đức tin - chúng ta tin bởi trong lòng, nhận lãnh sự công bình của Đức Chúa Trời, và rồi công khai xưng nhận Đấng Christ không chút hổ thẹn.

Lời trích dẫn cuối cùng Phao-lô nêu ra trong Gio 2:32 chứng tỏ rằng sự cứu rỗi này rộng mở đối với tất cả mọi người: “Bấy giờ ai cầu khẩn danh Đức Giê-Hô-Va thì sẽ được cứu”. Phao-lô đã minh chứng rằng “chẳng có sự khác nhau nào” trong án phạt (Ro 3:20-23) bây giờ ông khẳng định rằng “chẳng có sự khác biệt nào” trong sự cứu rỗi. Thay vì người Do Thái có sự công bình đặc biệt bởi luật pháp, họ bị kể là tội nhân giống như dân ngoại họ đã lên án.

Toàn bộ phần này nhấn mạnh đến sự khác biệt giữa “sự công bình của luật pháp” và “sự công bình của đức tin”. Chúng ta thấy được những điểm tương phản trong tóm tắt dưới đây:

- Sự Công Bình của Luật Pháp

Chỉ dành cho người Do Thái
Căn cứ trên việc làm
Công bình riêng
Không thể cứu được
Ra sức vâng lời Chúa
Dẫn đến sự kiêu ngạo

- Sự Công Bình của Đức Tin

Dành cho “bất cứ người nào”
Đến chỉ bởi đức tin
Công bình của Đức Chúa Trời
Mang đến ơn cứu rỗi
Đến với Chúa
Làm vinh hiển Đức Chúa Trời

Giải thích xong các nguyên nhân dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ sự công bình của Đức Chúa Trời, Phao-lô đi đến khía cạnh kế tiếp của vấn đề.

2. Phương thuốc chữa trị sự chối bỏ của họ (Ro 10:14-17)

Phân đoạn này thường dùng làm nền tảng cho chương trình truyền giảng của Hội Thánh, và đúng như vậy, nhưng bài học ứng dụng trước tiên dành cho dân Y-sơ-ra-ên. Cách duy nhất để người Do Thái có thể được cứu ấy là do kêu cầu Chúa. Nhưng trước khi họ có thể kêu cầu Ngài, họ phải tin. Đối với người Do Thái, điều này có nghĩa tin rằng Chúa Giê-xu Christ ở Na-xa-rét thật sự là Con Đức Chúa Trời và là Đấng Mê-si-a của dân tộc Y-sơ-ra-ên. Điều đó cũng có nghĩa là tin vào sự chết và sống lại của Ngài (Ro 10:9-10). Nhưng để tin, họ phải nghe Lời Kinh Thánh, vì chính Lời Chúa tạo dựng đức tin trong lòng người nghe (10:17). Điều này có nghĩa là người rao giảng Lời Chúa phải được sai đến, và chính Chúa là Đấng sai phái. Ở đây có thể Phao-lô đã nhớ lại ơn Chúa kêu gọi ông rao giảng Lời Chúa cho dân ngoại (Cong 13:1-3).

Lời trích dẫn trong Ro 10:15 tìm thấy trong Es 52:7 và Na 1:15. Sự kiện nêu trong sách Na-hum có liên quan đến đế quốc A-sy-ri bị tàn diệt, kẻ thù đáng ghét của dân Do Thái. Ni-ni-ve là thành phố quan trọng của dân A-sy-ri, một thành phố gian ác mà Đức Chúa Trời đã sai tiên tri Giô-na đến rao ra lời tiên tri trước khi Na-hum viết sách khoảng 150 năm. Đức Chúa Trời

đã nhin nhục với dân thành Ni-ni-ve, nhưng bây giờ cơn đoán phạt của Ngài sắp đổ xuống. Sứ giả đã mang đến cho dân Do Thái cũng chính “tin tức tốt lành” này, và điều này làm cho bàn chân của ông trở nên tốt đẹp biết bao.

Tiên tri Ê-sai dùng câu nói này cho biến cố tương lai - biến cố Đấng Christ trở lại và lập nước vinh hiển của Ngài. “Đức Chúa Trời ngợi trị vì!” (Es 52:7-10). Sứ giả có bàn chân đẹp để rao báo rằng Đức Chúa Trời đã đánh bại các kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên và Đấng Mê-si-a đang trị vì tại Giê-ru-sa-lem.

Nhưng Phao-lô dùng lời trích dẫn vào bài học ứng dụng trong hiện tại: ngày nay các sứ giả Phúc Âm mang Tin Lành đến cho dân Y-sơ-ra-ên. “Bình an” được nói đến là “sự hoà thuận với Đức Chúa Trời” (Ro 5:1) và là sự bình an Đấng Christ đã tác động giữa dân Do Thái và dân ngoại bởi sự hiệp một Thân, là Hội Thánh (Eph 2:13-17). Phương thuốc chữa sự chối bỏ của dân Y-sơ-ra-ên là nghe Lời rao giảng của Phúc Âm và tin vào Chúa Giê-xu Christ.

Es 53:1 là lời trích dẫn tiếp theo của Phao-lô, chứng tỏ không phải tất cả dân Y-sơ-ra-ên đều sẽ vâng Lời Ngài. Câu Kinh Thánh giới thiệu một trong những chương vĩ đại nhất trong Cựu Ước nói về Đấng Mê-si-a. Theo truyền thuyết, các học giả Do Thái đã áp dụng Es 53:1-12 cho dân Y-sơ-ra-ên hơn là cho Đấng Mê-si-a nhưng nhiều ra-bi cổ xưa nhìn thấy trong chương sách này hình ảnh một Đấng Mê-si-a chịu đau đớn thay cho tội lỗi của nhiều người. (Cong 8:26-40). Trong thời của tiên tri Ê-sai, người ta không tin Lời Đức Chúa Trời, ngày nay họ cũng không tin. Gi 12:37-41 dẫn chứng Es 53:1 để giải thích thế nào dân sự thấy các phép lạ của Đấng Christ nhưng vẫn không chịu tin. Vì họ không tin, nên sự phán xét giáng trên họ và họ không thể tin được.

Hãy lưu ý tin nhận Đấng Christ không những là vấn đề tin mà thôi, nhưng còn là chuyện vâng lời nữa. Không tin vào Đấng Christ là không vâng phục Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời “ra lệnh các ngươi trong mọi nơi phải ăn năn” (Cong 17:30). Ro 6:17 cũng coi “việc tin” tương đương với “việc vâng lời”. Đức tin thật phải đặng đến lý trí và kết quả là đời sống được đổi mới.

Chúng ta đừng bao giờ đánh giá thấp việc truyền giảng ngoài phạm vi Hội Thánh. Trong khi phân đoạn này đề cập chủ yếu đến dân Y-sơ-ra-ên, thì nó cũng áp dụng cho tất cả linh hồn hư mất trên khắp thế giới. Họ không thể được cứu nếu không kêu cầu Chúa Giê-xu Christ. Nhưng Chúa cũng không thể cứu được họ nếu họ không tin. Đức tin đến bởi sự người ta nghe, vì thế họ phải nghe sứ điệp. Họ sẽ nghe như thế nào? Sứ giả phải đến mang sứ điệp đến với họ. Nhưng điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời phải kêu gọi sứ giả và sai phái sứ giả. Quả là một đặc ân khi làm một trong những sứ giả của Ngài và có được bàn chân tốt đẹp!

Khi tôi viết chương này, điện thoại trong phòng tôi reo vang và một trong những doanh nhân trong Hội Thánh chúng tôi báo cho biết một linh hồn đã trở lại tiếp nhận Đấng Christ. Người gọi điện cho tôi đã gặp phải những nan đề nghiêm trọng cách đây vài năm và tôi đã giúp được ông ta. Kể từ thời gian ấy, ông ta đã dẫn đưa nhiều người đến với Đấng Christ, kể cả một số nhân viên trong văn phòng ông ta. Cú điện thoại của ông đem đến cho tôi một tin vui, ông cho biết một trong những cộng sự của ông ta đã dắt dẫn người bạn đến với Đấng Christ, một phép lạ khác trong chuỗi sự kiện thuộc linh liên tục xảy ra ba năm nay. Bạn tôi có bàn chân tốt đẹp, và ông chia sẻ Tin mừng Phúc Âm tại bất cứ nơi nào ông đặt chân đến.

Một số trong chúng ta chia sẻ tin mừng này tại nhà, nhưng những người khác được sai đến những vùng xa xôi. Mặc dầu một số nhà không tiếp nhận, nhưng vẫn có nhiều gia đình mở cửa đón tiếp Phúc Âm nhiều hơn trước đây và chúng ta có được nhiều công cụ tốt hơn trong việc rao giảng Tin Mừng. Bạn tôi Tiến sĩ E. Meyers Harrison, một cựu truyền giáo và giáo sư

môn truyền giáo, nói rằng có bốn nguyên do tại sao Hội Thánh phải sai phái giáo sĩ: (1) mệnh lệnh từ trên cao - hãy đi khắp thế gian...” (Mac 16:15) (2) tiếng kêu khóc từ bên dưới - “hãy sai anh ta đến với nhà cha tôi” (Lu 16:27) (3) tiếng gọi từ bên ngoài - “hãy qua cứu giúp chúng tôi” (Cong 16:9) và (4) sự nài ép từ bên trong - “tình yêu của Đấng Christ thúc thúc chúng tôi” (ICo 5:14).

Phao-lô còn bàn đến khía cạnh thứ ba trong sự từ chối của dân Y-sơ-ra-ên.

3. Kết quả của việc họ từ chối (Ro 10:18-21)

Có ba kết quả, mỗi kết quả được soi sáng bằng một dẫn chứng trong Cựu Ước.

a. *Dân Y-sơ-ra-ên phạm tội* (Ro 10:18) - Có lẽ vài người sẽ tranh luận với Phao-lô: “Nhưng làm thế nào ông biết được dân Y-sơ-ra-ên thật sự đã nghe?” Chắc chắn lời đáp của ông nằm trong Thi 19: 4 một thi-thiên nhấn mạnh đến việc Đức Chúa Trời bày tỏ Ngài ra trong thế gian. Đức Chúa Trời bày tỏ chính mình Ngài qua sự sáng tạo (Thi 19:1-6) và qua Lời của Ngài (Thi 19:7-11). “Sách thiên nhiên” và “Sách Mặc Khải” đi đôi với nhau và rao ra sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Dân Y-sơ-ra-ên có được lợi ích về cả hai quyển sách, vì họ nhìn thấy Đức Chúa Trời hành động qua thiên nhiên và nhận lãnh lời Đức Chúa Trời đã chép. Dân Y-sơ-ra-ên đã nghe, nhưng họ không chú ý. Chẳng có gì ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu thường phán với đoàn dân đông, “Ai có tai mà nghe hãy nghe !”

b. *Sứ điệp gọi đến cho Dân Ngoại* (Ro 10:19-20) - Ân điển thật lạ lùng ! Khi dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ Đấng Mê-si-a của họ, Đức Chúa Trời sai phái sứ giả mang Phúc Âm đến cho dân ngoại để họ có thể được cứu. Điều này được Môi-se báo trước trong Phu 32:21. Phao-lô đã nhắc đến chân lý này từ trước trong Ro 9:22-26. Một lý do tại sao Đức Chúa Trời gọi Phúc Âm đến cho dân ngoại là họ có thể khích động dân Do Thái tranh đua (Ro 10:19 11:11). Đó là hành động ân điển dành cho cả người Do Thái và người ngoại bang. Tiên tri Ê-sai cũng đã tiên báo rằng Đức Chúa Trời sẽ cứu dân ngoại (Es 65:1).

Khi nghiên cứu Tân Ước bạn sẽ khám phá ra rằng “trước cho người Do Thái” là nguyên tắc hoạt động chính yếu. Chúa Giê-xu bắt đầu chức vụ của Ngài với người Do Thái. Ngài không cho phép môn đệ Ngài giảng đạo cho người ngoại bang hoặc người Sa-ma-ri khi Ngài sai họ thực hiện chuyến ra đi truyền giáo đầu tiên (Mat 10:1-6). Sau khi Ngài sống lại, Ngài yêu cầu họ chờ đợi trong thành Giê-ru-sa-lem và bắt đầu chức vụ của họ tại đó (Lu 24:46-49 Cong 1:8). Trong bảy chương đầu tiên của sách Công-vụ, chức vụ của các môn đệ chỉ dành cho người Do Thái mà thôi, hoặc cho những người ngoại bang đã theo đạo Do Thái. Nhưng khi dân sự ném đá Ê-tiên và cơn bắt bớ nổ ra, Đức Chúa Trời sai người đem Phúc Âm đến cho người Sa-ma-ri (Cong 8:1-8), và sau đó cho người ngoại bang (Cong 10:1-48).

Tín hữu người Do Thái kinh ngạc khi Phi-e-rô đi đến với người ngoại bang (Cong 11:1-18). Nhưng ông giải thích rằng chính Đức Chúa Trời sai ông và Ngài dạy cho ông biết rõ rằng cả người Do Thái và ngoại bang đều được cứu cùng một cách - bởi tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Nhưng sự phản đối của những người Do Thái theo luật pháp quá mạnh đến nỗi Hội Thánh phải triệu tập một hội đồng để thảo luận vấn đề đang tranh cãi. Nội dung cuộc họp hội đồng này được chép trong Cong 15:1-33. Kết cuộc của cuộc bàn thảo đó là người Do Thái và ngoại bang tất cả đều được cứu bởi tin nơi Đấng Christ, và kết luận rằng người ngoại bang không cần phải trở thành người Do Thái trước khi trở thành Cơ Đốc nhân.

c. *Đức Chúa Trời vẫn hướng về dân sự của Ngài* (Ro 10:21) - Lời này trích dẫn trong Es 65:2. Chắc chắn “Trộn ngày dài” liên hệ đến “ngày cứu rỗi” trong thời hiện tại hoặc thời ân điển chúng ta đang sống. Trong khi dân Y-sơ-ra-ên là đất nước bị loại ra ngoài, cá nhân người Do Thái có thể được cứu và đang được cứu. Cụm từ “trộn ngày dài” khiến chúng ta nghĩ đến

chức vụ của Phao-lô dành cho người Do Thái ở Rô-ma khi ông đến đó làm người tù. “Từ sáng đến chiều tối” Phao-lô trình bày Phúc Âm cho họ và thuyết phục họ rằng Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a (Cong 28:23). Qua Phao-lô, Đức Chúa Trời giang rộng cánh tay yêu thương Ngài đến với người không vâng lời Ngài, hướng về họ và kêu gọi họ trở lại. Lòng nhân từ của Đức Chúa Trời đối cùng dân ngoại chẳng đổi thay tình yêu của Ngài dành cho người Do Thái.

Đức Chúa Trời muốn sử dụng chúng ta chia sẻ Phúc Âm cho cả người Do Thái và ngoại bang. Đức Chúa Trời có thể dùng đôi chân và đôi tay chúng ta như Ngài đã dùng Phao-lô. Chúa Giê-xu Christ khóc về thành Giê-ru-sa-lem và mong mọi tập hợp dân sự Ngài lại trong cánh tay Ngài! Thay vào đó, cánh tay Ngài phải giang ra trên thập tự giá nơi Ngài bằng lòng chết thay cho người Do Thái cũng như ngoại bang. Đức Chúa Trời nhin nhục chờ đợi không muốn cho người nào chết mất nhưng muốn mọi người ăn năn” (II Phi 3:9).

Lòng kiên nhẫn của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên sẽ phai nhạt chăng? Có tương lai nào dành cho đất nước này không? Vâng có, như chúng ta sẽ thấy trong chương kế tiếp.

11. ĐỨC CHÚA TRỜI KHÔNG CẮT ĐỨT LIÊN HỆ VỚI DÂN Y-SƠ-RA-ÊN SAO! (Rô 11:1-36)

Trải qua nhiều thế kỷ con người đã bị dân Y-sơ-ra-ên gây bối rối. Chính quyền Rô-ma thừa nhận Do thái giáo, nhưng vẫn gọi đất nước này là secta nefaria - “một tôn giáo bất chính”. Đại sử gia Arnold Toynbee xếp dân Y-sơ-ra-ên vào hạng “nền văn minh hoá thạch” và không biết phải làm gì với nền văn minh ấy. Vì lý do nào đó, đất nước không phù hợp với những quan điểm về lịch sử.

Phao-lô dành trọn Rô-ma chương 11 để đưa ra chứng cứ cho thấy Đức Chúa Trời không cắt đứt quan hệ với dân Y-sơ-ra-ên. Chúng ta không nên áp dụng chương này cho Hội Thánh ngày nay, vì Phao-lô muốn bàn đến một tương lai đích thực dành cho một dân tộc. Ông gọi năm nhân chứng để minh chứng có một tương lai dành cho người Do Thái nằm trong chương trình của Đức Chúa Trời.

1. Chính Phao-lô (11:1)

“Đức Chúa Trời có bỏ dân Ngài chăng? Chẳng hề như vậy! Vì chính tôi là dân Y-sơ-ra-ên!” Nếu Đức Chúa Trời bỏ dân Ngài, làm thế nào có thể giải thích sự tin đạo của Sứ đồ Phao-lô? Sự kiện trở lại đạo của Phao-lô được nêu ra ba lần trong Sách Công Vụ thật là quan trọng (chương 9,22,26). Chắc chắn Bác sĩ Lu-ca không viết các chương này và lập lại các chương này chỉ để đề cao Phao-lô. Không phải vậy, các chương này được viết ra để bày tỏ sự tin đạo của Phao-lô là một minh họa về việc dân Y-sơ-ra-ên trở lại đạo trong tương lai. Phao-lô tự xưng ông là “thai sanh non” (ICo 15:8). Trong ITi 1:16 Phao lô viết rằng Đức Chúa Trời đã cứu ông “Chúa Giê-xu Christ tỏ mọi sự nhin nhục của Ngài ra trong ta là kẻ làm đầu để dùng ta làm gương cho những kẻ sẽ tin Ngài được sự sống đời đời.”

Chuyện kể về sự tin đạo của Phao-lô cho chúng ta biết ngày nay ít có điểm tương đồng trong kinh nghiệm cứu rỗi của chúng ta. Chắc chắn không ai trong chúng ta thấy Đấng Christ trong vinh quang hoặc thực sự nghe tiếng Ngài phán từ trời cả. Chúng ta cũng không bị ánh sáng từ trời làm mù mắt hoặc bị ngã xuống đất. Vậy thì bằng cách nào sự tin đạo của Phao-lô lại là “một kiểu mẫu”? Đó là bức tranh cho thấy cách nào dân Y-sơ-ra-ên được cứu khi Chúa Giê-xu Christ trở lại thiết lập Nước Ngài trên đất. Các chi tiết về việc dân Y-sơ-ra-ên được phục hồi và cứu rỗi chép trong Xa 12:10-13. Dân Y-sơ-ra-ên sẽ thấy Ngài khi Ngài trở lại (Xa 14:4 Cong 1:11 Kh 1:7), họ nhận biết Ngài là Đấng Mê-si-a, họ ăn năn và tin nhận Ngài. Họ

sẽ có từng trải tương tự như Sau-lơ người Tạt-sơ đã kinh nghiệm lúc ông đang trên đường đến Đa-mách để bắt bớ người tin theo Chúa (Cong 9:1-43).

Đây là lý do tại sao Phao-lô dùng chính ông làm nhân chứng đầu tiên. Việc ông được cứu không minh chứng sẽ có một tương lai cho dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng đúng hơn, điều quan trọng ở chỗ nói đến phương cách ông được cứu.

2. Tiên tri Ê-li (Ro 11:2-10)

Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời Ngài biết trước về họ, hoặc đã chọn họ, và họ là của Ngài. Việc gần như khắp đất nước chối bỏ Chúa Giê-xu Christ không nói lên bằng chứng nào cho thấy Đức Chúa Trời đã xong công việc với dân Y-sơ-ra-ên. Trong thời của ông, tiên tri Ê-li nghĩ rằng dân Y-sơ-ra-ên đã hoàn toàn lìa bỏ Đức Chúa Trời (IVua 19:1-21). Nhưng Ê-li khám phá ra rằng Đức Chúa Trời còn để dành một số người tin Chúa thật. Ông nghĩ rằng ông là người Do Thái duy nhất còn trung thành với Chúa nhưng Chúa cho ông biết còn có đến 7.000 người kính sợ Chúa.

Phao-lô đề cập đến “số người còn sót lại” này trong Ro 9:27 trích từ Es 10:22-23. Chẳng có thời điểm nào toàn thể dân Y-sơ-ra-ên thực sự thuộc về Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời tạo nên khoảng cách giữa con cháu về phần xác và phần thiêng liêng của Áp-ra-ham (Ro 2:25-29). Việc dân Do Thái dự phần trong giao ước thực hiện bởi phép cắt bì không bảo đảm cho sự cứu rỗi của họ. Giống như Áp-ra-ham, họ phải tin nhận Đức Chúa Trời để nhận lãnh sự công bình của Ngài (Ro 4:1-5).

Hãy lưu ý rằng số người còn sót lại này được cứu bởi ân điển chứ không do việc làm (11:5-6). Cũng lưu ý điểm tương đồng trong Ro 9:30-33. Ân điển và việc làm không thể đem trộn lẫn với nhau được, vì cái này sẽ gây hại cho cái kia. Vấn đề chính yếu dân Y-sơ-ra-ên quan tâm đến ấy là luôn luôn cố tìm cách dùng việc làm để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời (Ro 9:30-10:4). Dân sự chối bỏ sự công bình của Đấng Christ, giống như ngày nay những người tự cho mình là công bình từ chối vậy.

Nếu một số người còn sót lại được cứu, điều đó chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời không cắt đứt quan hệ với dân sự Ngài, vậy điều gì đã xảy ra cho phần còn lại của dân sự? Tấm lòng của họ bị chai cứng (bản dịch đúng hơn là “bị mù” trong Ro 11:7). Đây là kết quả của việc họ chống lại chân lý, giống như lòng của vua Pha-ra-ôn chai cứng vì ông chống lại chân lý. Phao-lô trích dẫn Es 29:10 để làm sáng tỏ câu nói của ông, và ông cũng đề cập đến Phu 29:4. Chúng ta sẽ chờ đợi một nhà lãnh đạo tà giáo tự làm cứng lòng chống nghịch lại Chúa, nhưng chúng ta không mong đợi dân sự của Đức Chúa Trời làm như vậy.

Câu 9 và 10 được trích từ Thi 69:22-23. Thi-thiên này là một trong những Thi-thiên quan trọng nhất nói về Đấng Mê-si-a và được nhắc đến vài lần trong Tân Ước. Đặc biệt lưu ý các câu Ro 11:4,9,21,22. “Bàn tiệc của họ trở nên bầy” có nghĩa các phước hạnh của họ trở thành gánh nặng và sự đoán phạt. Đây là những gì đã xảy ra cho dân Y-sơ-ra-ên: đáng lẽ các phước hạnh của họ đã dẫn đưa họ đến với Đấng Christ, nhưng thay vào đó chúng trở nên cái bẫy ngăn trở họ đến với Đấng Christ. Chính những tập tục và lễ nghi tôn giáo trở nên những điều thay thế cho kinh nghiệm thật của sự cứu rỗi. Buồn thay, ngày nay nhiều người cũng vấp phạm cùng một sai lầm này khi họ dựa vào những hình thức và tập tục tôn giáo thay vì tin cậy vào Đấng Christ làm hình bóng trong các hoạt động này.

Phao-lô nói rõ sự cứng lòng của dân Y-sơ-ra-ên không hoàn toàn cũng không tận cùng, và đây là bằng chứng cho thấy Đức Chúa Trời có một tương lai cho dân tộc. “Một phần dân Y-sơ-ra-ên đã sa vào sự cứng lòng, cho đến chừng nào số dân ngoại nhập vào được đầy đủ” (Ro 11:25). Số tín hữu Do Thái còn sót lại hiện hữu ngày nay, như trong thời tiên tri Ê-li, là bằng

chứng cho thấy Đức Chúa Trời vẫn có chương trình cho dân sự của Ngài. Phao-lô không bắt chước sai lầm của Ê-li đề rồi nói “Chỉ còn mình tôi!”. Ông biết rằng có một số còn sót lại trong dân Y-sơ-ra-ên là những người tin cậy Đức Chúa Trời trong thế giới ngày nay.

3. Người ngoại bang (Ro 11:11-15)

Trong Ro 2:1-3 Phao-lô dùng dân ngoại để chứng tỏ người Do Thái phạm tội, nhưng ở đây ông dùng dân ngoại để bảo đảm cho dân Y-sơ-ra-ên về sự khôi phục trong tương lai. Lập luận của ông ở đây thật đẹp. Khi dân Do Thái chối bỏ Phúc Âm, Đức Chúa Trời sai sứ giả mang Phúc Âm đến cho dân ngoại, họ tin và được cứu. Ba bi kịch xảy ra trong dân Y-sơ-ra-ên: đất nước sa ngã (Ro 11:11), bị thua sút (11:12, “bị nhục”), và bị dứt bỏ (11:15). Không có lời nào trong những lời này cho thấy có sự phán xét cuối cùng trên dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng điều ngạc nhiên đó là qua sự sa ngã của dân Y-sơ-ra-ên, sự cứu rỗi mới đến với người ngoại bang. Đức Chúa Trời hứa rằng dân ngoại sẽ được cứu (Ro 9:25-26) và Ngài giữ lời phán hứa của Ngài. Ngài cũng sẽ không giữ lời hứa của Ngài đối với dân Do Thái sao?

Hiểu rằng những lời hứa trong Cựu Ước đối với dân ngoại được nối kết với sự “trỗi dậy” của dân Y-sơ-ra-ên là điều thật quan trọng - dân Y-sơ-ra-ên sẽ bước vào trong vương quốc của mình. Các lời tiên tri giống như Tiên tri Es 11:1-16 và 60:1-22 dạy rõ rằng dân ngoại sẽ có phần trong nước của Y-sơ-ra-ên. Nhưng dân Y-sơ-ra-ên không “trỗi dậy” nó sa ngã ! Lúc ấy Đức Chúa sẽ làm gì với dân ngoại? Đức Chúa Trời đưa ra một nhân tố mới - là Hội Thánh - trong Hội Thánh ấy những người tin là người Do Thái và dân ngoại hiệp làm một trong Đấng Christ (Eph 2:11-22). Trong Eph 3:1-21, Phao-lô gọi chương trình này là “sự mầu nhiệm”, nghĩa là “điều bí mật thiêng liêng” không có bày tỏ trong Cựu Ước. Có phải điều này có nghĩa Đức Chúa Trời đã bỏ chương trình lập Nước Ngài cho dân Y-sơ-ra-ên chăng? Dĩ nhiên là không ! Dân Y-sơ-ra-ên chỉ bị để riêng ra cho đến khi thì giờ chương trình của Đức Chúa Trời dành cho dân Y-sơ-ra-ên được ứng nghiệm.

Phao-lô nói rằng người ngoại bang có một sứ mạng tối quan trọng đối với dân Y-sơ-ra-ên. Ngày nay, dân ngoại giục lòng dân Y-sơ-ra-ên “ganh tị” (Ro 10:19) vì sự giàu có thuộc linh họ có được trong Đấng Christ. Ngày nay dân Y-sơ-ra-ên bị phá sản thuộc linh, trong khi các con cái Chúa có “đủ mọi thứ phước thiêng liêng” trong Đấng Christ (Eph 1:3). (Nếu một người Do Thái chưa được cứu đến thăm một buổi lễ thờ phượng đơn điệu, liệu anh ta có được giục lòng ganh tị và ao ước những gì chúng ta đang có chăng - hoặc anh ta có được giục lòng không?).

Có một tương lai dành cho dân Y-sơ-ra-ên. Phao-lô gọi đó là “sự thanh vượng của họ” (Ro 11:12) và “sự nhận trở lại” (11:15). Ngày nay, dân Y-sơ-ra-ên bị sa ngã thuộc linh, nhưng khi Đấng Christ trở lại, đất nước sẽ trỗi dậy trở lại. Ngày nay, dân Y-sơ-ra-ên bị cách xa khỏi Đức Chúa Trời, nhưng ngày kia họ sẽ được nhận trở lại. Đức Chúa Trời chẳng bao giờ phá bỏ lời giao ước của Ngài đã lập cùng dân sự Ngài, và Ngài đã hứa khôi phục lại đất nước Y-sơ-ra-ên. (Gie 31:35-37 trong đó Đức Chúa Trời nối kết lời hứa của Ngài với dân Y-sơ-ra-ên với qui luật của mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao).

4. Các tổ phụ (Ro 11:16-24)

Từ cái nhìn về tương lai, Phao-lô nhìn trở lại quá khứ để chỉ cho thấy cơ nghiệp thiêng liêng của dân Y-sơ-ra-ên. Từ ban đầu dân Y-sơ-ra-ên là một dân đặc biệt, được Đức Chúa Trời biệt riêng ra. Phao-lô dùng hai hình ảnh minh họa để chứng minh cho lập luận của mình là Đức Chúa Trời không cắt đứt quan hệ với dân Do Thái.

a. *Tặng bột nhồi* (Ro 11:16a) - Ở đây nhắc đến Dan 15:17-21. Phần đầu tiên của bột nhồi phải dâng lên cho Đức Chúa Trời làm biểu tượng toàn thể bột nhồi thuộc về Ngài. Ý tưởng này được nhắc đến trong lễ Đầu Mùa, khi ấy thầy tế lễ dâng một bó lúa lên cho Chúa làm dấu hiệu cho biết toàn mùa gặt là của Ngài (Le 29:9-14). Ý tưởng cơ bản đó là khi Đức Chúa Trời nhận một phần là Ngài thánh hoá tất cả.

Ứng dụng điều này cho lịch sử Y-sơ-ra-ên, chúng ta hiểu được lập luận của Phao-lô. Đức Chúa Trời thừa nhận người đứng đầu dân tộc, đó là Áp-ra-ham, và Ngài cũng biệt riêng con cháu của ông nữa. Đức Chúa Trời cũng thừa nhận các tổ phụ khác, đó là Y-sác và Gia-cóp, cho dù họ phạm tội hoặc thất bại. Điều này có nghĩa Đức Chúa Trời phải thừa nhận “số bột nhồi còn lại” - tức là dân tộc Y-sơ-ra-ên.

b. *Cây Ô-li-ve* (Ro 11:16b-24) - Đây là biểu tượng về dân tộc Y-sơ-ra-ên (Gie 11:16-17 Os 14:4-6). Xin hãy nhớ rằng Phao-lô không có ý bàn luận về mối quan hệ của tín đồ với Đức Chúa Trời, nhưng ông bàn luận về vị trí của dân Y-sơ-ra-ên trong chương trình của Đức Chúa Trời. Rễ cây làm cho cây vững chắc hơn nữa, đây là biểu tượng nói về các tổ phụ tạo dựng nên dân tộc. Đức Chúa Trời đã lập giao ước với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cóp, và Ngài không thể phủ nhận hoặc thay đổi các giao ước ấy được. Vì vậy, chính lời hứa của Đức Chúa Trời đối cùng Áp-ra-ham ngày cả ngày nay vẫn còn nâng đỡ dân Y-sơ-ra-ên.

Nhiều người Do Thái không tin Phao-lô mô tả họ như hình ảnh các nhánh cây bị gãy lìa khỏi cây. Nhưng ông thấy một điều lạ lùng xảy ra: các nhánh khác được tháp vào cây và nhận lấy nhựa sống của cây. Các nhánh này là những người ngoại bang. Trong câu 24, Phao-lô mô tả việc “tháp vào” như vậy là “trái tự nhiên”. Thường thường một nhánh thuần dưỡng được tháp vào một cây hoang hút nhựa sống của cây ấy nhưng không sanh ra trái xấu của cây hoang. Nhưng trong trường hợp này chính “nhánh cây hoang” (dân ngoại) được tháp vào cây tốt! “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (Gi 4:22).

Nói rằng cây ô-li-ve, với các nhánh tự nhiên và các nhánh tháp của nó là hình ảnh của Hội Thánh sẽ là một sai lầm lớn. Trong Hội Thánh, “không có sự phân biệt nào”, người tin Chúa “hiệp một tất cả trong Chúa Giê-xu Christ” (Ga 3:28). Đức Chúa Trời không nhìn vào các chi thể trong thân thể Đấng Christ và xem họ như là những người Do Thái hoặc người ngoại bang. Cây Ô-li-ve minh họa cho mối liên hệ giữa người Do Thái và dân ngoại trong chương trình của Đức Chúa Trời. “Việc cắt lìa các nhánh cây” tương đương với việc “sa ngã” (Ro 11:11), “sút kém” (11:12), và sự “dứt bỏ” (11:15). Xem hình ảnh minh họa này là vấn đề thuộc về số phận đời đời của cá nhân tín hữu là lạm dụng chân lý Phao-lô đang tìm cách truyền đạt.

Phao-lô báo trước cho dân ngoại biết rằng họ bắt buộc phải gắn liền với dân Y-sơ-ra-ên, do đó họ không thể khoe mình về địa vị thuộc linh mới mẻ của mình (Ro 11:18-21). Dân ngoại bước vào chương trình của Đức Chúa Trời do đức tin, chứ không vì họ đã làm bất cứ việc tốt lành nào. Phao-lô có ý bàn luận về dân ngoại theo tính cách tập thể chứ không theo kinh nghiệm cá nhân của tín hữu này hay tín hữu khác.

Theo lời tiên tri trong Kinh Thánh, Hội Thánh dân ngoại bày tỏ đức tin nơi Đấng Christ sẽ bị “cắt bỏ” vì bội đạo là điều đáng phải biết. Trong ITi 4:1-16 và IITi 3:1-17, cùng với IITe 2:1-17 cho chúng ta thấy rằng Hội Thánh xưng mình có đức tin sẽ lìa bỏ đức tin trong ngày cuối cùng. Chẳng có sự trông cậy dành cho Hội Thánh bội đạo, nhưng có trông cậy cho dân Y-sơ-ra-ên bội đạo! Tại sao vậy? Vì rễ của cây ô-li-ve. Đức Chúa Trời sẽ giữ lời hứa Ngài đối với các tổ phụ, nhưng Đức Chúa Trời sẽ cắt bỏ dân ngoại bang vì họ không tin.

Cho dù dân Y-sơ-ra-ên có đi sai lạc xa cách chân lý của Đức Chúa Trời bao nhiêu chăng nữa, gốc rễ vẫn tốt đẹp. Đức Chúa Trời vẫn là “Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa

Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp” (Mat 22:23 Xu 3:6). Ngài sẽ gìn giữ lời hứa Ngài đối với các tổ phụ. Điều này có nghĩa là cây ô-li-ve sẽ tươi tốt trở lại!

5. Chính Đức Chúa Trời (Ro 11:25-36)

Phao-lô để dành người chứng tốt nhất vào phút cuối. Ông chứng minh rằng chính thuộc tính và công việc của Đức Chúa Trời có liên quan đến tương lai của dân Y-sơ-ra-ên. Con người có thể tranh luận về lời tiên tri và có những lý giải khác biệt, nhưng hãy để mọi người nhận biết rằng họ đang bàn luận về dân sự của Đức Chúa Trời, dân Y-sơ-ra-ên.

a. *Thời điểm của Đức Chúa Trời* (Ro 11:25) - Những gì đã xảy ra cho dân Y-sơ-ra-ên là một phần trong chương trình của Đức Chúa Trời, và Ngài biết Ngài đang làm gì. Sự đui mù (cứng lòng) của dân Y-sơ-ra-ên trong tư thế một dân tộc không phải là toàn diện hay cuối cùng đó chỉ có tính cách cục bộ và tạm thời. Sẽ kéo dài trong bao lâu? “Cho đến chừng nào số dân ngoại nhập vào được đầy đủ” (Ro 11:25). Có “sự đầy đủ” cho dân Y-sơ-ra-ên (11:12) và cho dân ngoại. Ngày nay, Đức Chúa Trời viếng thăm dân ngoại trong ân điển và lấy ra một dân cho danh Ngài (Cong 15:12-14). Dĩ nhiên, cá nhân người Do Thái đang được cứu nhưng thời đại hiện tại là thời kỳ Đức Chúa Trời đang thăm viếng dân ngoại và xây dựng Hội Thánh Ngài. Khi thời đại hiện tại đến hồi kết thúc, và số dân ngoại nhập vào được đầy đủ, lúc ấy Đức Chúa Trời sẽ đoái thương đến dân Y-sơ-ra-ên một lần nữa.

Ro 11:25 là một trong một số “câu cho đến khi” trong Kinh Thánh, tất cả các câu này thật quan trọng. Hãy đọc Mat 23:32-39 Lu 21:24 Thi 110:1 để biết thêm những ý này. Chắc chắn Đức Chúa Trời biết thì giờ và Ngài chẳng chậm trễ làm ứng nghiệm ý muốn của Ngài.

b. *Lời hứa của Đức Chúa Trời* (Ro 11:26) - Lời nhắc đến ở đây là Es 59:20-21 và bạn nên đọc Es 60:1-22 để thấy trọn bức tranh. Đức Chúa Trời đã hứa cứu dân Ngài, và Ngài giữ lời hứa của Ngài. Có nhiều người giải nghĩa điều này có nghĩa là Phúc Âm cứu rỗi dành cho các cá nhân, nhưng tôi tin chắc rằng đáng tiên tri Ê-sai suy nghĩ đến sự tin đạo của một dân tộc. “Tất cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu” không có nghĩa là mọi người Do Thái sanh ra đều trở lại đạo, nhưng có nghĩa những người Do Thái đang sống sẽ thấy Đấng Cứu Chuộc, nhận Ngài, và được cứu khi Ngài trở lại. Xa 12:1-13:9 cho biết rõ các chi tiết này. Theo tôi dường như trong các lời tiên tri Cựu Ước chúng ta có quá nhiều chi tiết nói về sự khôi phục đất nước Y-sơ-ra-ên đến nỗi không thể xem các lời ấy có ý nghĩa thuộc linh và áp dụng cho Hội Thánh ngày nay.

c. *Giao ước của Đức Chúa Trời* (Ro 11:27-28). Dĩ nhiên đây là sự tiếp nối lời trích dẫn trong Es 59:1-21 nhưng điểm nhấn mạnh nhằm vào giao ước của Đức Chúa Trời lập với dân Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời đã chọn dân Y-sơ-ra-ên trong ân điển Ngài chớ không vì bất cứ công trạng nào của họ (Phu 7:6-11 9:1-6). Nếu dân Y-sơ-ra-ên không được Đức Chúa Trời chọn lựa do việc tốt lành của họ, dân tộc ấy có thể bị bỏ vì tội lỗi không? “Sự lựa chọn” có nghĩa là ân điển, chớ không phải công giá. Người Do Thái là “nghịch thù” đối với các tín hữu ngoại bang vì họ có thái độ thù địch với Phúc Âm. Nhưng đối với Đức Chúa Trời, người Do Thái “được yêu thương bởi các tổ phụ”. Đức Chúa Trời sẽ không phá bỏ giao ước đã lập cùng Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.

d. *Bản thể của Đức Chúa Trời* (Ro 11:29) - “Ta là Đức Giê-Hô-Va, Ta không hề thay đổi” (Ma 3:6) “Đức Chúa Trời không phải là con người để Ngài nói dối cũng không phải là loài xác thịt để Ngài phải ăn năn (Dan 23:19). Những gì Đức Chúa Trời ban cho Y-sơ-ra-ên, và việc Ngài kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên không thể thu hồi lại và không thể thay đi, nếu không Đức Chúa Trời sẽ không còn thành thực với bản thể trọn vẹn của Ngài. Việc dân Y-sơ-ra-ên không hưởng được các sự ban cho, hoặc không sống theo các đặc ân làm tuyền dân, không

có ảnh hưởng đến điều này chút nào. Đức Chúa Trời sẽ nhất quán với chính Ngài và thành tín với Lời của Ngài cho dù con người có làm gì đi nữa. “Sự không thành tín của họ có làm cho sự không thành tín của Đức Chúa Trời ra hư không sao?” (Ro 3:3).

e. *Ân điển của Đức Chúa Trời* (11:30-32) - Phao-lô nói, “Vì sự không tin của người Do Thái, anh em là người ngoại bang đã được cứu. Vậy bây giờ bởi sự cứu rỗi của anh em dân Y-sơ-ra-ên sẽ biết Đấng Christ”. Hãy lưu ý rằng Phao-lô nhiều lần nhắc những người ngoại bang đã được cứu nhớ rằng họ có sự ràng buộc thiêng liêng đối với dân Y-sơ-ra-ên để “giục lòng ganh tị nơi họ” (Ro 10:19 11:11,14). Sự cứng lòng của dân Y-sơ-ra-ên chỉ “một phần” (Ro 11:25), có nghĩa là người Do Thái có thể được cứu theo từng cá nhân. Đức Chúa Trời đã gồm tóm “tất cả mọi người trong sự không tin” - người Do Thái và dân ngoại - để tất cả có thể có cơ hội được cứu bởi ân điển. “Chẳng có sự khác biệt nào”. Nếu ngày nay Đức Chúa Trời có thể cứu người Do Thái bởi ân điển và lòng thương xót của Ngài, vậy Ngài không thể cứu họ trong tương lai sao?

Chúng ta phải nhớ rằng Đức Chúa Trời chọn lựa dân Do Thái để dân ngoại có thể được cứu. “Các chi tộc nơi thế gian sẽ nhờ người mà được phước” đó là lời Đức Chúa Trời phán hứa với Áp-ra-ham (Sa 12:1-3). Bị kịch đó là dân Y-sơ-ra-ên trở nên độc quyền và không chịu chia sẻ chân lý cho người ngoại bang. Họ cho rằng người ngoại bang phải trở nên người Do Thái mới được cứu. Nhưng Đức Chúa Trời tuyên bố rằng cả người Do Thái lẫn ngoại bang đều bị hư mất và bị án phạt. Điều này có nghĩa Ngài có thể bày tỏ lòng thương xót trên tất cả vì sự hi sinh đổ huyết của Đấng Christ trên thập tự giá.

f. *Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời* (Ro 11:33-38) - Sau khi suy gẫm về chương trình cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời dành cho người Do Thái và dân ngoại bang, tất cả những việc Phao-lô có thể làm là dâng lên lời hát ngợi khen Đức Chúa Trời. Như có người đã nhận xét, “Thần học trở thành bài ca ngợi khen!”. Chỉ có Đức Chúa Trời khôn ngoan như Đức Chúa Trời chúng ta mới có thể lấy sự sa ngã của dân Y-sơ-ra-ên và biến nên sự cứu rỗi cho toàn thế giới! Ngài sẽ không bỏ dỡ kế hoạch của Ngài và Ngài cũng không ngừng làm ứng nghiệm chương trình của Ngài. Chẳng có người nào có thể hiểu trọn vẹn tư tưởng của Đức Chúa Trời và càng nghiên cứu đường lối của Ngài, chúng ta càng phải ngợi khen Ngài. Có phải chúng ta kết luận rằng Đức Chúa Trời không biết những gì Ngài đang làm không, và có phải chúng ta cho rằng dân Y-sơ-ra-ên hoàn toàn phá hỏng chương trình của Ngài chẳng? Dĩ nhiên là không! Đức Chúa Trời quá khôn ngoan đến nỗi Ngài không thể lập nên những chương trình mà Ngài không làm ứng nghiệm được. Dân Y-sơ-ra-ên không để cho Ngài cai trị, vì vậy Ngài từ chối họ !

Phao-lô kêu gọi năm nhân chứng, và tất cả họ đều đồng ý: có một tương lai cho dân Y-sơ-ra-ên. Khi dân Y-sơ-ra-ên từ sự “sa ngã” phục hồi trở lại và vào trong sự “trọn vẹn”, lúc ấy thế giới sẽ kinh nghiệm được sự giàu có của ân điển Đức Chúa Trời như chưa bao giờ có từ trước. Khi Chúa Giê-xu Christ trở lại ngôi trên ngôi Vua Đa-vít trị vì Nước Ngài, lúc ấy dân Y-sơ-ra-ên sẽ “được làm hoà” và “được nhận lại”, và điều đó giống như sự sống lại!

12. TƯƠNG GIAOP ĐÚNG CÓ NGHĨA LÀ SỐNG ĐÚNG (Ro 12:1-13:14))

Trong tất cả các bức thư của ông, Phao-lô rút ra một bảng liệt kê các bổn phận thực tế dựa trên nền tảng giáo lý ông đã bàn đến. Trong nếp sống Cơ Đốc, giáo lý và bổn phận luôn luôn đi đôi với nhau. Những gì chúng ta tin giúp quyết định cách chúng ta cư xử. Chúng ta không đủ khôn ngoan để hiểu các lời giải thích về giáo lý của Phao-lô. Chúng ta phải chuyên bài học

của chúng ta thành cách sống và bày tỏ ra trong nếp sống hàng ngày để mọi người thấy rằng chúng ta tin cậy Lời Đức Chúa Trời.

Ý tưởng quan trọng trong phần này là các mối tương giao. Thuật ngữ “thần học tương giao” là một thuật ngữ hoàn toàn mới, nhưng ý tưởng thì không mới. Nếu có mối tương giao đúng đắn với Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ có giao hảo tốt đẹp với con người là một bộ phận trong cuộc sống chúng ta. “Nếu người ta nói rằng, tôi yêu Đức Chúa Trời mà ghét anh em mình, ấy là người nói dối” (IGi 4:20).

1. Mối tương giao của chúng ta với Đức Chúa Trời (Ro 12:1-2)

Đây là chữ “vậy thì” thứ tự trong bức thư. Ro 3:20 có chữ “vậy thì” lên án, tuyên bố rằng cả thế gian đều phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời. Ro 5:1 có chữ “vậy thì” xưng công bình, và Ro 8:1 có chữ “vậy thì” bảo đảm. Trong Ro 12:1 chúng ta có chữ “vậy thì” dâng hiến, và chính sự dâng hiến này là nền tảng cho các mối tương giao khác mà Phao-lô bàn đến trong phần này.

Sự dâng hiến thật là gì? Như Phao-lô mô tả ở đây, sự dâng hiến của Cơ Đốc nhân bao gồm ba bước.

a. *Anh em dâng thân thể mình cho Đức Chúa Trời* (12:1) - Trước khi tin nhận Đấng Christ, chúng ta dùng thân thể mình cho các thú vui và mục đích tội lỗi, nhưng bây giờ chúng ta thuộc về Ngài, chúng ta muốn dùng thân thể mình làm sáng danh Ngài. Thân thể Cơ Đốc nhân là đền thờ của Đức Chúa Trời (ICo 6:19-20) vì Thánh Linh Đức Chúa Trời ngự bên trong người (Ro 8:9). Đó là đặc ân chúng ta có để làm vinh hiển Đấng Christ và tôn cao Ngài qua thân thể chúng ta (Phi 1:20-21).

Giống như Chúa Giê-xu Christ phải mang trên Ngài một thân thể để hoàn thành ý muốn của Đức Chúa Trời trên thế gian, vì vậy chúng ta phải dâng thân thể mình cho Đấng Christ để Ngài có thể tiếp tục công việc của Đức Chúa Trời qua chúng ta. Chúng ta phải dâng các chi thể mình làm “đồ dùng về sự công bình” (Ro 6:13) để Đức Thánh Linh sử dụng thực hiện công tác của Đức Chúa Trời. Các cửa lễ trong Cựu Ước là những cửa dâng chết, nhưng chúng ta phải là những cửa lễ sống.

Trong Kinh Thánh có hai “cửa lễ sống” và chúng giúp chúng ta hiểu điều này có nghĩa thật sự là gì. Cửa lễ thứ nhất là Y-sác (Sa 22:1-19) thứ hai là Chúa Giê-xu Christ của chúng ta. Y-sác bằng lòng dâng chính mình trên bàn thờ chắc chắn đã chết trong sự vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, nhưng Chúa sai một con chiên đực chết thay cho ông. Đúng là Y-sác “đã chết” - Ông đã chết đối với bản ngã và sẵn lòng vâng phục ý chỉ của Đức Chúa Trời. Khi rời khỏi bàn thờ, Y-sác là “một cửa lễ sống” làm sáng danh Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu Christ chúng ta là minh họa trọn vẹn về “cửa lễ sống”, vì Ngài thật sự đã chết làm con sinh tể, vì vâng theo ý muốn của Cha Ngài. Nhưng Ngài đã sống lại và hiện nay Ngài đang ở trên trời làm “cửa lễ sống”, mang trong thân thể Ngài mọi thương tích tại đồi Gô-gô-tha. Ngài là Thầy Tế Thượng phẩm của chúng ta (He 4:14-16) và là Đấng Cầu Thay chúng ta (IGi 2:1) trước ngai Đức Chúa Trời.

Động từ “dâng” trong câu này có nghĩa “dâng một lần đủ cả”. Nó đòi hỏi sự phó thác thân thể chúng ta cho Chúa, giống như cô dâu và chàng rể trong tiệc cưới cam kết phó thác cuộc đời cho nhau. Chính sự phó thác một-lần-đủ-cả này quyết định họ phải làm gì với thân thể của mình. Phao-lô cho chúng ta hai lý do đối với sự phó thác này: (1) đó là sự đáp ứng đúng đắn đối với tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm thay cho chúng ta - “Vậy hỡi anh em tôi lấy lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em...” và (2) sự phó thác này là “sự thờ

phượng phải lễ của chúng ta” hoặc “sự thờ phượng thiêng liêng”. Điều này có nghĩa mỗi ngày là một từng trải trong sự thờ phượng khi thân thể chúng ta được dâng cho Chúa.

b. *Anh em dâng tâm thân mình cho Ngài* (Ro 12:2a) - Thế gian muốn cai trị tâm thân chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời muốn biến đổi tâm thân chúng ta. (Eph 4:17-24 Co 3:1-11). Chữ đổi mới ở đây giống như chữ biến hoá trong Mat 17:2. Nó thừa hưởng chữ “thay đổi hình dáng hay bản chất” trong ngôn ngữ tiếng Anh. Nó mô tả một sự biến đổi bên trong. Thế gian muốn thay đổi tâm trí bạn, vì vậy thế gian tạo ra sức ép từ bên ngoài. Nhưng Đức Thánh Linh biến đổi tâm trí bạn bằng việc ban cho quyền năng từ bên trong bạn. Nếu thế gian cai trị bạn, bạn sẽ là một người làm theo những tiêu chuẩn đã định sẵn nếu Đức Chúa Trời cai trị suy nghĩ của bạn, bạn là người đổi ra mới.

Đức Chúa Trời biến đổi tâm trí chúng ta và dùng lời của Ngài khiến chúng ta có suy nghĩ thiêng liêng. Khi bạn dành thì giờ suy gẫm Lời Đức Chúa Trời, ghi nhớ lời Ngài và làm cho lời Ngài trở nên một phần của con người bề trong của bạn, dần dần Đức Chúa Trời sẽ khiến tâm trí bạn thiêng liêng hơn.

c. *Bạn dâng tâm chí mình cho Đức Chúa Trời* (Ro 12:2b) - Tâm trí của bạn làm chủ thân thể bạn, và ý chí của bạn sẽ làm chủ tâm trí bạn. Nhiều người nghĩ rằng họ có thể làm chủ ý chí của mình bởi “sức mạnh của ý chí”, nhưng thực sự họ đã thất bại. (Đây là kinh nghiệm của Phao-lô ghi lại trong Ro 7:15-21). Chỉ khi chúng ta đầu phục ý muốn của Đức Chúa Trời, quyền năng Ngài mới có thể làm thay chúng ta và ban cho chúng ta sức mạnh muốn làm (và sức mạnh không muốn làm) chúng ta cần có để sống đời sống Cơ Đốc đặc thánh.

Chúng ta dâng các ý muốn của chúng ta lên cho Đức Chúa Trời qua sự cầu nguyện có kỷ luật. Khi để thì giờ cầu nguyện, chúng ta dâng ý muốn chúng ta lên Đức Chúa Trời và cầu nguyện với Chúa rằng, “không theo ý muốn con nhưng xin ý Ngài được nên”. Chúng ta nên cầu nguyện về mọi việc, và hãy để Đức Chúa Trời có chương trình của Ngài trong mọi việc chúng ta.

Trải qua nhiều năm tôi cố tìm cách bắt đầu mỗi ngày bằng cách dâng thân thể mình cho Chúa. Lúc ấy tôi dành thì giờ suy gẫm lời Ngài và để Ngài biến đổi tâm trí tôi và chuẩn bị suy nghĩ của tôi cho một ngày mới. Sau đó tôi cầu nguyện, và dâng các chương trình trong ngày lên cho Ngài để Ngài hành động như Ngài hiểu rõ nhất. Tôi đặc biệt cầu nguyện những nhiệm vụ gây cho tôi lo lắng và phiền muộn - và tôi luôn luôn thấy mình thông suốt. Để có mối tương giao đúng đắn với Đức Chúa Trời, chúng ta nên bắt đầu một ngày bằng cách dâng thân thể, tâm trí và tâm chí chúng ta cho Ngài.

2. Mối tương giao với các tín hữu khác (Ro 12:3-16)

Phao-lô đang viết cho các con cái Chúa thuộc viên các Hội Thánh địa phương tại Rô-ma. Việc Phao-lô mô tả mối tương giao của họ với nhau ám chỉ đến các chi thể trong thân. (Ông dùng hình ảnh giống như vậy trong ICo 12:1-31 và Eph 4:7-16). Ý tưởng căn bản đó là mỗi tín hữu là một phần trong thân thể Đấng Christ, và mỗi người đều có bổn phận thiêng liêng phải thực hiện. Mỗi tín hữu có một ân tứ (hoặc nhiều ân tứ) được dùng để gây dựng Thân Thể và hoàn thiện các chi thể khác trong Thân Thể. Tóm lại, chúng ta thuộc về nhau, nên chúng ta phục vụ nhau và cần đến nhau. Những yếu tố cơ bản trong sứ mạng và sự trưởng thành thuộc linh trong Thân Thể Đấng Christ là gì?

a. *Tâm tình tâm thương* (Ro 12:3) - Mỗi Cơ Đốc nhân phải biết các ân tứ thuộc linh của mình là gì và chức vụ phải tham gia trong Hội Thánh địa phương là gì. Một con cái Chúa nhận ra các ân tứ trong đời sống riêng và trong đời sống người khác là điều đúng đắn. Điểm

sai trái đó là khuynh hướng đánh giá không đúng về bản thân chúng ta. Không có gì gây nguy hại cho Hội Thánh địa phương cho bằng là một tín hữu đánh giá mình quá cao và cố gắng thực hiện công việc vượt quá khả năng. (Thỉnh thoảng điều ngược lại là thật, và người ta tự hạ thấp mình. Cả hai thái độ đều sai.)

Các ân tứ chúng ta có do ân điển của Đức Chúa Trời ban cho. Chúng ta phải nhận lãnh và thực hành các ân tứ ấy bằng đức tin. Chúng ta được cứu “nhờ ân điển, bởi đức tin” (Eph 2:8-9), chúng ta nên sống và phục vụ “nhờ ân điển bởi đức tin”. Vì các ân tứ đến từ Đức Chúa Trời, nên chúng ta không thể nhận lời khen nào từ các ân tứ ấy. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là nhận lãnh các ân tứ ấy và dùng chúng tôn cao danh Ngài. (Xem ICo 15: 10 để biết lời làm chứng của Phao-lô về các ân tứ).

Một lần nọ tôi hầu việc Chúa với hai người đàn ông có thái độ chống đối lại các ân tứ của họ: một người thường xem nhẹ các ân tứ của anh ta và không sử dụng các ân tứ đó, người kia lại khoe khoang về những ân tứ anh ta không có. Thực sự, cả hai người đều phạm tội kiêu ngạo, vì cả hai đều không chịu nhận biết ân điển của Đức Chúa Trời và để cho Ngài được vinh hiển. Môi-se phạm sai lầm tương tự khi Đức Chúa Trời kêu gọi ông (Xu 4:1-13). Khi cá nhân tín hữu trong Hội Thánh biết ân tứ của họ, nhận lãnh các ân tứ ấy bằng đức tin, và dùng ân tứ ấy để làm sáng danh Đức Chúa Trời, lúc ấy Đức Chúa Trời có thể ban phước cách lạ lùng.

b. *Cộng tác cách trung tín* (Ro 12:4-8) - Mỗi tín hữu đều có một ân tứ khác nhau, Đức Chúa Trời ban tặng các ân tứ này để Hội Thánh địa phương có thể phát triển cách quân bình. Nhưng mỗi Cơ Đốc nhân phải lấy đức tin thực hành ân tứ của mình. Có lẽ chúng ta kết quả trong chức vụ của mình, nhưng Đức Chúa Trời nhìn thấy và Ngài ban phước cho chúng ta. Hãy lưu ý rằng “sự thúc đẩy” (sự khích lệ) là một chức vụ thiêng liêng như giảng đạo hay dạy đạo vậy. Bỏ thí và bậy tỏ lòng thương xót cũng là những ân tứ quan trọng. Đối với một số người, Đức Chúa Trời đã ban cho khả năng cai trị, hoặc điều hành một số chức năng khác nhau trong Hội Thánh. Cho dù có được ân tứ nào chúng ta cũng cần phải dâng lên cho Đức Chúa Trời và dùng nó làm ích lợi cho toàn Hội Thánh.

Thật là buồn khi có ai đó đề cao một ân tứ hơn hẳn các ân tứ khác trong Hội Thánh. “Có phải cả thầy là sứ đồ sao? Cả thầy là tiên tri sao? Cả thầy là thầy giáo sao? Cả thầy đều làm phép lạ sao? Cả thầy đều được ơn chữa bệnh sao? Cả thầy đều nói tiếng lạ sao? Cả thầy đều thông giải tiếng lạ sao? (ICo 12:29-30). Câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là không! Và một Cơ Đốc nhân xem nhẹ các ân tứ khác trong khi coi trọng ân tứ của mình là phủ nhận chính mục đích Đức Chúa Trời ban cho các ân tứ ấy: đó là làm ích lợi cho toàn Thân Thể Đấng Christ. “Đức Thánh Linh bày tỏ ra trong mỗi một người, cho ai nấy đều được sự ích chung” (ICo 12:7).

Các ân tứ thuộc linh là công cụ để xây dựng, chớ không phải là đồ chơi hoặc vũ khí tranh cạnh nhau. Trong Hội Thánh tại Cô-rinh-tô, các tín hữu đang phá đổ chức vụ vì họ coi thường các ân tứ thiêng liêng. Họ dùng các ân tứ làm cứu cánh cho chính mình và không làm phương tiện hướng đến mục đích xây dựng Hội Thánh. Họ quá đề cao ân tứ của mình đến nỗi đánh mất đi ân huệ thiêng liêng! Họ có ân tứ Thánh Linh nhưng thiếu mất bông trái Thánh Linh: yêu thương, vui mừng, bình an, v.v... (Ga 5:22-23).

c. *Tham gia trong sự yêu thương* (Ro 12:9-16) - Điểm nhấn mạnh ở đây nhằm vào thái độ của người thực hành ân tứ thiêng liêng. Có thể sử dụng ân tứ thiêng liêng theo cách không thiêng liêng. Phao-lô giải thích cùng quan điểm này trong ICo 13:1-13 “chương nói về tình yêu thương” lạ lùng của Tân Ước. Tình yêu thương là hệ thống tuần hoàn trong Thân thể thiêng liêng, giúp cho các chi thể có thể hoạt động cách khoẻ mạnh, hài hoà. Đây phải là một

tình yêu chân thật chứ không phải đạo đức giả (Ro 12:9) và phải khiêm nhường không lên mình kiêu ngạo (12:10). “Yêu nhau” có nghĩa đối đãi người khác quan trọng hơn chính mình (Phi 2:1-4).

Phục vụ Đấng Christ thường thường có nghĩa là chống lại Sa-tan và những ngày mệt mỏi chán nản. Phao-lô khuyên các độc giả của ông giữ lòng sốt sắng thuộc linh vì họ đang hầu việc Chúa chứ không phải cho người ta. Khi cuộc sống trở nên khó khăn, con cái Chúa không thể để cho lòng nhiệt huyết của mình nguội lạnh. “*Hãy vui mừng trong sự trông cậy, nhẫn nhục trong sự hoạn nạn, bền lòng mà cầu nguyện*” (Ro 12:12).

Cuối cùng, Phao-lô nhắc họ nhớ họ phải cảm thông với tình cảm của người khác. Mỗi tương giao Cơ Đốc không chỉ là vỗ vai khen thưởng và cái bắt tay xã giao. Nó có nghĩa là chia sẻ gánh nặng và chia sẻ phước hạnh của người khác để tất cả chúng ta cùng được gây dựng và làm sáng danh Chúa. Nếu Cơ Đốc nhân không thể chịu đựng lẫn nhau, làm thế nào có thể đối mặt kẻ thù? Một thái độ khiêm nhường và tinh thần sẵn sàng chia sẻ là dấu hiệu của một Cơ Đốc nhân thực sự phục vụ cho Thân Thể. Chúa chúng ta chăm sóc những dân thường, và họ vui vẻ nghe Ngài (Mac 12:37). Khi Hội Thánh địa phương quyết định chỉ cần đến những người ở “giai cấp cao sang” nào đó, Hội Thánh đó tách khỏi lý tưởng hầu việc của Cơ Đốc nhân.

3. Mối quan hệ của chúng ta đối với kẻ thù (Ro 12:17-21)

Người tin Chúa tìm cách vâng lời Đức Chúa Trời đang có nhiều kẻ thù. Khi Chúa chúng ta đang thi hành chức vụ trên đất, Ngài có nhiều kẻ thù. Cho dù Phao-lô và các sứ đồ khác đi đến đâu, vẫn có kẻ thù chống đối công việc của họ. Chúa Giê-xu cho các môn đồ Ngài biết trước rằng kẻ thù tệ hại nhất của họ là người nhà của họ (Mat 10:36). Chẳng may, một vài tín hữu có kẻ thù nghịch vì họ thiếu lòng yêu thương và kiên nhẫn, chứ không phải vì họ trung tín làm chứng cho Chúa. Có sự khác biệt giữa việc dự phần trong “việc vấp phạm về thập tự giá” (Ga 5:11 6:12-15) và làm một Cơ Đốc nhân gây khó chịu.

Cơ Đốc nhân không được đóng vai Đức Chúa Trời và tìm cách trả thù cho mình. Lấy ác trả ác, hoặc lấy điều thiện trả cho điều thiện là cách sống của hầu hết mọi người. Nhưng Cơ Đốc nhân phải sống ở chuẩn mực cao hơn. Lấy điều thiện trả cho điều ác. Dĩ nhiên điều này đòi hỏi tình yêu thương, vì khuynh hướng đầu tiên của chúng ta là chống trả lại. Điều đó cũng đòi hỏi đức tin, tin rằng Đức Chúa Trời có thể hành động và hoàn tất ý muốn của Ngài trong đời sống chúng ta và trong đời sống của những người làm hại chúng ta. Chúng ta phải nhường chỗ cho “con thanh nộ” - đó là con thanh nộ của Đức Chúa Trời (Phu 32:35)

Một lần nọ người bạn của tôi nghe một nhà truyền đạo chỉ trích ông ta trên sóng phát thanh và thuật nhiều điều không những làm mất lòng nhưng còn sai sự thật. Bạn tôi rất giận dữ và định ý trả đũa lại, lúc ấy một nhà truyền đạo kính sợ Chúa nói, “Đừng làm điều đó. Nếu bạn bênh vực bạn, lúc ấy Chúa không thể bênh vực bạn. Hãy đặt nó vào trong tay của Ngài.” Bạn tôi làm theo lời khuyên khôn ngoan ấy, và Chúa bênh vực cho ông ta.

Lời khuyên trong Ro 12:20 nhắc nhở chúng ta về lời của Đấng Christ trong Mat 5:44-48. Những lời này dễ đọc nhưng khó thực hành. Chắc chắn chúng ta cần phải cầu nguyện xin Đức Chúa Trời ban cho tình yêu khi chúng ta tìm cách bày tỏ lòng tốt đối với kẻ thù. Họ sẽ lợi dụng chúng ta ư? Họ sẽ ghét chúng ta hơn phải không? Chỉ có Chúa biết. Nhiệm vụ của chúng ta không phải tự bảo vệ mình nhưng vâng lời Chúa và để Ngài phân xử. Phao-lô nhắc đến Ch 25:21-22 khi ông kêu gọi chúng ta lấy thiện báo ác trong danh Chúa. “Than lửa đỏ” có lẽ nói đến sự hổ thẹn kẻ thù trải qua khi chúng ta lấy điều thiện báo điều ác.

Là con cái Đức Chúa Trời, chúng ta phải sống theo tiêu chuẩn cao nhất - lấy thiện trả ác. Ai cũng có thể lấy điều thiện trả điều thiện, lấy ác trả ác. Phương pháp duy nhất có thể thắng điều ác là làm điều thiện. Nếu bạn lấy ác trả ác, chúng ta chỉ thêm dầu vào lửa mà thôi. Và mặc dù kẻ thù không tin nhận Chúa, chúng ta cũng kính nghiệm được tình yêu của Đức Chúa Trời trong lòng chúng ta và lớn lên trong ân điển.

4. Mối quan hệ đối với nhà nước (Ro 13:1-14)

Đức Chúa Trời đã lập nên ba thể chế: gia đình (Sa 2:18-25), chính phủ (Sa 9:1-7), và Hội Thánh (Cong 2:1-47). Phao-lô đang viết thư cho các tín hữu ở ngay trung tâm đế quốc Rô-ma. Tuy nhiên, các cơn bất bớ lớn chưa xảy ra, nhưng chúng vẫn đang trên đường đến. Cơ Đốc giáo vẫn bị coi là một giáo phái của Do Thái giáo, và Do Thái Giáo được đế quốc Rô-ma chấp nhận. Nhưng rồi những ngày đến, tình trạng sẽ trở nên vô cùng khó khăn nếu không nói là bất khả cho một Cơ Đốc nhân trung thành với hoàng đế. Người không thể dâng hương trên bàn thờ và xưng, “Sê-sa là Chúa!”.

Trong thời đại chúng ta, chúng ta có nhiều người nhân danh Chúa Giê-xu Christ dạy sự bạo động và nổi loạn! Họ buộc chúng ta tin rằng việc Con cái Chúa phải làm là không nghe theo luật pháp, chống lại các nhà cầm quyền, và cho phép mọi người làm những gì theo mắt mình cho là phải. Trong chương này Phao-lô bác bỏ quan điểm ấy, ông giải thích bốn lý do tại sao Cơ Đốc nhân phải chấp hành luật pháp nhà nước.

a. *Vì lý do con thạnh nô* (Ro 13:1-4) - Chính Đức Chúa Trời đã lập nên các chính phủ trên thế giới (Cong 17:24-28). Điều này không có nghĩa Ngài chịu trách nhiệm về tội lỗi của các nhà độc tài, nhưng chỉ cho biết rằng quyền cai trị xuất phát từ Đức Chúa Trời. Vua Nê-bu-cát-nét-sa đã học chính bài học này cách nặng nề. (Da 4:17,25,32). Chống lại luật pháp nhà nước là chống lại Đức Chúa Trời Đấng lập nên các chính phủ trên thế giới, và điều này có nghĩa là rước lấy tai vạ.

Các nhà cầm quyền phải mang gươm tức là, họ có quyền trách phạt thậm chí còn cắt đi mạng sống nữa. Đức Chúa Trời lập nên chính quyền vì con người là tội nhân và phải có quyền hành nào đó trên con người. Đức Chúa Trời giao gươm cho người cai trị, và với quyền hành ấy họ có thể hình phạt và xử tội người khác. Tội tử hình được ban hành trong Sa 9:5-6, và nó không chầm dứt. Cho dù chúng ta không kính phục người đang cầm quyền, nhưng chúng ta phải kính trọng chức vụ, vì chính quyền do Đức Chúa Trời lập nên.

Hơn một lần trong chức vụ của ông, Phao-lô dùng luật pháp La Mã để bình vực mạng sống mình và mở mang công việc của ông. Các thầy đội được nhắc đến trong Sách Công-vụ dường như là những người có danh tiếng và rất mầu mực. Mặc dù các viên chức chính phủ không phải là Cơ Đốc nhân, họ vẫn là “sứ giả của Đức Chúa Trời” vì Ngài lập nên quyền lực Nhà nước.

b. *Vì lý do lương tâm* (Ro 13:5-7) - Bây giờ chúng ta đạt đến mức độ cao hơn trong động cơ vâng phục của chúng ta. Bất kỳ công dân nào cũng có thể vâng giữ pháp luật vì sợ hình phạt, nhưng Cơ Đốc nhân phải vâng giữ pháp luật vì có lương tâm. Dĩ nhiên, nếu chính quyền can thiệp vào vấn đề lương tâm lúc ấy con cái Chúa phải vâng lời Đức Chúa Trời hơn người ta (Cong 5: 29). Nhưng khi luật pháp con người đúng, con cái Chúa phải vâng theo nếu muốn giữ lương tâm tốt (ITi 1:5,19 3:9 4:2 Cong 24:16).

Chính phủ Hoa-kỳ duy trì “Quỹ Lương Tâm” cho những người muốn trả nợ của họ cho Chính Phủ nhưng vẫn giữ kín danh tánh. Một số chính quyền thành phố có quỹ tương tự. Tôi đọc trên báo nói về một thành phố đã điều tra nhiều vụ gian dối về thuế má và công bố một vài công dân phải bị truy tố. Họ không để lộ tên tuổi tội phạm. Tuần đó, nhiều người đến ghé

lại Toà Thị Chính để “khai thẳng số thuế của họ” - và nhiều người trong họ không có tên trong danh sách bị truy tố. Khi lương tâm bắt đầu làm việc, chúng ta không thể sống cho chính mình cho đến khi chúng ta làm cho mọi việc đúng đắn rõ ràng.

Ro 13:7 đòi hỏi chúng ta phải trả những gì chúng ta mắc nợ: thuế, phần đóng góp, sự kính trọng, tôn kính. Nếu không trả thuế, chúng ta không trọng pháp luật, không trọng các viên chức nhà nước và không tôn kính Đức Chúa Trời. Và điều này có thể có tác động đến lương tâm của con cái Chúa. Có thể chúng ta không đồng ý với tất cả những điều đã làm với số tiền chúng ta trả các loại thuế, nhưng chúng ta không dám phạm đến lương tâm khi không chịu đóng thuế.

c. *Vì có tình yêu thương* (13:8-10) - Phao-lô mở rộng phạm vi trách nhiệm bằng cách công thêm nhiều người khác ngoài các viên chức chính phủ. “Hãy yêu nhau” là nguyên tắc căn bản của nếp sống Cơ Đốc. Đó là “điều răn mới” Đấng Christ đã truyền cho chúng ta (Gi 13:34). Khi chúng ta thực hành tình yêu thương, không cần phải có bất kỳ điều luật nào khác, vì tình yêu thương bao gồm tất cả ! Nếu yêu người khác, chúng ta sẽ không phạm tội nghịch cùng họ. Điều này giải thích tại sao “Mười Điều Răn” thường không được nhắc đến trong Tân Ước. Thực ra, điều răn ngày Sa-bát không được trích dẫn lần nào trong các thư tín. Là con cái Chúa, chúng ta không sống dưới luật pháp nhưng sống dưới ân điển. Động cơ chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời và giúp đỡ người khác là tình yêu thương Cơ Đốc ngự trị trong lòng.

“Đừng mắc nợ ai chi hết” có phải liên quan đến những công việc thuộc về tài chính của Cơ Đốc nhân không? Một số người tin rằng đúng như vậy, và đó chính là tội mắc nợ. J. Hudson Taylor, giáo sĩ đầy ơn Chúa tại Trung Hoa, chẳng bao giờ mang tiếng là mắc nợ, lòng tin quyết của ông dựa trên câu Kinh Thánh này. Charles Spurgeon, nhà truyền đạo danh tiếng của giáo hội Báp-Tít có cùng niềm tin như vậy. Tuy nhiên, Kinh Thánh không cấm vay mượn hoặc những vụ giao dịch tài chính đúng pháp luật có liên quan đến lợi tức. Điều Kinh Thánh cấm đó là cho vay nặng lãi, lấy của anh em, và không trả nợ đúng hạn (Xu 22:25-27 Ne 5:1-11). Mat 25:27 và Lu 19:23 cho thấy rằng gửi tiền ngân hàng và đầu tư để sinh lãi là điều không sai trái. Chắc chắn không ai phải chịu mắc nợ không cần thiết, hoặc ký những hợp đồng không thể duy trì. “Đừng trộm cướp”. Nhưng làm cho Ro 13: 8 ứng dụng cho tất cả các bản phận đối với pháp luật liên quan đến tiền bạc, đối với tôi là điều đi quá cái thường cho phép.

Trong phần này, Phao-lô tập trung vào chính trung tâm điểm của vấn đề - lòng con người. Vì lòng con người là tội lỗi, nên Đức Chúa Trời lập nên chính quyền. Nhưng luật pháp không thể thay đổi lòng người lòng người vẫn cứ vị kỷ và chỉ có ân điển Đức Chúa Trời mới có thể biến đổi lòng người được.

d. *Vì có Chúa Giê-xu* (Ro 13:11-14) - Chúng ta đã giải thích khá nhiều về các lý do phải vâng giữ pháp luật: từ sự sợ hãi đến lương tâm đến tình yêu tận hiến cho Chúa Giê-xu Christ! Điểm nhấn mạnh nhằm vào sự tái lâm sắp đến của Đấng Christ. Là tôi tớ của Ngài, chúng ta muốn được coi là trung tín trong ngày Ngài trở lại. Sự cứu rỗi sắp hoàn tất! Ánh sáng sắp lộ ra! Vậy nên, chúng ta hãy sẵn sàng!

Phao-lô đưa ra một số lời khuyên trong ánh sáng của sự tái lâm của Chúa. Lời khuyên đầu tiên đó là, “Hãy tỉnh thức!”. Hãy liên hệ điều này với ITe 5:1-11 và Mat 25:1-13. Lời khuyên thứ hai, “Hãy lột bỏ những việc tối tăm!”. Chúng ta không muốn thấy mình đang mặc áo dơ bẩn trong ngày Chúa trở lại (IGi 2:28-3:3). Cơ Đốc nhân mặc lấy áo giáp sáng láng, chớ không phải những việc làm tối tăm. Họ không có lý do nào để dính dáng đến những thú vui tội lỗi của thế gian. Cuối cùng, Phao-lô khuyên, “Hãy lớn lên!” (Ro 13:14). “Mặc lấy” Chúa Giê-xu Christ có nghĩa trở nên giống như Ngài nhiều hơn, bởi đức tin nhận lãnh tất cả những gì có

trong Ngài cho cuộc sống thường ngày của chúng ta. Chúng ta trưởng thành nhờ vào lương thực chúng ta ăn. Đây là lý do tại sao Đức Chúa Trời nhắc nhở chúng ta không được cung ứng cho xác thịt. Nếu chăm sóc cho xác thịt, chúng ta sẽ thất bại nhưng nếu chăm sóc người bề trong với những chất bổ dưỡng của Thánh Linh, chúng ta sẽ thành công.

Tóm lại, một công dân Cơ Đốc phải là công dân tốt nhất. Có thể con cái Chúa không nhất trí về chính kiến hoặc các đảng phái, nhưng họ có thể đồng ý về thái độ hướng về chính quyền loài người.

13. KHI CƠ ĐỐC NHÂN BẤT HÒA (Ro 14:1-15:7)

Không hiệp một luôn luôn là nan đề chính yếu đối với con dân Đức Chúa Trời. Thậm chí Cựu Ước ghi lại các cuộc nội chiến và các cuộc tranh chấp trong gia đình giữa vòng dân Y-sơ-ra-ên, và hầu hết mọi Hội Thánh địa phương có nhắc đến trong Tân Ước đều có bè phái. Người Cô-rinh-tô chia rẽ theo các nhà lãnh đạo, và thậm chí một số thành viên còn kiện tụng nhau (ICo 1:10-13 6:1-8). Các thánh đồ Hội Thánh Ga-la-ti đang “cắn nuốt” nhau (Ga 5:15), các thánh đồ tại Ê-phê-sô và Cô-lô-se phải được nhắc nhở về tầm quan trọng của sự hiệp một (Eph 4:1-3 1 Co 2:1-2). Tại Hội Thánh Phi-líp, hai người phụ nữ bất hoà nhau và kết quả là gây cho Hội Thánh chia rẽ (Phi 4:1-3). Chẳng có gì ngạc nhiên khi tác giả Thi-thiên viết, “Kìa anh em ăn ở hoà thuận nhau, thật tốt đẹp thay!” (Thi 133:1).

Một số rắc rối ở đây xuất phát từ lai lịch của các tín hữu trong Hội Thánh. Ví dụ, người Do Thái được cứu từ trong căn bản của luật pháp nghiêm khắc khó quên được. Người ngoại bang không bao giờ lo lắng về việc kiêng ăn và giữ ngày thánh. Giáo hội nghị đầu tiên trong lịch sử đã thảo luận điều luật về mối quan hệ của Cơ Đốc nhân với luật pháp (Cong 15:1-33).

Tín hữu tại Rô-ma bị chia rẽ vì những sự kiêng ăn đặc biệt và giữ ngày thánh. Một số thành viên nghĩ rằng ăn thịt là tội lỗi, vì vậy họ chỉ ăn rau. Một số khác cho rằng không giữ các ngày thánh của dân Do Thái là phạm tội. Nếu mỗi con cái Chúa giữ lòng tin chắc với chính mình, sẽ không có rắc rối xảy ra, nhưng họ bắt đầu chỉ trích và đoán xét nhau. Nhóm người này chắc chắn rằng nhóm người kia không thiêng liêng chút nào.

Chẳng may, ngày nay chúng ta có nhiều nan đề tương tự trong nhiều “lãnh vực xám” của cuộc sống mà mọi tín hữu không phân định rõ đúng sai. Một số hoạt động chúng ta biết là sai, vì Kinh Thánh lên án cách rõ ràng. Một số hoạt động khác chúng ta biết là đúng, vì Kinh Thánh công khai đòi hỏi. Nhưng đối với những khía cạnh Kinh Thánh không nói rõ, chúng ta cần phải nhờ đến loại hướng dẫn khác. Phao-lô cung cấp các nguyên tắc hướng dẫn này. Ông giải thích cách nào con cái Chúa có thể không đồng ý về những điều vô bổ mà vẫn giữ sự hiệp một trong Hội Thánh. Ông cung cấp cho độc giả ba lời khuyên quan trọng.

1. Hãy tiếp nhận nhau (Ro 14:1-12)

Bạn nhận thấy rằng phần này bắt đầu và kết thúc bằng lời khuyên này (Ro 15:7) Phao-lô viết thư cho những người “mạnh mẽ trong đức tin” tức là, những người hiểu được tự do thiêng liêng trong Đấng Christ và không bị nô lệ trong sự kiêng ăn hoặc giữ ngày thánh. “Kẻ kém đức tin” là những tín hữu ấu trĩ cảm thấy có bổn phận phải vâng theo các luật lệ có liên quan đến các loại thức ăn và lúc nào họ thờ phượng. Nhiều người cho rằng Cơ Đốc nhân theo những qui định nghiêm ngặt là những người trưởng thành nhất, nhưng đây không phải là trường hợp cần thiết. Trong các Hội Thánh tại Rô-ma, con cái Chúa yếu đức tin là những người bám theo luật pháp và không hưởng được tự do của họ trong Đức Chúa Trời. Cơ Đốc nhân yếu đuối đang chỉ trích và lên án con cái Chúa mạnh mẽ, và con cái Chúa mạnh mẽ xem thường con cái Chúa yếu đuối.

“*Hãy tiếp đãi nhau!*” là lời khuyên trước tiên của Phao-lô ông đưa ra bốn lý do tại sao họ phải tiếp đãi nhau:

a. *Đức Chúa Trời đã tiếp nhận chúng ta* (Ro 14:1-3) - Chúng ta không có trách nhiệm quyết định các yêu cầu đối với mỗi tương giao Cơ Đốc trong Hội Thánh chỉ có Chúa mới có thể làm điều này. Lập nên những điều cấm kỵ dựa trên nền tảng định kiến của con người (hoặc ngay cả những tin quyết nữa) là vượt ra ngoài phạm vi Lời Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời đã tiếp lấy chúng ta, chúng ta phải tiếp đãi nhau. Chúng ta không nên tranh cãi về những vấn đề này, cũng không nên đoán xét hoặc khinh miệt nhau. Có lẽ Thánh Agustine hiểu vấn đề này rõ nhất: “Về những điều cần thiết, hãy hiệp một về những điều không cần thiết, hãy tự do về tất cả mọi điều, hãy yêu thương.”

Khi Đức Chúa Trời sai Phi-e-rơ đem Phúc Âm đến cho dân ngoại, Hội Thánh chỉ trích Phi-e-rơ vì ông ăn chung với các tín hữu này (Cong 11:1-3). Nhưng Đức Chúa Trời đã bày tỏ rõ ràng Ngài chấp nhận người ngoại bang bằng cách ban cho họ cùng một Thánh Linh đã ban xuống cho tín hữu Do Thái trong ngày lễ Ngũ Tuần (Cong 10:44-48 11:15-18). Phi-e-rơ kiên quyết không vâng theo chân lý này, vì về sau ông không chịu thờ phượng chung với các tín hữu ngoại bang tại thành An-ti-ốt, và Phao-lô đã quở trách ông (Ga 2:11-13). Đức Chúa Trời bày tỏ cho cả Phi-e-rơ và Phao-lô rằng sự thờ phượng của Cơ Đốc nhân không dựa trên thức ăn hoặc ngày giờ thờ phượng trong tôn giáo.

Trong mỗi Hội Thánh có các tín hữu mạnh mẽ lẫn yếu đuối. Người mạnh mẽ hiểu chân lý thuộc linh và làm theo, nhưng người yếu đuối chưa lớn lên theo mức độ trưởng thành và tự do như vậy. Người yếu đuối không nên lên án người mạnh mẽ và gọi họ là không thiêng liêng. Người mạnh mẽ không được coi thường người yếu đuối và gọi họ là ấu trĩ thuộc linh. Đức Chúa Trời đã chấp nhận cả người yếu đuối lẫn mạnh mẽ vì vậy, họ nên tiếp nhận nhau

b. *Đức Chúa Trời giữ vững người thuộc về Ngài* (Ro 14:4) - Cơ Đốc nhân mạnh mẽ bị người yếu đuối đoán xét, Phao-lô lên án điều này vì thật sai trái khi Cơ Đốc nhân yếu đuối thay quyền Đức Chúa Trời trong đời sống tín hữu mạnh mẽ. Đức Chúa Trời là Chủ Cơ Đốc nhân là tôi tớ. Bất cứ ai can thiệp vào mỗi tương giao này là sai.

Thật khích lệ khi biết rằng thành quả chúng ta có được trong nếp sống Cơ Đốc không tùy thuộc vào ý kiến hoặc thái độ của các Cơ Đốc nhân khác. Đức Chúa Trời là Quan Án, và Ngài có thể khiến chúng ta đứng vững. Chữ “tôi tớ” ở đây cho thấy rằng con cái Chúa phải chuyên tâm làm việc cho Chúa lúc ấy họ sẽ không có thời gian hoặc không có xu hướng xét đoán hoặc lên án các con cái Chúa khác. Người bận rộn chinh phục linh hồn hư mất về cho Đấng Christ có nhiều việc quan trọng phải làm hơn là thắc mắc cuộc sống của các thánh đồ khác!

c. *Chúa Giê-xu Christ là Chúa* (Ro 14:5-9) - Chữ “Chúa” tìm thấy tám lần trong các câu Kinh Thánh này. Chẳng có Cơ Đốc nhân nào có quyền “làm thay Đức Chúa Trời” trong đời sống con cái Chúa khác. Chúng ta có thể cầu nguyện, góp ý, và ngay cả khuyên bảo, nhưng không thể làm thay vai trò của Đức Chúa Trời được. Điều gì làm cho đĩa thức ăn trở nên “thánh” hoặc một ngày trở nên “thánh”? Đó là do chúng ta liên hệ điều đó với Chúa. Người xem một ngày đặc biệt là “thánh” làm như vậy “vì Chúa”. Người coi mọi ngày là thánh, người cũng làm “vì Chúa”. Con cái Chúa ăn thịt dâng lời tạ ơn Chúa, và người kiêng thịt cũng kiêng “vì Chúa”. “Ai nấy hãy tin chắc ở trí mình” (Ro 14:5) có nghĩa: Hãy để mọi người chắc chắn rằng họ thực sự đang làm những gì vì ích lợi cho Chúa, chớ không chỉ dựa trên nền tảng của một số định kiến hoặc ý tưởng chợt đến.

Một số tiêu chuẩn và tập tục trong Hội Thánh địa phương thuộc về truyền thống nhưng không hẳn là theo lời dạy của Thánh Kinh. Một số trong chúng ta có thể nhớ rằng khi các con

cái Chúa trung thành chống đối chương trình phát thanh Cơ Đốc “vì Sa-tan là vua cầm quyền chôn không trung!”. Một số người còn biên các bản dịch Kinh Thánh thành một sự thử nghiệm chính thống. Hội Thánh bị phân rẽ và suy yếu vì con cái Chúa không để Chúa Giê-xu Christ làm Chúa.

Một minh họa về chân lý này chép trong Gi 21:15-25. Chúa Giê-xu đã phục hồi chức sứ đồ cho Phi-e-rơ và một lần nữa Ngài phán với ông, “Hãy theo Ta”. Phi-e-rơ bắt đầu theo Đấng Christ, nhưng sau đó, ông nghe người khác đi sau mình. Đó là Sứ đồ Giăng.

Lúc ấy Phi-e-rơ hỏi Chúa Giê-xu, “Thưa Chúa, người này về sau sẽ thế nào?”

Hãy lưu ý lời đáp lại của Chúa Giê-xu: “Điều đó có can hệ gì đến ngươi? Hãy theo Ta!”. Nói tóm lại, “Hỡi Phi-e-rơ, ngươi biết chắc ngươi chọn Ta là Chúa trong đời sống ngươi. Hãy để Ta lo liệu Giăng.” Bất cứ khi nào tôi nghe con cái Chúa lên án người khác vì một điều gì bất đồng, sự việc không cần thiết hoặc Lời Chúa cấm làm, tôi cảm nhận như có lời phán dạy, “Điều đó can hệ gì đến ngươi? Ngươi hãy theo Đấng Christ! Hãy để Ngài làm Chúa!”

Phao-lô đề cao sự hiệp một của con cái Chúa với Đấng Christ: “Vậy nên chúng ta hoặc sống hoặc chết, đều thuộc về Chúa cả” (Ro 14:8). Trách nhiệm đầu tiên của chúng ta là Chúa. Nếu Cơ Đốc nhân đến với Chúa bằng sự cầu nguyện thay vì đến với anh em với lời chỉ trích, lúc ấy sẽ có sự thông công mạnh mẽ trong Hội Thánh.

d. *Chúa Giê-xu Christ là Quan Án* (Ro 14:10-12) - Phao-lô hỏi tín hữu yếu đuối, “Tại sao ngươi đoán xét anh em mình?” Kể đến người hỏi tín hữu mạnh mẽ, “Tại sao khinh dễ anh em mình?”. Cả người mạnh mẽ lẫn yếu đuối đều phải ứng hầu trước Toà Phán Xét của Chúa Giê-xu Christ, và họ không đoán xét nhau - họ sẽ được Chúa đoán xét.

Toà Phán Xét của Đấng Christ là nơi Chúa xét đoán các công việc của con cái Chúa. Nơi ấy không đề cập đến tội lỗi vì Đấng Christ đã trả xong nợ tội và tội lỗi không còn chống lại chúng ta nữa (Ro 8:1). Chữ “toà án” trong tiếng Hy Lạp là bema, có nghĩa đó là nơi các trọng tài đứng quan sát các cuộc tranh tài thể thao. Nếu suốt kỳ tranh tài họ thấy một vận động viên phạm luật, lập tức họ truất quyền thi đấu của người ấy. Vào lúc kết thúc cuộc tranh tài, các trọng tài công bố các giải thưởng. (ICo 9:24-27). ICo 3:10-15 cho chúng ta một bức tranh khác về Toà án của Đấng Christ. Phao-lô so sánh chức vụ chúng ta với việc xây dựng đền thờ. Nếu chúng ta xây bằng vật liệu rẻ tiền, lửa sẽ thiêu rụi tất cả. Nếu chúng ta xây dựng bằng vật liệu quý giá, lâu bền, chúng ta sẽ nhận được phần thưởng. Nếu công việc bị thiêu huỷ, chúng ta sẽ mất phần thưởng, nhưng chúng ta sẽ được cứu “dường như qua lửa vậy”.

Người tin Chúa chuẩn bị như thế nào cho ngày phán xét của Đấng Christ? Bằng cách chọn Chúa Giê-xu Christ làm Chúa trong lòng mình và trung tín vâng theo Ngài. Thay vì đoán xét người khác, tốt hơn hết chúng ta nên xét đoán nếp sống chúng ta và bảo đảm rằng chúng ta đã sẵn sàng gặp mặt Đấng Christ tại Toà Phán Xét của Ngài. (Lu 12:41-48 He 13:17 IGi 2:28).

Vấn đề tội lỗi sẽ không bao giờ được mang ra để chống lại chúng ta không được để thúc đẩy chúng ta trái mạng lệnh Đức Chúa Trời. Tội lỗi trong đời sống ngăn trở chúng ta hầu việc Đấng Christ như chúng ta đáng phải làm, điều này có nghĩa chúng ta mất phần thưởng. Lót là một gương điển hình về chân lý này (Sa 18:1-19:38). Lót không đồng đi với Đức Chúa Trời như bác của mình là Áp-ra-ham và kết quả là ông mất lời chứng thậm chí với cả gia đình của mình họ cũng không tin ông. Lúc cơn đoán phạt cuối cùng xảy đến, Lót được cứu thoát khỏi lửa và diêm sanh, nhưng mọi sự ông có đều bị thiêu cháy. Ông được cứu “dường như qua lửa”.

Phao-lô giải thích rằng họ không phải khai trình về bất cứ ai ngoài ra chính mình. Vì vậy họ phải bảo đảm rằng khai trình của họ phải là một khai trình tốt. Ông chú trọng đến nguyên

tắc Chúa là Đáng làm Chủ - để Chúa Giê-xu Christ làm Chúa trong đời sống bạn, và cũng để Ngài làm Chúa trong đời sống của các Cơ Đốc nhân khác.

Hai trong số các Cơ Đốc nhân nổi tiếng nhất trong Thời Đại Victoria tại Anh Quốc là Charles Spurgeon và Joseph Parker, cả hai đều là người giảng đạo có quyền năng. Vào buổi đầu trong chức vụ, họ thông công với nhau và còn giảng thay đổi cho nhau. Sau đó họ có bất đồng, thậm chí còn đăng báo nữa. Spurgeon buộc tội Parker không thiêng liêng vì ông ấy đến xem hát. Điều thú vị đó là Spurgeon hút thuốc xì-gà, một việc làm nhiều con cái Chúa lên án. Vậy thì ai đúng? Ai sai? Có lẽ cả hai ông đều sai ! Khi xảy ra những vấn đề gây tranh cãi trong đời sống Cơ Đốc, tín hữu trung thành không thể bất đồng mà không khó chịu sao? Ngày nọ một người bạn nói với tôi, “Tôi học biết rằng Đức Chúa Trời ban phước cho người tôi không đồng ý!”, và tôi cũng học được như vậy. Khi Chúa Giê-xu Christ là Chúa, chúng ta để cho Ngài đối đãi với tôi tở Ngài như Ngài muốn.

2. Gây dựng cho nhau (Ro 14:13-23)

Nếu chúng ta dừng lại ở lời khuyên thứ nhất, có thể tạo nên ý nghĩ cho rằng con cái Chúa cứ để yên nhau như vậy và để cho người yếu đuối cứ yếu đuối mãi. Nhưng lời khuyên thứ hai này giải thích nhiều điều sâu sắc hơn. Điều nhấn mạnh không ở chỗ “chủ - tớ” nhưng là “anh em”. Đó là nguyên tắc của tình yêu anh em. Nếu yêu nhau, chúng ta tìm cách gây dựng nhau, gây dựng trong đức tin. Phao-lô chia sẻ một vài yếu tố giúp cho người đọc có thể nâng đỡ anh em mình.

a. *Cơ Đốc nhân ảnh hưởng lẫn nhau* (14:13-15) - Hãy lưu ý những cách thức chúng ta có thể ảnh hưởng lẫn nhau. Chúng ta có thể gây cho người khác vấp phạm, đau buồn, hoặc gây phương hại đến họ. Phao-lô muốn nói đến phương cách tín hữu mạnh mẽ ảnh hưởng đến tín hữu yếu đuối. Phao-lô bàn cùng một vấn đề trong ICo 8:1-9:27 với câu hỏi đó là, “Cơ Đốc nhân có nên ăn thịt đã cúng cho thần tượng trong miếu tà thần không?”. Trong hai chương ấy Phao-lô vạch ra rằng sự hiểu biết và tình yêu thương phải đi chung với nhau. “Sự hay biết sanh kiêu căng, còn sự yêu thương làm gương tốt” (ICo 8:1). Tín hữu vững vàng có sự hiểu biết thiêng liêng, nhưng nếu không thực hành tình yêu thương, sự hay biết của anh ta sẽ làm thương tổn tín hữu yếu đuối. Sự hiểu biết phải được quân bình bằng tình yêu thương.

Thường thường các em nhỏ sợ bóng tối và nghĩ rằng có cái gì đó nấp trong phòng nhỏ. Dĩ nhiên, mẹ chúng biết rằng đứa bé không sao nhưng sự hiểu biết của bà không thể bảo đảm hoặc an ủi đứa bé được. Bạn không thể tranh cãi với đứa trẻ để xoá tan sợ hãi cho nó. Khi người mẹ ngồi xuống bên cạnh, vỗ về đứa trẻ, và đoạn chắc với nó rằng mọi thứ đều an toàn, lúc ấy đứa bé có thể ngủ không còn sợ nữa. Sự hiểu biết công với tình yêu thương giúp cho người yếu đuối trở nên mạnh mẽ.

Phao-lô viết, “Chẳng có vật gì vốn là dơ dáy”. Chẳng có thức ăn nào là không sạch, chẳng có ngày nào là xấu, chẳng có người nào là xấu xa cả. (Hãy đọc Cong 10:1-48 để thấy tại sao Phi-e-rơ học bài học này). Cái gì làm cho một người quyết định phẩm chất của điều đó. Một người có thể đọc những quyển sách nào đó và không bị những quyển sách ấy quấy rầy, trong khi đó tín hữu yếu đuối đọc cùng những quyển sách ấy sẽ bị cám dỗ phạm tội. Nhưng vấn đề không phải là “Nó ảnh hưởng đến tôi như thế nào?” mà đúng hơn là, “Nếu tôi làm điều này, nó sẽ ảnh hưởng đến anh em tôi ra sao?” Nó sẽ gây cho họ vấp phạm không? Điều đó sẽ làm cho họ đau đớn hoặc bị hại qua việc thúc giục họ phạm tội không? Thật sự có đáng làm thương tổn anh em khi tôi thích thưởng thức một món ăn nào đó không? Không đáng chút nào!

b. *Cơ Đốc nhân phải có những điều ưu tiên* (Ro 14:16-18) - Giống như người Pha-ri-si thời xưa, là Cơ Đốc nhân chúng ta cũng làm cho lớn những chuyện việc nhỏ. Tôi đã thấy

nhiều Hội Thánh chia rẽ vì những vấn đề thật sự không quan trọng khi so với những việc hệ trọng của đức tin Cơ Đốc. Tôi đã nghe thấy nhiều Hội Thánh chia rẽ vì những việc nhỏ nhoi như là chỗ đặt chiếc đàn dương cầm trong hội trường và phục vụ bữa ăn vào ngày Chúa Nhật. “Nước Đức Chúa Trời chẳng tại sự ăn uống...” (Ro 14:17). “Và ấy chẳng phải là đồ ăn làm chúng ta đẹp lòng Đức Chúa Trời nếu chúng ta ăn chẳng được ích gì, bằng không ăn cũng chẳng tổn gì” (ICo 8:8).

Không phải do sự ở bên ngoài, nhưng là những sự vĩnh cửu cần phải được ưu tiên trong cuộc sống chúng ta: công bình, hoà thuận, vui mừng. Chúng xuất phát từ đâu? Thánh Linh Đức Chúa Trời đang hành động trong lòng chúng ta. (Ro 5:1-2) Nếu mỗi tín hữu thuận phục Đức Thánh Linh và chuyên tâm nếp sống kính sợ Chúa, chúng ta sẽ không có những tín hữu chống đối nhau vì những việc nhỏ nhặt. Những ưu tiên thuộc linh là nền tảng để hoà hợp trong Hội Thánh.

c. *Cơ Đốc nhân phải giúp đỡ nhau lớn lên* (14:19-21). Cả tín hữu mạnh mẽ lẫn yếu đuối đều cần phải lớn lên. Người mạnh mẽ cần trưởng thành trong tình yêu thương người yếu đuối cần trưởng thành trong sự hiểu biết. Bao lâu một anh em còn yếu đuối trong đức tin, chúng ta phải lấy lòng yêu thương đối xử với họ trong sự chưa trưởng thành của họ. Nhưng nếu chúng ta thật sự yêu thương họ, chúng ta sẽ giúp cho họ lớn lên. Một Cơ Đốc nhân cứ giữ mãi tình trạng ấu trĩ thuộc linh, có lương tâm yếu đuối là điều sai.

Một minh họa trong gia đình có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn điều đang bàn đến. Khi một đứa bé sinh ra, mọi thứ đều thay đổi. Ba mẹ thận trọng không để chiếc kéo trên ghế hoặc bất cứ vật gì nguy hiểm trong tầm với của bé. Nhưng khi đứa bé lớn khôn, cha mẹ có thể điều chỉnh những qui định trong nhà và cư xử nó cách người lớn hơn. Đứa bé vấp ngã khi tập đi là điều tự nhiên. Nhưng nếu người lớn thường xuyên té ngã, chúng ta biết có điều gì đó không bình thường.

Các Cơ Đốc nhân non trẻ cần sự thông công để che chở cho họ và khích lệ họ lớn lên. Nhưng chúng ta không thể đối đãi họ như “các em bé” suốt cuộc sống của họ ! Con cái Chúa từng trải phải thực hành lòng yêu thương và sự nhịn nhục và cẩn thận không gây cho họ vấp ngã. Nhưng Cơ Đốc nhân non trẻ phải “lớn lên trong ân điển và trong sự thông biết Chúa là Chúa Giê-xu Christ chúng ta” (II Phi 3:18). Khi họ trưởng thành trong đức tin, họ có thể giúp người khác lớn lên. Điều chỉnh công việc của lớp học Trường Chúa Nhật hoặc Hội Thánh địa phương chỉ hướng vào những tín hữu non trẻ làm ngăn trở họ lớn lên cũng như ngăn trở chức vụ của các thánh đồ trưởng thành hơn. Người yếu đuối phải học tập nơi người mạnh mẽ, và người mạnh mẽ phải yêu thương người yếu đuối. Kết quả sẽ là hoà thuận và trưởng thành dâng sự vinh hiển lên cho Đức Chúa Trời.

d. *Con cái Chúa không nên áp đặt ý kiến của mình lên người khác* (Ro 14:22-23) - Chắc chắn có nhiều chân lý mà tất cả con cái Chúa phải chấp nhận vì các chân lý ấy là nền tảng cho đức tin. Nhưng chúng ta không nên dùng các khía cạnh bất hoà chính đáng để thử nghiệm mỗi thông công. Nếu bạn có lòng tin thành thật từ Đức Chúa Trời về một vấn đề, chính bạn hãy giữ nó và đừng tìm cách ép buộc người khác phải chấp nhận nó. Không có Cơ Đốc nhân nào có thể “vay mượn” niềm tin quyết của người khác và vẫn có thể trung thực trong nếp sống Cơ Đốc của mình cả. Nếu người ấy không thể nắm giữ và thực hành “bằng đức tin”, người ấy đang phạm tội. Cho dù niềm tin quyết của một người còn ấu trĩ, người ấy cũng đừng bao giờ phạm đến lương tâm của mình. Điều này sẽ gây nguy hại nặng nề cho đời sống thuộc linh của người ấy. Ví dụ, Cơ Đốc nhân biết rằng thần tượng là hư không. Nhưng Cơ Đốc nhân non trẻ vừa mới thoát khỏi việc thờ thần tượng vẫn còn sợ thần tượng. Nếu tín hữu mạnh mẽ ép tân

tín hữu phải ăn thịt đã cúng cho thần tượng, người mới tin Chúa sẽ cảm thấy lương tâm cắn rứt và điều đó chỉ làm cho người càng yếu đuối thêm. (ICo 8:1-9:27).

Lương tâm được mạnh mẽ nhờ sự hiểu biết. Nhưng hiểu biết phải được quân bình bằng tình yêu thương nếu không lương tâm sẽ phá đổ thay vì gây dựng. Lời Kinh Thánh dạy “mọi vật là thanh sạch” (c.14,20) tự nó sẽ không làm cho Cơ Đốc nhân lớn lên. Khi chân lý này được dạy trong tình yêu thương, lúc ấy người mới tin Chúa mới có thể lớn lên và phát triển một lương tâm tốt. Con cái Chúa có thể nắm giữ các điều tin quyết khác nhau về nhiều vấn đề, nhưng họ phải giữ chúng trong tình yêu thương.

3. Làm đẹp lòng nhau (Ro 15:1-7)

Phao-lô tự liệt mình vào các thánh đồ mạnh mẽ khi ông bàn đến vấn đề căn bản - tính vị kỷ. Tình yêu thương Cơ Đốc chân thật không vị kỷ đúng hơn, tình yêu ấy tìm cách san sẻ cho người khác và làm người khác hạnh phúc. Thậm chí còn sẵn lòng curu mang những người mới tin Chúa để giúp dìu dắt họ trong bước đường thuộc linh. Chúng ta không dung thứ họ. Chúng ta khích lệ họ !

Dĩ nhiên, Chúa Giê-xu Christ đã nêu cho chúng ta gương lớn về vấn đề này. Ngài đã trả giá để chăm nom chúng ta. Phao-lô trích dẫn Thi 69:9 để chứng minh cho lập luận của ông. Cơ Đốc nhân mạnh mẽ có nghĩ rằng họ dâng một của lễ trọng đại bằng cách thôi ăn uống không? Vậy thì hãy để họ đánh giá sự hi sinh của mình qua sự hi sinh của Đấng Christ. Chúng ta chẳng thể nào lấy một sự hi sinh nào để sánh với sự hi sinh tại đồi Gô-gô-tha.

Sự trưởng thành thuộc linh của một người được bày tỏ bởi sự nhận biết của người đó. Người sẵn lòng từ bỏ quyền lợi của mình để người khác được giúp đỡ. Người làm điều này, không phải là gánh nặng nhưng là một ơn phước. Giống như cha mẹ yêu thương muốn hi sinh cho con cái mình, người tín hữu mạnh mẽ cũng hi sinh để giúp các con cái Chúa non trẻ lớn lên trong đức tin.

Phao-lô chia sẻ hai nguồn sức mạnh thuộc linh chúng ta phải lấy ra nếu chúng ta phải sống làm đẹp lòng người khác: đó là Lời Đức Chúa Trời (Ro 15:4) và sự cầu nguyện (15:5-6). Chúng ta phải thừa nhận rằng thỉnh thoảng chúng ta không nhin nhục với những người mới tin Chúa, giống như cha mẹ không kiên nhẫn với con cái họ. Nhưng Lời Đức Chúa Trời có thể cung cấp cho chúng ta “sự nhin nhục và sự yên ủi” mà chúng ta cần đến! Phao-lô kết thúc phần này bằng lời cầu nguyện cho độc giả, để họ có thể kinh nghiệm từ Đức Chúa Trời để Ngài có thể ban cho sự hiệp một thiêng liêng.

Điều này cho chúng ta thấy rằng Hội thánh địa phương phải chú tâm về Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện. Mỗi hiểm nguy đầu tiên của Hội Thánh đã xảy đến vì các sứ đồ quá bận rộn đến nỗi không thể quan tâm đến Lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện (Cong 6:1-7). Khi họ tìm thấy những người khác chia sẻ gánh nặng của họ, họ quay lại với chức vụ đứng đắn của mình, và Hội Thánh kinh nghiệm được sự hiệp một và lớn lên.

Dĩ nhiên điều này đem lại kết quả sáng danh Đức Chúa Trời (Ro 15:7). Không hiệp một và không hoà thuận không làm sáng danh Đức Chúa Trời nhưng họ cướp mất sự vinh hiển của Ngài. Lời Áp-ra-ham dạy Lót có thể áp dụng cho chúng ta ngày nay: “Chúng ta là cốt nhục, xin người cùng ta chẳng nên cãi lẫy nhau...”(Sa 13:8). Người lân cận đang nhìn chúng ta! Áp-ra-ham muốn họ thấy rằng ông và Lót khác họ vì hai người thờ phượng một Đức Chúa Trời chân thật. Trong Lời cầu nguyện của Ngài chép trong Gi 17:1-26 Chúa Giê-xu cầu nguyện để cho Hội Thánh hiệp một hầu làm sáng danh Đức Chúa Trời.

Hãy tiếp nhận nhau hãy gây dựng nhau và hãy làm đẹp lòng nhau - tất cả làm sáng danh Đức Chúa Trời.

13. CON NGƯỜI ĐANG CHUYỂN ĐỘNG (Rô 15:8-16:27))

Một trong những chữ quan trọng trong các chương kết thúc thư Rô-ma là “chức vụ”. Thật ra, Phao-lô dùng ba chữ khác nhau trong tiếng Hi-Lạp để bàn về chủ đề này. Trong Rô 15:8,25,31 và 16:1 đó là chữ đơn giản dành cho tôi tớ hoặc sự phục dịch. Chữ tiếng Anh “deacon” (chấp sự) xuất xứ từ chữ này. Trong các câu Rô 15:16,27 (chữ “chức việc”), ông dùng từ thông thường nói đến sự phục dịch trong nơi làm việc công cộng hoặc trong đền thờ. Trong Rô 15:16 ông dùng một chữ chúng ta không tìm thấy trong bản Tân Ước tiếng Hy Lạp và nó có nghĩa “thực hiện các buổi lễ thánh, làm chức thầy tế lễ.”

Trong phần này, Phao-lô giải thích bốn chức vụ khác nhau.

1. Chức vụ của Chúa Giê-Xu đến với dân ngoại (Rô 15:8-13)

Chúa Giê-xu Christ luôn nêu cao gương chức vụ. “Nhưng Ta ở giữa các người như kẻ hầu việc vậy” (Lu 22:27). Trước tiên Ngài đến hầu việc người Do Thái, để thông qua dân Y-sơ-ra-ên Ngài có thể hầu việc dân ngoại. “Trước là người Do Thái” là nguyên tắc Chúa Giê-xu theo đó thi hành chức vụ Ngài trên đất và trong chức vụ Hội Thánh trên thế gian.

Ví dụ Giảng Báp-tít đến thi hành chức vụ trong nước Y-sơ-ra-ên để sửa soạn họ tiếp rước Đấng Mê-si-a. Khi Chúa Giê-xu bắt đầu chức vụ, Ngài chỉ dành cho dân Y-sơ-ra-ên mà thôi. Khi Ngài sai các sứ đồ trong sứ mạng truyền giáo đầu tiên, Ngài căn dặn họ, “Đừng đi đến dân ngoại, cũng đừng vào một thành nào của dân Sa-ma-ri cả nhưng thà đi đến cùng những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên.” (Mat 10:5-6). Điều này không có nghĩa là Ngài bỏ mặc cá nhân người ngoại bang, vì Ngài đã chăm sóc một vài người ngoại bang (Mat 8:5-13 15:21-28) nhưng Ngài đặc biệt coi trọng dân Y-sơ-ra-ên.

Sau khi Ngài sống lại, Ngài truyền lệnh các sứ đồ cứ ở tại Giê-ru-sa-lem và bắt đầu chức vụ của họ tại đó (Lu 24:44-49). Giai đoạn bao gồm từ Cong 1:1-7:60 mô tả chức vụ chỉ dành cho người Do Thái hoặc những người theo đạo Do Thái. Đến Cong 8:1-40 Phúc Âm truyền đến xứ Sa-ma-ri trong Cong 10:1-48 đạo Chúa truyền đến cho dân ngoại. Sau đó, qua chức vụ Phao-lô, đạo Chúa truyền đến khắp đế quốc La mã (Cong 13:1-3).

Khi Ngài đến thế gian và chịu chết, Chúa Giê-xu Christ xác nhận lời hứa Đức Chúa Trời đã lập cùng Áp-ra-ham và “các tổ phụ” khác của dân Do Thái. (Lu 1:30-33,46-55,67-80). Một số những lời hứa này đã được ứng nghiệm, nhưng còn nhiều lời hứa phải chờ đợi sẽ ứng nghiệm khi Chúa trở lại trái đất thiết lập Vương quốc của Ngài.

Đức Chúa Trời có thiên vị khi Ngài coi trọng dân Do Thái không? Không phải vậy, vì qua dân Do Thái, Ngài truyền Phúc Âm Cứu Rỗi đến cho người ngoại bang. Nhiều tín hữu đầu tiên là người Do Thái! “Sự cứu rỗi bởi người Do Thái mà đến” (Gi 4:22). Trong thời Cựu Ước, Đức Chúa Trời đã chọn Y-sơ-ra-ên làm sứ giả đến với dân ngoại nhưng thay vào đó, dân Y-sơ-ra-ên bắt chước cách thờ thần tượng của dân ngoại và phải bị qở phạt. Trong thời Tân Ước, Đức Chúa Trời chọn tín hữu người Do Thái mang Phúc Âm đến dân ngoại, và họ đã vâng lời Ngài.

Có sự tăng tiến tốt đẹp trong các lời hứa Phao-lô trích dẫn trong Rô 15:9-12.

* Dân Do Thái làm sáng danh Đức Chúa Trời giữa vòng dân ngoại ((Rô 15:9, trích dẫn Thi 18:49).

* Dân ngoại reo mừng cùng dân Do Thái ((Rô 15:10, trích trong Phu 32:43).

* Tất cả dân Do Thái và ngoại bang cùng ngợi khen Đức Chúa Trời ((Ro 15:11, trích dẫn Thi 117:1).

* Đấng Christ sẽ cai trị trên dân Do Thái và ngoại bang ((Ro 15:12, trích dẫn Es 11:10).

Ro 15:8 bao gồm giai đoạn của Phúc Âm và Cong 1:1-7:60. Ro 5:9 mô tả chức vụ của Phao-lô khi người làm chứng giữa vòng dân ngoại. Ro 15:10 có thể được áp dụng cho giáo hội nghị trong Cong 15:1-33 khi dân ngoại được ban cho địa vị ngang bằng “với dân sự Ngài”. Ngày nay, người Do Thái và ngoại bang trong Hội Thánh đang cùng nhau ngợi khen Đức Chúa Trời.

Chữ “tin cậy” ở cuối câu Ro 15:12 thực sự là chữ “hy vọng”. Có một thuở dân ngoại “không có sự hy vọng” (Eph 2:12), nhưng bây giờ họ có sự hy vọng trong Đấng Christ. Không những người theo Chúa có sự hy vọng, nhưng họ còn có niềm vui sự bình an và quyền năng nữa (Ro 15:13)! Thánh Linh Đức Chúa Trời chia sẻ những phước hạnh này với họ khi họ đầu phục Ngài.

Vì tín hữu người Do Thái trung tín mang Phúc Âm đến cho dân ngoại, nhiều quốc gia trên thế giới ngày nay có cơ hội tin nhận Đấng Christ làm Đấng Cứu Rỗi của mình.

2. Chức vụ của Phao-lô cho dân ngoại (Ro 15:14-24)

Nếu chúng ta không hiểu chức vụ nổi bật của Phao-lô, chúng ta sẽ không cảm nhận trọn vẹn sự diệu của ân điển Đức Chúa Trời. Phao-lô giải thích các đặc điểm trong chức vụ của ông.

a. *Ông nhận lãnh chức vụ do ân điển* (Ro 15:14-15) - Khi ông còn là Sau-lơ què tại Tạt-sơ, một ra bi luật hăng hái, Phao-lô không biết về ân điển của Đức Chúa Trời. Ông bắt bớ Hội Thánh và tìm cách tàn hại Hội Thánh. Khi Phao-lô gặp Chúa Giê-xu Christ trên đường Đa-mách (Cong 9:1-30), ông kinh nghiệm ân điển của Đức Chúa Trời. Chính ân điển Đức Chúa Trời đã cứu ông, và cũng chính ân điển ấy đã kêu gọi ông khiến ông trở nên sứ đồ (ICo 15:8-11). “Nhờ Ngài chúng ta đã nhận lãnh ân điển và chức sứ đồ để đem mọi dân ngoại đến sự vâng phục của đức tin vì danh Ngài.” (Ro 1:5). Trong Eph 3:1-21 Phao-lô giải thích cụ thể chức vụ của ông cho dân ngoại.

b. *Chức vụ ấy tập trung vào Phúc Âm* (Ro 15:16) - Như đã đề cập ở trên, Phao-lô dùng chữ khác nhau cho chức vụ trong câu này, nhưng điểm nhấn mạnh nhằm vào chức tế lễ. Phao-lô tự coi mình là thầy tế lễ nơi bàn thờ dâng lên cho Đức Chúa Trời những người ngoại bang ông đã chinh phục về với Đấng Christ. Họ là những “của lễ thiêng liêng” làm sáng danh Đức Chúa Trời (IPhi 2:5). Ngay cả việc rao giảng Phúc Âm cũng là “bổn phận của thầy tế lễ”. Việc hiểu thấu đáo chức vụ chắc chắn sẽ thêm lên thái độ và trách nhiệm cho sự hầu việc của chúng ta. Thật là quan trọng khi các thầy tế lễ phải dâng lên cho Đức Chúa Trời điều tốt nhất (Ma 1:6-14).

Hãy lưu ý sự liên quan của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong sứ mạng của Lời Đức Chúa Trời. Phao-lô là sứ giả của Chúa Giê-xu Christ người rao giảng “Phúc Âm của Đức Chúa Trời” và người hầu việc trong quyền năng của Thánh Linh Đức Chúa Trời Đấng làm nên thánh chức vụ của ông. Được làm tôi tớ cho Ba Ngôi Đức Chúa Trời chinh phục linh hồn hư mất trở lại với Chúa Giê-xu Christ quả thật là một đặc ân và là một trách nhiệm nữa! Chúng ta nhớ rằng chinh phục linh hồn là một chức vụ thuộc về thầy tế lễ, một trách nhiệm thánh khiết. Và chúng ta nên hầu việc Chúa với lòng tận hiến như thầy tế lễ trong đền thờ.

c. *Chức vụ được thi hành vì danh vinh hiển Đức Chúa Trời* (Ro 15:17) - “Vậy tôi có cơ khoe mình trong Chúa Giê-xu Christ về điều hầu việc Đức Chúa Trời”. Chữ “khoe mình”

mang ý nghĩa “hãnh diện, tự hào”. Trước đây Phao-lô dùng chữ ấy trong Ro 2:17,23 5:2-3,11 3:27 4:2. Phao-lô không khoe khoang về chức vụ của mình. Ông khoe mình những điều Chúa đã làm. Vị sứ đồ không hầu việc và chịu khổ như người đã làm chỉ để làm vinh hiển chính mình, vì ông có mục đích cao hơn trong suy nghĩ. Ông muốn mang lại sự vinh hiển cho Chúa Giê-xu Christ. “Hầu cho trong mọi vật Ngài đứng đầu hàng” (Co 1:18).

d. *Chức vụ được thực hiện do quyền năng của Đức Chúa Trời* (15:18-19) - Đức Thánh Linh ban quyền năng cho Phao-lô để hầu việc Ngài, và Ngài giúp ông có thể làm các dấu kỳ phép lạ. Các phép lạ Đức Chúa Trời ban cho Phao-lô làm là “những dấu hiệu” đến từ Đức Chúa Trời và bày tỏ Ngài cho mọi người biết. Chúng là những phép lạ khơi gợi lòng hiếu kỳ của dân chúng. Nhưng mục đích của những dấu kỳ phép lạ là mở đường cho việc rao giảng Phúc Âm. Phép lạ ban ra để thẩm định sứ giả cùng sứ điệp rao ra (He 2:1-4). Chính phép lạ không bao giờ cứu được người hư mất. Khi Phao-lô chữa lành người què tại Lít-tơ (Cong 14:1-28), người ta lập tức nghĩ đến tà thần: dân chúng xưng Phao-lô và Ba-na-ba là thần linh và tìm cách thờ lạy họ ! Khi Phao-lô chia sẻ Phúc Âm cho họ, họ không nhiệt tình hưởng ứng. Cuối cùng, dân chúng ném đá Phao-lô và bỏ ông ta nằm chết ngoài thành.

Thánh Linh Đức Chúa Trời ban quyền năng cho Phao-lô để chia sẻ Lời Đức Chúa Trời, và mục đích đó là “khiến dân ngoại phục Ngài...” (Ro 15:18). Phao-lô chia sẻ Phúc Âm chính “bởi lời nói và việc làm”.

Có lẽ ngày nay chúng ta không thể thực hiện các phép lạ, vì đây là một ân tứ đặc biệt dành cho các sứ đồ. Nhưng “bởi lời nói và việc làm” chúng ta có thể chia sẻ tình yêu thương của Đức Chúa Trời cho người hư mất chung quanh chúng ta. Những thay đổi trong hành vi và tính cách cũng giống như các phép lạ của Đức Thánh Linh chữa lành người bệnh.

e. *Phao-lô thi hành chức vụ theo chương trình của Đức Chúa Trời* (Ro 15:20-24) - Đức Chúa Trời có chương trình đặc biệt cho Phao-lô làm theo: ông không rao giảng Phúc Âm tại nơi nào các sứ đồ khác đã rao giảng. (Đây là một bằng chứng cho thấy Phi-e-rơ không sáng lập các Hội Thánh tại Rô-ma, hoặc đã từng đến Rô-ma vì chắc chắn sẽ ngăn Phao-lô không đến đó). “Từ thành Giê-ru-sa-lem và các miền chung quanh cho đến xứ I-ly-ri” (Ro 15:19) trải dài khoảng 1.400 dặm ! Khi bạn suy nghĩ về sự đi lại chậm chạp và nguy hiểm rình rập (ICo 11:26-27), bạn có thể cảm nhận sự thành công lạ lùng trong chức vụ truyền giáo của Phao-lô. Trong khi tham dự vào công việc của người khác không phải là điều sai trái (Gi 4:38), nhưng đi tiên phong trong chức vụ và đem Phúc Âm đến vùng đất mới là điều tốt. Phao-lô trích dẫn Es 52:15 như lời chứng nhận của Đức Chúa Trời cho chức vụ này.

Cơ hội rộng mở tại các nơi khác trong đế quốc Rô-ma đã ngăn Phao-lô không đến thăm Rô-ma sớm hơn. Ông không bị sự chống đối của Sa-tan hoặc những ngăn trở của bệnh tật để không đến được Rô-ma, nhưng do sự thách thức phải hoàn thành công việc ngay nơi ông đang thi hành chức vụ. Ông trung tín trong sứ mạng rao truyền Phúc Âm đến nỗi không thể nói rằng trong các miền ấy không còn nơi nào nữa để thi hành chức vụ. Điều này không có nghĩa là cá nhân Phao-lô làm chứng cho mọi người trong vùng ấy, nhưng có nghĩa là ông đem Phúc Âm đến và để lại cho Hội Thánh cùng con cái Chúa tiếp tục công việc làm chứng cho Chúa. Phao-lô hoàn thành một công việc trước khi bắt đầu một công việc khác, một gương tốt cho chức vụ truyền giáo của chúng ta ngày nay.

Trải qua nhiều năm Phao-lô mong mỏi đến thăm Rô-ma và tiếp tục đến Tây-ban-nha nhưng không có lời tường thuật nào cho biết ông đã thực hiện được điều đó. Truyền thống cho rằng ông đã đến Tây-ban-nha, và Anh Quốc sau khi ông được thả ra khỏi tù, nhưng truyền thống trong Hội Thánh không phải luôn luôn đáng tin cậy.

3. Tín hữu ngoại bang chăm sóc tín hữu Do Thái (Ro 15:25-33)

Phao-lô và cộng sự của ông đã nhận khoản tiền dâng đặc biệt nơi các Hội Thánh ngoại bang tại Hy Lạp để giúp cho các thánh đồ người Do Thái đang chịu bắt bớ tại Giê-ru-sa-lem. Nội dung cuộc quyên góp này được ghi lại trong IICo 8:1-9:15. Có một vài mục đích đằng sau cuộc quyên góp đặc biệt này. Trước tiên, nó nói lên lòng thương yêu nơi những tín hữu ngoại bang đối cùng anh em người Do Thái của họ. Thứ hai, nó mang ý nghĩa giúp đỡ bằng hành động thực tế lúc tín hữu Do Thái nghèo khó cần chu cấp nhất. Thứ ba, nó giúp hiệp một người Do Thái và ngoại bang trong Hội Thánh. Đó là mối ràng buộc kéo họ xích gần lại với nhau.

Phao-lô xem của dâng này như là sự trả nợ. Người ngoại bang đã nhận của cải thiêng liêng từ người Do Thái. Bây giờ họ trả món nợ của họ bằng của vật chất. Phao-lô tự xem mình là “người mắc nợ” cả thế gian (Ro 1:14). Ông cũng coi các con cái Chúa ngoại bang là người mắc nợ tín hữu Do Thái, vì chính dân Do Thái đã cho dân ngoại Lời Đức Chúa Trời và Con Đức Chúa Trời. Là Cơ Đốc nhân chúng ta phải có bổn phận với dân Y-sơ-ra-ên, và trả món nợ ấy bằng lời cầu thay cho dân Y-sơ-ra-ên, chia sẻ Phúc Âm và giúp đỡ họ về phương diện vật chất. Chủ nghĩa bài Do Thái không có chỗ trong đời sống của con cái Chúa tận hiến cho Ngài.

Của dâng này không những là trả nợ, nhưng còn là “quả phước” (Ro 15:28). Đó không phải là “tiền của” Phao-lô đánh cắp từ các Hội Thánh! Nhưng đó là quả phước - kết quả tự nhiên của việc họ bước đi với Chúa (Gi 15:1-8).

Khi sự sống của Thánh Linh tuôn chảy qua Hội Thánh, sự ban cho không còn là khó khăn. Trong IICo 8: 1-5 Phao-lô mô tả phép lạ của ân điển đã xảy ra trong các Hội Thánh tại xứ Ma-xê-đoan.

Phao-lô nóng lòng mong tín hữu Do Thái nhận được của dâng này và mong ước họ hoan nghênh. Dưới sự tể trị của Đức Chúa Trời người muốn tạo ra mối dây kháng khí giữa Hội Thánh chính tại Giê-ru-sa-lem và các Hội Thánh nhánh trong các vùng khác của đế quốc Rô-ma. Chẳng may, vẫn còn có người Do Thái chống đối sứ điệp của ân điển đem đến cho dân ngoại và muốn dân ngoại phải trở thành người Do Thái và chấp nhận luật pháp Do Thái. (Các nhà nghiên cứu Thánh Kinh gọi những người này là “Những giáo sư Do Thái”. Họ đi theo Phao-lô bất cứ nơi nào ông đến và cố tìm cách quyên dụ Hội Thánh lìa bỏ Phao-lô. Thư tín gửi cho Hội Thánh Ga-la-ti được viết ra để chống lại những việc làm xấu xa của họ.)

Các chữ “cùng chiến đấu” trong câu 30 cho thấy một vận động viên cố hết sức mình trong cuộc tranh tài. Có lẽ các chữ “cùng nhau vật lộn” diễn đạt rõ hơn ý nghĩa này. Chữ này cũng được dùng trong sự cầu nguyện của Ê-pháp-ra chép trong Co 4:12. Câu Kinh Thánh này không có nghĩa là chúng ta phải chiến đấu với Đức Chúa Trời để đạt được điều chúng ta cần. Đúng hơn, điều đó có nghĩa là sự cầu nguyện của chúng ta không phải là một kinh nghiệm ngẫu nhiên không có chút cảm xúc hoặc nghiêm túc nào cả. Chúng ta nên thiết tha trong sự cầu nguyện như một người thi đấu trong môn vật của mình!

4. Các tín hữu chăm sóc Phao-lô (Ro 16:1-27)

Thật là một chương đáng chú ý! Trong chương này Phao-lô chào thăm ít nhất 26 người bằng cách xưng tên họ, cũng như hai thánh đồ không nêu tên ông cũng chào thăm một vài Hội Thánh nhóm lại tại nhà. Ông kết thúc bằng lời chào thăm chín con cái Chúa ở với ông tại Cô-rinh-tô khi ông viết thư này. Tầm quan trọng của điều này là gì? Nó cho thấy Phao-lô là người kết bạn và là người chinh phục linh hồn. Ông không tìm cách sống đời sống biệt lập ông có bạn hữu trong Chúa, và ông đánh giá cao về họ. Họ là nguồn giúp đỡ cho cá nhân ông

và chức vụ truyền giáo. Trong việc đọc tiểu sử con cái Chúa tôi đã khám phá ra rằng các tôi tớ được Đức Chúa Trời sử dụng nhiều nhất là những người có khả năng kết bạn. Họ tự gia tăng số lượng bạn bè của họ và nâng lên số người cộng tác trong chức vụ của họ. Có thể có nơi dành cho thánh đồ ăn dật sống một mình với Đức Chúa Trời, nhưng tôi tin rằng hầu hết chúng ta đều cần đến nhau. Chúng ta là chiên, và chiên sống theo bầy với nhau.

a. *Một số bạn chào thăm* (Ro 16:1-16) - Ông bắt đầu lời chào thăm Phê-bê, một thuộc viên của Hội Thánh Xen-cơ-rê, một phụ nữ mang thư đến cho các thánh đồ tại Rô-ma. Chưa từng bao giờ có sứ giả mang một bức thư quan trọng hơn như thế! Xen-cơ-rê là hải cảng của thành phố Cô-rinh-tô, vì vậy có thể Phê-bê được cứu trở nên môn đệ của Đấng Christ trong thời gian một năm rưỡi chức vụ của Phao-lô tại Cô-rinh-tô. Chữ “tôi tớ” là chức chấp sự thuộc giống cái, một số nhà nghiên cứu Thánh Kinh tin rằng bà là “nữ chấp sự” trong Hội Thánh. Điều này có thể lắm, vì trong Hội Thánh đầu tiên có nhiều phụ nữ hầu việc Chúa bằng cách thăm viếng người bệnh, phụ giúp những phụ nữ trẻ tuổi và giúp đỡ người nghèo khó. Phao-lô thừa nhận rằng Phê-bê là người giúp đỡ (nghĩa đen là “người nữ bảo vệ”) cho chính ông và các tín hữu khác. Và ông khuyến khích Hội Thánh săn sóc bà.

Thật chúng ta mong ước có được nội dung chi tiết câu chuyện đằng sau mỗi tên gọi này là dường nào! Chúng ta đã gặp A-qui-la và Bê-rít-sin trong Sách Cong 18:1-3,18-19,26). Chúng ta không biết được họ liệu mình vì Phao-lô tại đâu và vào lúc nào, nhưng chúng ta vui mừng vì họ đã làm điều đó! (ICo 16:19 IITi 4:19). Lúc viết thư này, họ đang ở tại Rô-ma và Hội Thánh nhóm trong nhà họ. Trong chương này, Phao-lô chào thăm nhiều Hội Thánh như vậy (Ro 16:10-11,14-15).

Bốn người được Phao-lô gọi là “rất yêu dấu”: Ê-bai-nết (c.5), Am-li-a (Ro 16:8), Êch-ta-chy (16:9), và Bết-si-đơ (16:12). Phao-lô đặc biệt nhớ đến Ê-bai-nết, vì người là trái đầu mùa trong xứ A-si. Rất có thể ông thuộc về người nhà của Sê-pha-na, vì trong ICo 16:15 những người này cũng được gọi là “trái đầu mùa trong xứ A-chai”.

An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a được gọi là “người bà con”, có thể điều này có nghĩa là những người bà con với Phao-lô, hoặc chỉ có nghĩa họ cũng là người Do Thái, có thể thuộc chi phái Bên-gia-min như Phao-lô. Đã có lần họ cùng chịu tù với Phao-lô. Chữ “sứ đồ” ở đây không có ý nói rằng họ nắm giữ cùng một chức vụ như Phao-lô, nhưng đúng hơn họ là “sứ giả” của Chúa. Chữ “sứ đồ” có nghĩa hẹp lẫn nghĩa rộng.

Gia đình Ru-phu nhắc đến trong câu Ro 16:13 có lẽ cùng tên với người được nêu tên trong Mac 15:21 nhưng chúng ta không thể chắc được. Nếu đúng như vậy, từng trái của Si-môn tại đồi Gô-gô-tha đã đưa ông và cả nhà đến sự nhận biết Chúa. Phao-lô và Ru-phu không có liên hệ bà con. “Mẹ người cũng là mẹ tôi” chỉ có nghĩa là mẹ của Ru-phu giống như một người mẹ đối với Phao-lô (Mac 10:30).

Danh sách này cho thấy nhiều người đóng các vai trò trong chức vụ của Phao-lô và chức vụ của các Hội Thánh. Phê-bê là “người cứu giúp” của nhiều người. A-qui-la và Bê-rít-sin là “những người giúp đỡ” và “liều chết để cứu sự sống cho Phao-lô”. Sự tin đạo của Ê-bai-nết đem sự cứu rỗi đến cho nhiều người khác trong xứ A-si. Ma-ri “có nhiều công khó”. An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a vào tù cùng với Phao-lô. Chúng ta chỉ có thể dâng lời tạ ơn vì những thánh đồ tận tụy này đã làm tròn chức vụ của họ để làm sáng danh Đức Chúa Trời. Nguyên chúng ta bước theo đoàn của họ !

b. *Một số kẻ thù phải tránh xa* (Ro 16:17-20) - Không phải tất cả mọi người làm việc với Phao-lô để truyền bá Phúc Âm. Có một số người vì những nguyên nhân vị kỷ, đang phân rẽ Hội Thánh qua các giáo lý sai trật. Có thể những người này giống như những người theo

giáo Do Thái đã gây ra nhiều phiền toái cho Phao-lô trong các Hội Thánh khác (Phi 3:17-21). Thay vì rao giảng lời của chân lý, những người này dùng những lời nói ngọt ngào đua nịnh truyền bá đạo giáo của họ. Ngày nay chúng ta có nan đề giống như vậy, con cái Chúa phải coi chừng các giáo sư giả. Họ mang đến trước cửa nhà bạn nhiều tạp chí, sách báo, băng từ nhằm cố thuyết phục bạn rằng họ đang rao giảng chân lý. Phao-lô cho chúng ta hai lời chỉ dẫn: hãy phát hiện họ (nhận dạng họ), và tránh xa họ.

Đó là vấn đề vâng lời Đức Chúa Trời và làm chứng cho người khác. Vấn đề không phải là kết bạn hoặc giữ được bạn nhưng là làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và duy trì lời chứng không thay đổi. Ro 16:20 cho thấy rằng các giáo sư giả thực sự đến từ Sa-tan, ngày kia nó sẽ hoàn toàn bị đánh bại.

c. *Tán dương một số tôi tớ trung tín* (Ro 16:21-24) - Giờ điểm danh các anh hùng thật trang trọng làm sao! Ti-mô-thê thường được nhắc đến trong sách Công-vụ và các thư tín. Ông là “con đức tin” của Phao-lô và được làm việc chung với Phao-lô ở nhiều nơi khó khăn. (Phi 2:19-24). Lu-si-út là anh em người Do Thái cũng như Gia-sôn và Sô-xi-ba-tê. Chúng ta không có chứng cứ nào cho thấy rằng người có tên Gia-sôn ở đây đã bảo vệ Phao-lô tại Tê-sa-lô-ni-ca (Cong 17:1-9). Có lẽ Gia-sôn ấy là một người ngoại bang.

Tet-tiu là thư ký viết bức thư khi Phao-lô đọc cho ông viết. Gai-út là người có nhà dành cho Phao-lô trú ngụ tại Cô-rinh-tô. ICo 1:14 cho biết Phao-lô đưa đất Gai-út về với Đấng Christ và làm Báp-têm cho ông như thế nào lúc ông thành lập Hội Thánh Cô-rinh-tô. Rất có thể có một Hội Thánh đang nhóm lại trong nhà của Gai-út. Ê-rát giữ một chức vụ cao trong thành phố, có lẽ là người giữ kho bạc. Phúc Âm đã vươn đến hàng ngũ lãnh đạo tại Cô-rinh-tô cũng như những nơi thấp (ICo 1:26-31 6:9-11).

Ro 16:24 có lẽ do chính tay Phao-lô viết, vì đây là “dấu ký chính thức” trong mọi bức thư (II Te 3:17-18).

Lời chúc phước cuối thư là lời chúc dài nhất Phao-lô đã từng viết. Nó nói lên chức vụ đặc biệt của ông dành cho người ngoại bang. “Lẽ mâu nhiệm” có liên quan đến chương trình Đức Chúa Trời hiệp một các tín hữu Do Thái và ngoại bang vào trong một Thân Thể, là Hội Thánh (Eph 3:1-21). Đây là sứ điệp đặc biệt của Phao-lô. Chính vì sứ điệp này mà Phao-lô bị người theo giáo Do Thái bắt bớ, vì họ muốn duy trì các đặc quyền Do Thái. Cả người Do Thái và ngoại bang trong các Hội Thánh tại Rô-ma cần phải biết chương trình của Đức Chúa Trời. Phao-lô giải thích điều này trong các chương 9 đến chương 11.

Cơ Đốc nhân được gây dựng bởi chân lý, điều này giải thích tại sao Phao-lô viết thư này: để giải thích chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời đối với Cơ Đốc nhân vì vậy họ sẽ được gây dựng, và họ sẽ chia sẻ chân lý cho người hư mất chưa tin. Dầu sao, chúng ta cũng không thể chia sẻ cho người khác những gì chúng ta không có.

Điều này có nghĩa việc nghiên cứu thư Rô-ma sẽ làm chúng ta vững vàng hơn trong đức tin, và càng hăng say chia sẻ về Đấng Christ cho người khác. Và kết quả là: “Nguyện vinh quang đời đời về nơi Đức Chúa Trời khôn ngoan duy nhất qua công lao Chúa Giê-xu Christ!”.

